

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103010382 do Sở kế hoạch & đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22/ 05/ 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 09 số 0302124121 ngày 24/ 09/ 2014)



ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Đăng ký niêm yết số..../ĐKNY do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp ngày....tháng....năm....)

Bản cáo bạch và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 37979009 Fax: (08) 37979100

Website: www.kimvico.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3 TT Hội Nghị Công Đoàn 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 84.4.38181888 Fax: 84.4.38181688

Website: www.shs.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Nguyễn Thị Thúy Chức vụ: Chuyên viên phòng Tài chính

Điện thoại: (08) 37979009 Fax: (08) 37979100

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103010382 do Sở kế hoạch & đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22/ 05/ 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 09 số 0302124121 ngày 24/ 09/ 2014)

Trụ sở: 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 37979009 Fax: (08) 37979100

Website: www.kimvico.com.vn

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

| | |
|---------------------------------|--|
| Tên cổ phiếu | : Cổ phiếu Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ |
| Loại cổ phiếu | : Cổ phiếu phổ thông |
| Mã cổ phiếu | : KVC |
| Mệnh giá | : 10.000 đồng/ cổ phiếu |
| Tổng số lượng cổ phiếu niêm yết | : 16.500.000 cổ phiếu |
| Tổng giá trị niêm yết | : 165.000.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi lăm tỷ đồng) |

Tổ chức kiểm toán: Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn thuế AAT

✚ Văn phòng tại Hà Nội:

Địa chỉ: Phòng 1501, Nhà 17T5, Khu Đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính - đường Hoàng Đạo Thúy, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: +84-4.22210082 Fax: +84-4.22210084

Website: www.aat.com.vn

✚ Văn phòng tại TP. HCM:

Địa chỉ: Phòng 11.5, Block B, Tòa nhà Indochina Park Tower, số 4 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: +84-8. 3 9 118 839 Fax: +84-8. 3 9 118 939

Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Tầng 3 TT Hội Nghị Công Đoàn 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 84.4.38181888 Fax: 84.4.38181688

Website: www.shs.com.vn

MỤC LỤC

| | | |
|------|--|----|
| I. | CÁC NHÂN TỐ RỦI RO | 5 |
| 1. | Rủi ro về kinh tế | 5 |
| 2. | Rủi ro về luật pháp | 6 |
| 3. | Rủi ro đặc thù | 6 |
| 4. | Rủi ro khác | 8 |
| II. | NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH | 8 |
| III. | CÁC KHÁI NIỆM | 8 |
| IV. | TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT | 9 |
| 1. | Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển | 9 |
| 2. | Quá trình tăng vốn | 11 |
| 3. | Cơ cấu tổ chức của công ty | 12 |
| 4. | Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty | 12 |
| 5. | Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông | 28 |
| 6. | Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng. | 30 |
| 7. | Hoạt động kinh doanh | 30 |
| 7.1. | <i>Sản lượng, giá trị sản phẩm qua các năm:</i> | 35 |
| 7.2. | <i>Nguyên vật liệu và các yếu tố đầu vào</i> | 36 |
| 7.3. | <i>Cơ cấu chi phí:</i> | 38 |
| 7.4. | <i>Trình độ công nghệ</i> | 39 |
| 7.5. | <i>Tình hình nghiên cứu đầu tư phát triển sản phẩm mới</i> | 43 |
| 7.6. | <i>Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ:</i> | 46 |
| 7.7. | <i>Hoạt động marketing</i> | 48 |
| 7.8. | <i>Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh và sáng chế bản quyền</i> | 51 |
| 7.9. | <i>Một số hợp đồng tiêu biểu</i> | 51 |
| 8. | Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất: | 53 |
| 8.1 | <i>Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh :</i> | 53 |
| 8.2 | <i>Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo</i> | 54 |

| | | |
|------|--|-----|
| 9. | Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành | 56 |
| 9.1. | <i>Vị thế của Công ty trong ngành:</i> | 56 |
| 9.2. | <i>Triển vọng phát triển của ngành</i> | 56 |
| 9.3. | <i>Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành</i> | 63 |
| 10. | Chính sách với người lao động | 64 |
| 11. | Chính sách cổ tức | 70 |
| 12. | Tình hình tài chính | 70 |
| 13. | Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu | 75 |
| 14. | Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng | 76 |
| 15. | Tài sản | 92 |
| 16. | Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức từ 2015 – 2016 | 92 |
| 17. | Định hướng phát triển chiến lược của Công ty | 95 |
| 18. | Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức. | 96 |
| 19. | Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết. | 96 |
| 20. | Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết | 96 |
| V. | CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT | 96 |
| 1. | Loại chứng khoán | 96 |
| 2. | Mệnh giá | 97 |
| 3. | Mà chứng khoán | 97 |
| 4. | Tổng số chứng khoán niêm yết: | 97 |
| 5. | Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyên nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành | 97 |
| 6. | Phương pháp tính giá | 98 |
| 7. | Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài (theo quy định của pháp luật về chứng khoán và pháp luật chuyên ngành nếu có) | 100 |
| 8. | Các loại thuế có liên quan | 100 |
| VI. | CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT | 101 |

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế chung của cả nước, lãi suất ngân hàng, tình hình lạm phát, v.v. đều ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ.

Kinh tế thế giới năm 2013 nhìn chung phục hồi với tốc độ khá chậm, yếu tố cản trở quá trình phục hồi bao gồm thương mại tăng trưởng chậm chạp, tổng cầu trong nước của nhiều nền kinh tế chủ chốt không tăng như kỳ vọng và rủi ro vĩ mô ở các nước đang phát triển v.v... Tăng trưởng kinh tế phục hồi chủ yếu được ghi nhận ở nhóm các nước phát triển với nợ công và chính sách tài khóa phần nào được cải thiện, trong khi nhóm các nước đang phát triển và mới nổi, đặc biệt là ở châu Á, vẫn tiếp tục trong tình trạng suy giảm. Trong bối cảnh khó khăn chung của kinh tế thế giới, tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Việt Nam năm 2013 chỉ tăng 5,42% so với năm 2012, cao hơn mức tăng trưởng 5,25% của năm 2012, nhưng thấp hơn mục tiêu 5,5%. Nền kinh tế vẫn chưa thoát khỏi vùng trũng suy giảm kéo dài từ năm 2010, thất nghiệp và tỉ lệ thiếu việc làm ngày càng gia tăng, đặc biệt là tỉ lệ thất nghiệp của thanh niên, tiền lương thực tế của lao động trên đà giảm sút.

Bước sang năm 2014, GDP của nước ta đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất trong 3 năm qua, đạt 5,98%, cao hơn mức 5,42% năm 2013 và 5,25% năm 2012¹. Tăng trưởng GDP cao hơn so với mục tiêu Quốc hội đề ra do hầu hết các lĩnh vực đều tăng trưởng cao hơn năm trước, nhất là ở các nhóm ngành xây dựng và công nghiệp chế tạo. Cơ cấu nền kinh tế đã có những chuyển biến theo hướng tích cực với tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 18,12%, khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 38,50%, và khu vực dịch vụ chiếm 43,38%². Bên cạnh đó, với nỗ lực từ phía Chính phủ và Ngân hàng nhà nước, cung tiền được điều tiết hợp lý, mặt bằng giá cả ổn định hơn đã kiềm hãm được mức tăng của chỉ số CPI. Điều này được thể hiện khá rõ qua các báo cáo của Tổng cục thống kê về tình hình kinh tế xã hội Việt Nam năm 2013 và 2014. Theo báo cáo này, năm 2013 và năm 2014 chỉ số CPI bình quân chỉ còn tăng lần lượt là 6,04% và 4,09% so với năm 2012 và năm 2013. Đây là mức thấp nhất trong 10 năm qua của Việt Nam.

Theo dự báo của Ủy Ban Giám sát tài chính Quốc Gia, kinh tế Việt Nam năm 2015 đứng trước nhiều cơ hội để tiếp đà phục hồi với dự đoán tăng trưởng GDP vào khoảng 6,2%, nhờ (i) tiêu dùng phục hồi; (ii) lạm phát thấp trong năm 2014 và lạm phát năm 2015 dự kiến khả quan; (iii) đầu tư tư

¹ Tổng cục thống kê

² Tổng cục thống kê

nhân cải thiện do môi trường kinh tế vĩ mô cùng với những cải cách thể chế sẽ tạo dựng niềm tin của doanh nghiệp và (iv) triển vọng TPP được kí kết trong năm 2015. Nền kinh tế chung phát triển sẽ thúc đẩy các ngành nghề kinh doanh khác nhau. Đây sẽ là yếu tố thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ.

Tuy nhiên, ngoài những tín hiệu tích cực trên, nền kinh tế nước ta vẫn tồn tại nhiều hạn chế, thể hiện ở nhu cầu tiêu dùng nội địa còn thấp, thiếu hụt về cơ sở hạ tầng, số lượng doanh nghiệp ngừng hoạt động, giải thể cao hơn so với cùng kỳ năm ngoái, lòng tin của khu vực tư nhân chưa đủ mạnh, tỷ lệ nợ trên vốn của các doanh nghiệp nhà nước và tỷ lệ nợ xấu tại các ngân hàng thương mại còn cao, dư địa tài khoá bị thu hẹp... Nền kinh tế đang trong giai đoạn phục hồi, chưa vững chắc và còn nhiều hạn chế tiềm ẩn rủi ro dễ bị tổn thương trước các nguy cơ khủng hoảng kinh tế của khu vực và toàn cầu. Điều này sẽ ảnh hưởng đến sự tăng trưởng của nền kinh tế nói chung và của công ty nói riêng.

Ngoài ra, Hoạt động của công ty thường xuyên phải nhập khẩu nguyên liệu, đồng thời cũng có hoạt động xuất khẩu bán hàng. Vì thế, Công ty phát sinh nhiều giao dịch ngoại tệ (chủ yếu là đô la Mỹ). Tuy nhiên, Công ty ít gặp rủi ro tỉ giá do phần lớn các hợp đồng xuất nhập khẩu chỉ cố định khối lượng cho toàn bộ thời hạn hợp đồng, trong khi giá bán sẽ được các bên xác định theo giá thị trường tại thời điểm giao hàng.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro luật pháp phát sinh khi Công ty không cập nhật và áp dụng kịp thời các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai các hoạt động của Công ty. Là công ty đại chúng và niêm yết trên thị trường chứng khoán, ngoài Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan tới ngành nghề, hoạt động của Công ty còn chịu tác động của Luật chứng khoán và các Nghị định, Thông tư liên quan. Hệ thống văn bản pháp luật Việt Nam còn đang trong quá trình hoàn thiện, thiếu tính đồng nhất và ổn định, vì vậy, gây rất nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp trong quá trình áp dụng.

Bên cạnh đó, do lĩnh vực chính hoạt động chính của Kim Vĩ là sản xuất, xuất nhập khẩu các sản phẩm thép không gỉ, Công ty còn phải chấp hành các quy định pháp luật liên quan đến xuất nhập khẩu, thuế quan..., không chỉ của Việt Nam mà còn của các quốc gia bạn hàng trên thế giới. Việc hiểu chưa chính xác, thiếu thường xuyên các văn bản pháp luật là một rủi ro ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế tối đa những rủi ro về pháp luật, Công ty luôn chủ động theo dõi, nghiên cứu và cập nhật thường xuyên các văn bản pháp luật liên quan tới hoạt động của Công ty. Với các vấn đề có ảnh hưởng lớn tới hoạt động, Công ty tiến hành tham khảo ý kiến các đơn vị tư vấn để có giải pháp tối ưu.

3. Rủi ro đặc thù

Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xuất nhập khẩu inox, Kim Vĩ luôn đứng trước những rủi ro đặc thù riêng của ngành đó là (i) rủi ro biến động giá nguyên vật liệu (ii) rủi ro về thị trường tiêu thụ (iii) rủi ro cạnh tranh

Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu

Thép cán nguội không gỉ là nguyên liệu đầu vào chính để sản xuất ra các sản phẩm inox. Hiện nay, đa số các doanh nghiệp sản xuất inox đều nhập khẩu nguồn nguyên liệu này từ các quốc gia như Trung Quốc, Malaysia, Indonesia và Đài Loan. Kể từ ngày 05/09/2014, Quyết định 7896/QĐ-BCT của Bộ Công thương về áp thuế chống bán phá giá với các sản phẩm thép cán nguội nhập khẩu từ các thị trường trên được ban hành sẽ khiến giá nguyên liệu lên cao sẽ gây khó khăn cho các doanh nghiệp, làm tăng chi phí sản xuất.

So với các doanh nghiệp cùng ngành, Kim Vĩ có lợi thế hơn về nguyên liệu khi có thể thực hiện cán ra thép cán nguội từ thép cán nóng nhập khẩu, tuy nhiên do năng lực máy cán chưa đáp ứng đủ nhu cầu thép cán nguội cho sản xuất, doanh nghiệp vẫn phải nhập khẩu một phần nguyên liệu thép cán nguội. Vì vậy, Công ty cũng phần nào chịu tác động của chính sách trên, dù ảnh hưởng không đáng kể.

Kể đến là hàng loạt khó khăn khác như: phí vận chuyển tăng mạnh, là doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nặng phí cảng-thông quan, ảnh hưởng tới giá thành sản xuất của doanh nghiệp. Giá điện tăng cũng làm tăng giá thành đáng kể cho Kim Vĩ vì công nghệ cán luyện, ủ sử dụng điện rất lớn.

Rủi ro về thị trường tiêu thụ

Ngoài rủi ro về giá nguyên liệu đầu vào, lĩnh vực sản xuất, xuất nhập khẩu inox còn đứng trước rủi ro thị trường khi suy thoái kinh tế toàn cầu ảnh hưởng tới nhu cầu sử dụng các sản phẩm inox cả ở thị trường nội địa và xuất khẩu. Tuy nhiên, do đặc thù khách hàng của Kim Vĩ là các doanh nghiệp trong lĩnh vực hàng gia dụng, lĩnh vực không chịu nhiều tác động của suy thoái kinh tế, rủi ro thị trường của Công ty ít hơn so với các doanh nghiệp khác cùng ngành.

Công ty đã xây dựng Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001: 2008, đã và đang triển khai dự án quản trị chất lượng toàn diện TQM, thực hiện đánh giá hàng năm để đảm bảo chất lượng sản phẩm một cách ổn định.

Rủi ro cạnh tranh

Hiện nay, có khoảng 20 doanh nghiệp trong nước sản xuất thép không gỉ làm nguyên liệu cho các ngành khác, trong đó có những công ty lớn, có uy tín và đang cạnh tranh khá trực tiếp với công ty như Hoàng Vũ, Tiến Đạt, Hòa Bình, Gia Đô.... Kim Vĩ đang nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm, đa

dạng hoá mẫu mã để chiếm lĩnh thị trường, tiến tới mục tiêu trở thành tập đoàn sản xuất thép không gỉ hàng đầu Việt Nam.

4. Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro khách quan và đặc thù trên, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn có thể chịu tác động của các rủi ro bất khả kháng như biến động chính trị, động đất, dịch bệnh, hỏa hoạn, lũ lụt....gây ảnh hưởng tiêu cực tới tình hình kinh doanh của Công ty. Những rủi ro này tuy xác suất xảy ra rất hiếm hoi tuy nhiên khi xuất hiện sẽ gây thiệt hại lớn cho Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

TỔ CHỨC NIÊM YẾT: CTCP SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

| | |
|-----------------------|---|
| Ông Đỗ Hùng | Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc |
| Bà Lê Thị Hồng Hạnh | Chức vụ: Phó Tổng giám đốc |
| Ông Trần Trung Nghĩa | Chức vụ: Kế toán trưởng |
| Bà Nguyễn Thị Kim Chi | Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

TỔ CHỨC TƯ VẤN: CTCP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Ông Vũ Đức Tiến **Chức vụ: Tổng giám đốc**

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn số 06A/2015/HĐTV-SHS ký ngày 03/02/2015 với Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do với Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- Công ty, Kim Vĩ, KVC: là Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ;
- ĐHĐCĐ: là Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT: là Hội đồng quản trị
- BKS: là Ban kiểm soát

- CBCNV: là Cán bộ công nhân viên
- CTCP: là Công ty cổ phần
- KSNB : là Kiểm soát nội bộ
- TQM : Hệ thống quản lý chất lượng toàn diện

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ với tiền thân là Cơ sở sản xuất thép Kim Vĩ được thành lập từ năm 1989. Giai đoạn từ 2000 – 2008, Công ty hoạt động với mô hình Công ty TNHH Kim Vĩ và từ tháng 5 năm 2008 tới nay, Công ty hoạt động với mô hình Công ty cổ phần.

Quá trình phát triển của công ty Kim Vĩ:

- Từ năm 1989 tới năm 2000: Thành lập Cơ sở Kim Vĩ
- Từ năm 2000 tới năm 2008: Thành lập Công ty TNHH Kim Vĩ. Công ty TNHH Kim Vĩ hoạt động với mức vốn điều lệ ban đầu là 5 tỷ đồng.
- Từ tháng 5 năm 2008 tới nay: Công ty TNHH Kim Vĩ tiếp tục chuyển đổi thành Công ty Cổ Phần Sản Xuất - Xuất Nhập Khẩu Inox Kim Vĩ với vốn điều lệ khi mới chuyển đổi là 16 tỷ đồng. Ngày 13 tháng 12 năm 2014: công ty đã đăng ký công ty đại chúng với Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Hiện tại, Kim Vĩ vẫn đang trên bước đường phát triển, vẫn còn những điều cần phải hoàn thiện thêm. Tuy nhiên, Kim Vĩ tự hào về những đóng góp của mình vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước thông qua sự đầu tư liên tục của mình trong ngành thép không gỉ cũng như các ngành nghề khác. Trong hơn mười lăm (15) năm qua, Công ty đã nỗ lực xây dựng thương hiệu Kim Vĩ thành đơn vị lớn mạnh và có uy tín với khách hàng.

KIM VĨ (KIM trong từ “Kim loại”, VĨ trong từ “Vĩ đại”) luôn nỗ lực không ngừng để vượt qua những thử thách khắc nghiệt của thị trường, phấn đấu trở thành công ty kim loại vĩ đại như mong muốn của người sáng lập.

Thông tin về tổ chức niêm yết như sau:

- Tên công ty : Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ
- Tên tiếng anh : Kim Vi Inox Import Export Production Joint Stock Company
- Trụ sở chính : 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BẢN CÁO BẠCH CTCP SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

- Điện thoại : (08) 37979009
- Fax : (08) 37979100
- Website : www.kimvico.com.vn



- Logo : KIMVICO Since 1989 Thép mà không gỉ
- Giấy ĐKDN : Số 4103010382 do Sở kế hoạch & đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22 tháng 05 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 09 số 0302124121 ngày 24 tháng 09 năm 2014
- Vốn điều lệ : 165.000.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi lăm tỷ đồng*)
- Ngành nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|--|-----------------|
| 1 | Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn inox | 4662 (chính) |
| 2 | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Mua bán xe chuyên dùng, xe tải, máy công cụ, máy xúc – đào, máy công nghiệp | 4511 |
| 3 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê nhà xưởng, kho bãi; Kinh doanh bất động sản; Mua bán, cho thuê nhà ở | 6810 |
| 4 | Xây dựng nhà các loại | 4100 |
| 5 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp Chi tiết: Mua bán máy nông nghiệp | 4633 |
| 6 | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất, gia công, định hình inox | 3290 |
| 7 | Gia công cơ khí; xử lý tráng phủ kim loại Chi tiết: Cán, kéo, định hình inox dạng cuộn – dây - ống – U – V | 2592 |

BẢN CÁO BẠCH CTCP SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

2. Quá trình tăng vốn

Tiền thân của Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ là Công ty TNHH Kim Vĩ được thành lập vào ngày 22/5/2008. Quá trình tăng vốn của công ty như sau:

Bảng số 1: Quá trình tăng vốn của Công ty

| Các đợt tăng vốn | Vốn điều lệ trước khi phát hành | Mức vốn điều lệ phát hành thêm | Mức vốn điều lệ sau phát hành | Hình thức phát hành | Căn cứ pháp lý |
|-----------------------|---------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|--|
| Thành lập – Năm 2008 | 16.000.000.000 | | | | Đăng ký kinh doanh số 4103010382 cấp ngày 22/5/2008 |
| Lần 1 (tháng 11/2012) | 16.000.000.000 | 20.000.000.000 | 36.000.000.000 | Chào bán cho cổ đông hiện hữu | - Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 05/BB/CTY và 03/QĐ/2012 ngày 17/11/2012 - Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6 số 0302124121 cấp ngày 19/11/2012 |
| Lần 2 (tháng 3/2013) | 36.000.000.000 | 72.000.000.000 | 108.000.000.000 | Chào bán cho cổ đông hiện hữu | - Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 20/3/2013 - Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2013/BB-ĐHĐCĐ và 02/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/11/2013 - Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 7 số 0302124121 cấp ngày 27/3/2013 |
| Lần 3 (tháng 09/2014) | 108.000.000.000 | 57.000.000.000 | 165.000.000.000 | Chào bán cho cổ đông hiện hữu | - Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2014/BB-ĐHĐCĐ và 02/2014/NQ-ĐHĐCĐ - Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/2014/BB-ĐHĐCĐ và 03/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/09/2014 - Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 9 số 0302124121 cấp ngày 24/9/2014 |

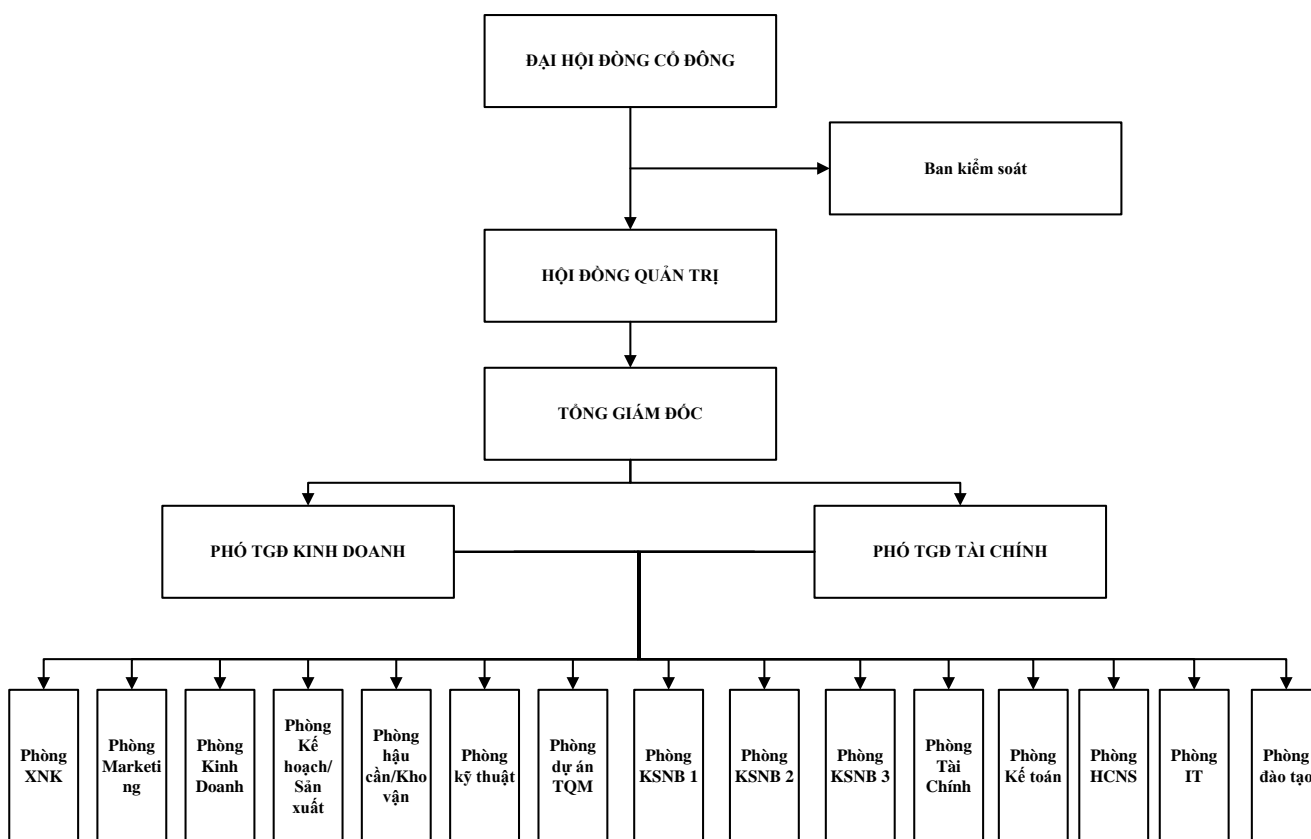
(Nguồn: CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ)

3. Cơ cấu tổ chức của công ty

Đến thời điểm 31/12/2014, cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ bao gồm (i) 01 trụ sở chính tại thành phố Hồ Chí Minh và (ii) 02 chi nhánh. Chi tiết như sau:

- Công ty đặt trụ sở chính tại: Số 117, Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Tp Hồ Chí Minh
- Công ty có hai (02) chi nhánh
 - o Chi nhánh Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ
Địa chỉ: Ấp 11, Võ Văn Bích, Xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - o Chi nhánh Lý Thường Kiệt – Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ
Địa chỉ: 22/48 Lý Thường Kiệt, Cư Xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

4. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty



Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ. Quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Các quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát bao gồm những người thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất, kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi nhiệm. Quyền hạn của Ban kiểm soát theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc điều hành các hoạt động, công việc hàng ngày của công ty thuộc thẩm quyền theo đúng quyết định của Hội đồng quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ của công ty và các qui định của pháp luật.

Phòng Hành chính nhân sự

- Là phòng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám Đốc công ty trong việc tổ chức thực hiện công tác tuyển dụng, tổ chức cán bộ, đào tạo, lao động tiền lương. Thừa lệnh Tổng Giám Đốc công ty hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các doanh nghiệp thành viên thực hiện chế độ chính sách, quy định của Nhà nước trong lĩnh vực công tác tổ chức cán bộ và lao động tiền lương.
- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy công ty, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV; thực hiện chính sách, chế độ tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động; quản lý, điều hành công tác hành chính của công ty.
- Kết hợp cùng Ban chấp hành Công đoàn cơ sở chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ công nhân viên trong Công ty. Phối hợp cùng chính quyền địa phương đảm bảo an ninh trật tự cho cán công nhân viên của công ty.

- Xây dựng nội quy, quy chế, quy định quản lý nội bộ trong công ty.
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc việc bố trí, sắp xếp lao động các phòng ban, chi nhánh và xí nghiệp của công ty cho phù hợp với tính chất công việc phù hợp với luật lao động được Nhà nước ban hành.
- Quản lý, lưu trữ hồ sơ của cán bộ công nhân viên, giải quyết những vấn đề phát sinh về quyền lợi cũng như chính sách của người lao động trong quá khứ và hiện tại.
- Tổ chức quản lý điều hành bộ phận trực thuộc của phòng HCNS: bảo vệ, tạp vụ, tài xế...
- Tổ chức thực hiện việc cấp phát văn phòng phẩm, trang thiết bị văn phòng, đồng phục nhân viên, trang bị bảo hộ lao động, quản lý nhiên liệu, cước điện thoại theo định mức.
- Tổ chức thực hiện công tác phòng cháy chữa cháy, công tác bảo vệ môi trường theo đúng quy định của nhà nước.
- Phối hợp với phòng Marketing tổ chức thực hiện các hoạt động phong trào, sự kiện của Công ty.
- Phối hợp với phòng đào tạo và các phòng ban kiểm tra thi tay nghề thi quy chế nội quy của công ty.
- Phòng thực hiện các chức năng và điều hành mọi hoạt động theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Phòng IT

- Nghiên cứu, đề xuất và triển khai xây dựng hệ thống, duy trì, quản trị, tối ưu hóa hệ thống máy chủ, hệ thống lưu trữ, tổng đài, camera, giám sát vào ra, mạng, phần mềm hệ thống, phần mềm quản trị ERP BFO (Biz Force One).
- Tham mưu cho Ban Giám Đốc về định hướng, chiến lược và kế hoạch xây dựng, phát triển công nghệ thông tin trong từng giai đoạn phát triển và kinh doanh của toàn Công ty cũng như các chi nhánh trực thuộc.
- Chịu trách nhiệm về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động an ninh mạng – truyền thông, mạng Công nghệ thông tin của Công ty. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định, cấp quyền sử dụng, quy trình kỹ thuật các chương trình của hệ thống an ninh mạng - truyền thông.
- Chịu trách nhiệm về tất cả các hoạt động liên quan đến quản trị cơ sở dữ liệu, quản trị hệ thống ERP và các ứng dụng về công nghệ thông tin của Công ty, đảm bảo sự vận

hành liên tục và hiệu quả của toàn bộ hệ thống công nghệ thông tin 24/24.

- Thực hiện việc đánh giá, phân tích định kỳ về hiệu quả các hệ thống phần cứng, phần mềm. Đề xuất các giải pháp cải tiến, tối ưu hoá hiệu quả hoạt động của hệ thống Công nghệ thông tin.
- Nghiên cứu, thử nghiệm, triển khai các dự án, áp dụng công nghệ vào sản xuất, kinh doanh nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả công việc cho toàn Công ty.
- Tiếp nhận yêu cầu và xử lý các sự cố trong quá trình sử dụng phần mềm, vận hành máy tính, hệ thống phần cứng. Thống kê, tổng hợp các loại rủi ro, các trường hợp lỗi trong hệ thống công nghệ thông tin. Qua đó đề xuất hướng phòng ngừa, xử lý và khắc phục.
- Xây dựng các quy trình, quy chế, quy định, quản lý thiết bị, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực của Phòng, đánh giá hiệu quả các quy trình, quy định này trong thực tế để liên tục cải tiến, giúp nâng cao hoạt động của Công ty. Thực hiện công tác giám sát, đánh giá, kiến nghị với các Phòng ban/Bộ phận có liên quan về việc tuân thủ quy định, quy chế về hoạt động và ứng dụng công nghệ thông tin đã được Ban Tổng Giám Đốc ban hành.
- Xây dựng tài liệu sử dụng, đào tạo hướng dẫn sử dụng các phần mềm ứng dụng cho CBCNV trực thuộc khối văn phòng, sản xuất trong Công ty.
- Thực hiện xây dựng chiến lược, kế hoạch ngân sách hàng năm, kế hoạch công việc của Phòng từng tháng để trình Ban Tổng Giám Đốc phê duyệt. Đề xuất mua sắm, quản lý các tài sản về công nghệ thông tin của toàn Công ty.
- Tổ chức bộ máy nhân sự, phân công công việc trong Phòng để hoàn thành kế hoạch ngân sách năm, kế hoạch công việc của Phòng ban/Bộ phận đã được phê duyệt theo từng thời điểm.
- Cung cấp các dịch vụ về hạ tầng công nghệ thông tin tin cậy và hiệu quả cho các Phòng ban/Bộ phận trong Công ty. Bao gồm: thực hiện các hoạt động thường xuyên và định kỳ như duy trì, sửa chữa và cập nhật tài liệu kiến trúc mạng máy tính Công ty như: hệ thống chuyển mạch tại trung tâm kết nối với các nhánh, hệ thống máy chủ mạng, hệ thống cáp truyền dẫn, xử lý các yêu cầu về di chuyển, thêm, thay đổi, tài khoản sử dụng mạng hoặc các máy tính hay các hệ thống mạng của các Phòng ban/Bộ phận.
- Cung cấp các dịch vụ cho các hệ thống ứng dụng tin cậy và hiệu quả cho các Phòng ban/Bộ phận trong Công ty. Bao gồm: duy trì hoạt động thường xuyên cho các hệ thống

ứng dụng, phối hợp với Phòng ban/Bộ phận liên quan xây dựng và thực hiện chính sách sao lưu (backup) dữ liệu, chính sách phục hồi dữ liệu, đảm bảo an toàn, bảo mật các hệ thống dữ liệu, tư vấn kịp thời các vấn đề liên quan đến hệ thống công nghệ thông tin tại các Phòng ban/Bộ phận trong Công ty.

- Thực hiện các báo cáo nội bộ theo quy định của Công ty và các báo cáo khác theo yêu cầu của Ban Tổng Giám Đốc.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ban Tổng Giám Đốc phân công.

Phòng Tài chính

- Xây dựng, triển khai và kiểm soát về chiến lược tài chính công ty trong từng thời kỳ.
- Tham mưu cho BGD công tác quản lý, sử dụng vốn. Cân đối dòng tiền ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để đảm bảo cho hoạt động công ty. Kiểm soát tất cả các yếu tố ảnh hưởng đến dòng tiền.
- Lập kế hoạch tài chính theo tháng, quý, năm đồng thời định kỳ báo cáo hoặc báo cáo theo yêu cầu của Hội đồng quản trị/ Tổng Giám Đốc về tình hình tài chính của công ty.
- Theo dõi việc thực hiện kế hoạch tài chính đã được duyệt. Báo cáo lên HĐQT/ Tổng Giám Đốc tình hình sử dụng vốn và đề xuất biện pháp điều chỉnh hợp lý.
- Đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thu hồi vốn nhanh chóng tránh tình trạng bị khách hàng chiếm dụng.
- Quản lý hoạt động tài chính trong toàn công ty. Quản lý cổ phần và thông tin thị trường chứng khoán; tham mưu cho lãnh đạo công ty tiến hành hoạt động kinh doanh tài chính khi có chủ trương.
- Lập ngân sách tái đầu tư, đầu tư mới, phát triển, tăng giá trị doanh nghiệp, tìm các nguồn bảo trợ, tài trợ, phát hành cổ phiếu.
- Xây dựng kế hoạch ngân sách ngắn hạn, trung hạn và dài hạn; theo dõi thực hiện ngân sách của toàn công ty.
- Quan hệ với ngân hàng và các tổ chức tín dụng,...trong hoạt động vay vốn trung hạn, dài hạn, ngắn hạn. Cân đối lưu chuyển tiền tệ để giải quyết nợ vay khi đáo hạn không làm ảnh hưởng hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tham mưu, cơ cấu, tái cấu trúc các hoạt động kinh doanh cho Tổng Giám Đốc/ HĐQT để đảm bảo doanh nghiệp luôn cạnh tranh, bền vững, tồn tại và phát triển.

- Thiết lập hệ thống KPI, định mức sản xuất, phối hợp với các phòng ban xây dựng quy trình quy chế...đồng thời kiểm soát, điều chỉnh cho phù hợp với quy luật biến đổi của doanh nghiệp.
- Phối hợp với Ban Tổng Giám Đốc, phòng kinh doanh, phòng sản xuất đưa ra kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty và theo dõi kiểm soát kế hoạch kinh doanh đó.
- Lập và phân tích các báo cáo quản trị của công ty định kỳ theo quy định của Tổng Giám Đốc và đưa ra giải pháp để kiểm soát, khắc phục.
- Phòng thực hiện các chức năng và điều hành mọi hoạt động theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ban Giám Đốc Công ty.

Phòng Kế toán

- Thực hiện và chịu trách nhiệm những công việc về nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán theo đúng qui định của Nhà nước về chuẩn mực kế toán, nguyên tắc kế toán hiện hành.
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về chế độ kế toán và những thay đổi của chế độ qua từng thời kỳ trong hoạt động kinh doanh.
- Thu thập và xử lý thông tin có liên quan đến nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong Công ty.
- Giữ bí mật về số liệu kế toán - tài chính và bí mật kinh doanh của Công ty.
- Cùng với các bộ phận khác tạo nên mạng lưới thông tin quản lý năng động, hữu hiệu.
- Tham gia xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ và các quy trình quản lý.
- Ghi chép, tính toán, phản ánh số liệu kế toán một cách trung thực, kịp thời, đầy đủ và chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn; quá trình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và sử dụng vốn của Công ty, phù hợp với quy định của Nhà nước và quy chế quản lý tài chính của Công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của tất cả các loại chứng từ, hoàn chỉnh thủ tục kế toán trước khi trình Tổng giám đốc phê duyệt.
- Phổ biến, hướng dẫn các phòng, ban, bộ phận thực hiện thủ tục tạm ứng, hoàn ứng và các thủ tục tài chính khác theo quy chế quản lý tài chính của Công ty.
- Chỉ đạo và phối hợp thực hiện thủ tục mua sắm thiết bị, sửa chữa tài sản theo đúng quy

định Nhà nước và Công ty.

- Quản lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ; hạch toán theo chế độ kế toán hiện hành.
- Thực hiện kiểm kê tài sản định kỳ/đợt xuất, xác minh thừa thiếu và đề xuất biện pháp xử lý.
- Tiến hành các thủ tục, thanh quyết toán các khoản nộp ngân sách với cơ quan thuế
- Lập và nộp các báo cáo tài chính đúng và kịp thời cho các cơ quan thẩm quyền theo quy định của Nhà nước.
- Cung cấp các số liệu, tài liệu cho việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho Ban Tổng Giám đốc Công ty.
- Tổ chức khoa học công tác kế toán phù hợp với điều kiện tổ chức sản xuất kinh doanh và bộ máy tổ chức của Công ty; khai thác hiệu quả phần mềm quản lý tích hợp ERP để nâng cao chất lượng và tiến độ công việc.
- Định kỳ lập các báo cáo theo quy định của phòng tài chính và ban giám đốc
- Phòng thực hiện các chức năng và điều hành mọi hoạt động theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ban Giám đốc Công ty.

Phòng KSNB 1

- Kiểm tra tính trung thực, hợp lý, chính xác của các số liệu và thông tin về tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quy trình nghiệp vụ của các phòng ban/bộ phận, thẩm định các kết quả đánh giá từ bên trong và bên ngoài công ty.
- Kiểm soát việc chấp hành nội quy quy định quy chế của các phòng ban trong công ty.
- Tư vấn, đánh giá tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, đưa ra nhận xét về thực trạng, tính an toàn và hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như những rủi ro tiềm ẩn. Dựa vào kết quả đánh giá và kết luận, đề xuất những giải pháp kịp thời và thích hợp.

Phòng KSNB 2-Kiểm soát hoạt động cán ử

- KSNB 2 là bộ phận trung gian không có quyền quyết định hoặc xử phạt mà chỉ tiến hành kiểm tra kiểm soát, xác nhận, điều tra, tìm hiểu, nhắc nhở và lập biên bản khi có sự cố hoặc sai phạm đối với CBCNV phân xưởng cán ử để trình lên Ban Tổng Giám đốc công ty quyết định, xử lý.
- Kiểm soát nội bộ 2 tiến hành kiểm soát tất cả hoạt động của phân xưởng sản xuất cán ử,

điền hình như:

- Kiểm tra giờ ra vào, thời gian làm việc nghỉ ngơi của CBCNV và sẽ tiến hành nhắc nhở hoặc lập biên bản xác nhận sự việc.
- Kiểm tra giám sát về việc thực hiện nội quy công ty đối với CBCNV phân xưởng cán ủ (ví dụ như quần áo, giày, hút thuốc không đúng nơi quy định ...) nếu sai phạm thì nhắc nhở hoặc tiến hành lập biên bản.
- Kiểm tra giám sát và tiến hành lập biên bản xác nhận khi máy móc bị hư hay ngừng hoạt động quá thời gian cho phép trong quá trình làm việc. Điều tra nguyên nhân dẫn đến sự việc trên.
- Kiểm tra giám sát việc sử dụng vật tư phụ tùng, công cụ dụng cụ, nguyên vật liệu của phân xưởng cán ủ có đúng theo yêu cầu của công ty hay không (ví dụ như vật tư sử dụng không hết, công cụ dụng cụ sử dụng không đúng mục đích dẫn đến hư hỏng hoặc giảm tuổi thọ; vật tư phụ tùng, công cụ dụng cụ, nguyên liệu chính, phụ vớt bỏ lung tung...). Nếu sai phạm thì tiến hành lập biên bản xác nhận sự việc.
- Kiểm tra giám sát về việc thực hiện vệ sinh trong phân xưởng cán ủ.
- Kiểm tra đối chiếu sản lượng ngoài thực tế cũng như trên hệ thống ERP.
- Tham mưu, đề xuất, báo cáo với Ban Tổng Giám Đốc về những cải tiến, thay đổi trong bộ phận.
- Phối hợp tốt với các bộ phận, phòng ban liên quan tạo sự liên kết thống nhất để đạt mục tiêu tốt.
- Kiểm soát việc thực thi và chế tài, việc thực hiện các quy chế, quy định, quy trình vận hành, TQM, ERP, barcode, quy trình sản xuất và các chỉ đạo khác liên quan đến quy trình sản xuất cán ủ.

Phòng KSNB 3- Kiểm soát hoạt động sản xuất ống

- KSNB 3 là bộ phận trung gian không có quyền quyết định hoặc xử phạt mà chỉ tiến hành kiểm tra kiểm soát, xác nhận, điều tra, tìm hiểu, nhắc nhở và lập biên bản khi có sự cố hoặc sai phạm đối với công nhân viên phân xưởng ống để trình lên Ban Tổng Giám Đốc công ty quyết định, xử lý.
- Kiểm soát nội bộ 3 tiến hành kiểm soát tất cả hoạt động của phân xưởng sản xuất ống, điền hình như:
- Kiểm tra giờ ra vào, thời gian làm việc nghỉ ngơi của công nhân viên phân xưởng ống và sẽ tiến hành nhắc nhở hoặc lập biên bản xác nhận sự việc.

- Kiểm tra giám sát về việc thực hiện nội quy công ty đối với công nhân viên phân xưởng ống (như quần áo, giày, hút thuốc không đúng nơi quy định ...) nếu sai phạm thì nhắc nhở hoặc tiến hành lập biên bản.
- Kiểm tra giám sát và tiến hành lập biên bản xác nhận khi máy móc bị hư hay ngừng hoạt động quá thời gian cho phép trong quá trình làm việc. Điều tra nguyên nhân dẫn đến sự việc trên.
- Kiểm tra giám sát việc sử dụng vật tư phụ tùng, công cụ dụng cụ, nguyên vật liệu của phân xưởng ống có đúng theo yêu cầu của công ty hay không (như vật tư sử dụng không hết, công cụ dụng cụ sử dụng không đúng mục đích dẫn đến hư hỏng hoặc giảm tuổi thọ; vật tư phụ tùng, công cụ dụng cụ, nguyên liệu chính, phụ vớt bỏ lung tung...). Nếu sai phạm thì tiến hành lập biên bản xác nhận sự việc.
- Kiểm tra giám sát về việc thực hiện vệ sinh trong phân xưởng ống.
- Kiểm tra đối chiếu sản lượng ngoài thực tế cũng như trên hệ thống ERP.
- Tham mưu, đề xuất, báo cáo với Ban Tổng Giám Đốc về những cải tiến, thay đổi trong bộ phận.
- Phối hợp tốt với các bộ phận, phòng ban liên quan tạo sự liên kết thống nhất để đạt mục tiêu tốt.
- Kiểm soát việc thực thi và chế tài, việc thực hiện các quy chế, quy định, quy trình vận hành, TQM, ERP, barcode, quy trình sản xuất và các chỉ đạo khác liên quan đến quy trình sản xuất ống.

Phòng Kinh doanh

- Chủ động tìm kiếm đối tác để phát triển, mạng lưới phân phối, từng bước mở rộng thị trường trong và ngoài nước. Nghiên cứu và tham mưu cho Ban Giám đốc trong công tác định hướng kinh doanh và xuất nhập khẩu. Đây là chức năng, nhiệm vụ chủ yếu của Phòng Kinh doanh;
- Lập kế hoạch kinh doanh nhằm cụ thể hóa các chiến lược dài hạn của công ty cũng như các chỉ tiêu kinh doanh trong từng giai đoạn cụ thể.;
- Thực hiện công tác marketing, nghiên cứu thị trường; chọn lựa sản phẩm chủ lực và xây dựng chiến lược phát triển, thúc đẩy hoạt động xúc tiến thương mại, tham gia hội thảo, hội chợ, tìm kiếm đối tác; thực hiện liên doanh, liên kết, mở rộng mạng lưới kinh doanh trên thị trường nội địa và phát triển kinh doanh xuất, nhập khẩu. Chủ động giao dịch, đàm phán trong và ngoài nước, ký các thư từ, đơn chào hàng, trao đổi thông tin với khách hàng trong nước và nước ngoài trong quá trình giao dịch khi đi đến ký kết hợp

đồng kinh doanh của Công ty;

- Thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh, xuất nhập khẩu của Công ty như: chuẩn bị nguồn cung ứng xuất khẩu, tiêu thụ hàng nhập khẩu, các khâu giám định, kiểm dịch, hải quan, giao nhận, bảo hiểm, khiếu nại đòi bồi thường,... và đối ngoại như: tìm kiếm giao dịch giữa những người bán và người mua, giải quyết tranh chấp khiếu nại với khách hàng có liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Tham mưu, đề xuất cho Ban Tổng Giám Đốc công ty các biện pháp, giải pháp, chính sách, cơ chế liên quan đến lĩnh vực kinh doanh phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ.
- Phối hợp với Phòng Tài chính – Phòng Kế toán Công ty trong các nghiệp vụ thu tiền bán hàng hóa, thanh toán tiền mua hàng hóa - dịch vụ có liên quan đến hoạt động kinh doanh trên cơ sở các cam kết và quy định của pháp luật hiện hành;
- Phối hợp với các phòng nghiệp vụ và các đơn vị kinh doanh trực thuộc quản lý theo dõi thực hiện các hợp đồng kinh tế cho đến khi hoàn thành việc thanh lý hợp đồng đã ký kết theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;
- Xây dựng và triển khai thực hiện phương án kinh doanh sau khi được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt. Thống kê, báo cáo hoạt động kinh doanh theo đúng tiến độ và quy định. Chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh trước Ban Tổng Giám Đốc Công ty;
- Lưu trữ các hồ sơ, hợp đồng kinh tế có liên quan đến công tác kinh doanh của Công ty theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Phòng thực hiện các chức năng và điều hành mọi hoạt động theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ban Tổng Giám Đốc Công ty.

Phòng Marketing –PR (Public Relation)

- Khai thác, mở rộng thị trường, thị phần;

Tìm kiếm thông tin → đánh giá → chủ động liên lạc, tạo mối quan hệ → tiếp cận với khách hàng tiềm năng và biến họ trở thành khách hàng thực thụ của Công ty.

- Hỗ trợ cấp trên trong việc điều nghiên thị trường, tham mưu xây dựng chiến lược và kế hoạch marketing;
- Nghiên cứu, tìm hiểu quy mô, thị phần, xu hướng thị trường;

- Nghiên cứu đối thủ cạnh tranh, khách hàng;
- Nghiên cứu phát triển sản phẩm;
- Tham mưu xây dựng chiến lược marketing trung và ngắn hạn.
- Chăm sóc khách hàng
 - Tiếp nhận thông tin phản hồi từ phía khách hàng, kiểm tra, tìm hiểu nguyên nhân, đề xuất lương giải quyết và báo cáo lên cấp quản lý trực tiếp.
 - Giải quyết các khiếu nại của khách hàng theo chỉ đạo của cấp trên và quy định của Công ty.
 - Thực hiện việc thăm viếng, tặng quà cho khách hàng vào các dịp đặc biệt, lễ, tết,...
 - Xây dựng và cập nhật thường xuyên cơ sở dữ liệu khách hàng trên CRM
 - Hỗ trợ cấp trên thực hiện các chương trình, chiến dịch marketing; theo dõi, tổng kết và đánh giá hiệu quả của các chương trình, hoạt động marketing.
- Hoạt động PR (Public Relation)
 - Viết bài PR, truyền thông để đăng tải trên website công ty, báo đài; thực hiện các tài liệu, ấn phẩm quảng bá thương hiệu...
 - Phối hợp thực hiện các chương trình marketing như hội nghị khách hàng, hội chợ triển lãm, tài trợ cho các hoạt động văn hóa thể thao nhằm quảng bá, phát triển thương hiệu
 - Đăng ký tham gia các chương trình liên quan đến chất lượng sản phẩm như Sao vàng đất Việt, Thương hiệu Việt,...
 - Hỗ trợ cấp trên thực hiện các chương trình quan hệ cộng đồng để nâng cao uy tín và hình ảnh của công ty với chính quyền, khách hàng và công chúng
 - Tổ chức các hoạt động xã hội, từ thiện như giúp đỡ các CBCNV Kim Vĩ có hoàn cảnh khó khăn, tai nạn, bệnh tật; thực hiện công tác từ thiện đến các huyện đảo vùng sâu vùng xa, thăm hỏi tặng quà các cho các bà mẹ Việt Nam anh hùng, hỗ trợ cho các em nhỏ bị khuyết tật.
 - Tổ chức hội nghị khách hàng thường niên để xây dựng mối quan hệ khăng khít giữa khách hàng lâu năm và tạo quan hệ tốt với khách hàng mới.
- Theo dõi, kiểm soát, tổng kết và đánh giá hiệu quả marketing;

- Một số công việc khác theo chỉ đạo của cấp trên.

Phòng Xuất nhập khẩu

- Thực hiện các nghiệp vụ xuất nhập khẩu và kinh doanh xuất nhập khẩu: nguyên vật liệu chính, thành phẩm inox, máy móc thiết bị, nguyên vật liệu phụ, vật tư phụ tùng ...
- Tìm hiểu thị trường trong và ngoài nước để xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện phương án kinh doanh xuất – nhập khẩu.
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc trong quan hệ đối ngoại, chính sách xuất – nhập khẩu, pháp luật của Việt Nam và quốc tế về hoạt động kinh doanh này. Giúp Tổng Giám đốc chuẩn bị các thủ tục hợp đồng, thanh toán quốc tế và các hoạt động ngoại thương khác.
- Thực hiện các hợp đồng kinh doanh xuất nhập khẩu, các thủ tục giao nhận xuất nhập khẩu.
- Nghiên cứu khảo sát đánh giá khả năng tiềm lực của đối tác nước ngoài khi liên kết kinh doanh với công ty.
- Nghiên cứu đánh giá xu hướng giá kim loại báo cáo lên Ban Tổng Giám Đốc.
- Giúp Tổng Giám Đốc các cuộc tiếp khách, đàm phán, giao dịch, ký kết hợp đồng với khách hàng nước ngoài ...
- Là đầu mối thực hiện các dự án đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Thực hiện các hợp đồng nhập khẩu máy móc, thiết bị phục vụ cho chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Phòng thực hiện các chức năng và điều hành mọi hoạt động theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ban Giám đốc Công ty.

Phòng Kế hoạch/Sản xuất

- Là bộ phận sản xuất và thực hiện giao, nhận gia công các sản phẩm của Công ty, đáp ứng yêu cầu kinh doanh của Công ty.
- Tham mưu cho Ban Giám đốc về toàn bộ các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất, kế hoạch sản xuất, tổ chức sản xuất;
- Thiết lập, triển khai áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng tại nhà máy;
- Phối hợp các đơn vị trong nhà máy để triển khai sản xuất, cân đối dây chuyền, bố trí

máy, sử dụng nguyên liệu và theo dõi tiến độ sản xuất, phát hiện kịp thời những sản phẩm không phù hợp và có biện pháp khắc phục kịp thời;

- Lên kế hoạch sản xuất của phân xưởng, đảm bảo các tiêu chí về tiến độ sản xuất, số lượng, chất lượng hàng hoá, chi phí sản xuất trong định mức đã được Ban tổng giám đốc duyệt.
- Tiến hành phân bổ đơn hàng cho từng bộ phận trực tiếp sản xuất :
- Nghiên cứu tìm tòi đưa ra các giải pháp nhằm giúp cho việc sản xuất được tối ưu hoá lợi nhuận, tìm ra phương án sản xuất và quy trình công nghệ thích hợp nhất cho dây chuyền máy móc thiết bị.
- Đảm bảo sản xuất đúng quy cách, đúng độ dày và kích thước khách hàng yêu cầu theo đơn hàng của Phòng Kinh Doanh đưa xuống.
- Định ra khối lượng sản xuất dự tính theo từng đơn hàng nhằm đưa ra nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu ít tiêu hao.
- Phối hợp với bộ phận kiểm tra chất lượng kiểm tra phát hiện sớm những lỗi xảy ra trong quá trình sản xuất, từ đó có cách khắc phục kịp thời.
- Giao thành phẩm về kho một cách nhanh chóng, không làm ảnh hưởng đến tiến độ trong việc giao hàng cho khách.
- Chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc về tình hình chất lượng và số lượng hàng sản xuất đảm bảo cho khách hàng nhận hàng đúng thời gian theo yêu cầu.
- Quản lý, điều hành và đảm bảo hoạt động trong xưởng đạt năng suất, hiệu quả cao nhất
- Xếp xếp nhân sự trong từng tổ, từng ca nhằm tạo sự ổn định về nhân sự cho sản xuất, quản lý giờ công, tăng ca, nghỉ chờ việc của nhân viên sản xuất.
- Lập báo cáo sản lượng sản xuất hàng ngày một cách liên tục cho Ban Quản Lý.
- Quản lý, giám sát, đôn đốc sửa chữa, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị của phân xưởng Ống nhằm tích kiệm tối đa chi phí và tối ưu hoá sản xuất. Quản lý, rà soát, cập nhật định mức về nguyên vật liệu, năng lượng, nhân lực theo định mức chi phí của Công ty. Khi có sự cố về hư hỏng máy móc thiết bị, cũng như bất kỳ sự cố nào thì bộ phận sản xuất phải có Biên bản giải trình sự việc lên Ban Tổng giám đốc để giải quyết. Biên bản phải có xác nhận giữa các bộ phận liên quan. Biên bản phải có thời hạn rõ ràng.
- Đảm bảo cho hoạt động trong các phân xưởng luôn diễn ra liên tục và bình thường.

Phòng kỹ thuật

- Đảm bảo và thực hiện đúng thời gian bảo dưỡng theo thời gian định kỳ.
- Theo dõi chi tiết và đề xuất vật tư dự phòng để đảm bảo đủ linh kiện để bảo dưỡng.
- Thực hiện tốt công việc khắc phục và phòng ngừa khi xảy ra sự cố kỹ thuật của máy móc trong nhà xưởng.
- Phối hợp với các phòng ban liên quan cùng thực hiện để công việc bảo dưỡng nhằm đảm bảo tiến độ cho sản xuất một cách hiệu quả nhất.
- Trên khai và thực hiện công việc sửa chữa và chế tạo các chi tiết và linh kiện máy để mang lại hiệu quả tối ưu nhất.
- Không ngừng đưa ra các cải tiến và phát minh kỹ thuật để nâng cao công suất máy, tăng thời gian sử dụng, giảm chi phí sử dụng nguyên liệu phụ đem lại hiệu quả tối ưu.

Phòng Hậu cần/Kho vận

- Quản lý điều hành chung tất cả các hoạt động trong kho đảm bảo hệ thống được vận hành đạt hiệu quả.
- Quản lý xuất nhập hàng hóa, vận chuyển hàng theo yêu cầu sản xuất kinh;
- Nhập hàng từ nguồn hàng nhập khẩu và nguồn hàng trong nước
- Xuất hàng : xuất điều chuyển nội bộ, xuất gia công và xuất bán cho khách hàng (trong nước và xuất khẩu).
- Kiểm tra, giám sát và bảo quản nguyên vật liệu hàng hóa trong kho.
- Thực hiện yêu cầu giao nhận hàng hóa.
- Nhập liệu thống kê & báo cáo số liệu nhập, xuất, tồn. Đề xuất xây dựng quy trình nhập xuất hàng hóa đảm bảo phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của công ty;
- Tham mưu, đề xuất, báo cáo với Ban Tổng Giám Đốc về những cải tiến, thay đổi trong bộ phận.
- Tổ chức kiểm kê kho định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Ban Tổng giám đốc. Qua đó báo cáo tình hình về hàng hóa theo quy định đề xuất xử lý đối với các hàng hóa chậm luân chuyển hoặc có biểu hiện xuống cấp về mặt vật lý, hóa học;
- Đảm bảo phương tiện vận chuyển hàng luôn sẵn sàng, không để hàng hóa chậm đến kho

khách hàng.

- Tham mưu tư vấn cho Ban Tổng giám đốc các đơn vị vận tải tốt, tiết kiệm chi phí vận chuyển.
- Quản lý đội ngũ cán bộ công nhân viên thuộc biên chế bộ phận kho. Tham gia tuyển dụng khi bộ phận có nhu cầu nhân sự.
- Quản lý các tài sản, công cụ dụng cụ máy móc phương tiện vận chuyển của bộ phận.
- Phối hợp tốt với các bộ phận, phòng ban liên quan tạo sự liên kết thống nhất để đạt mục tiêu.

Phòng đào tạo

- Thực hiện tổ chức đào tạo phù hợp theo chỉ đạo của Tổng giám đốc theo yêu cầu của từng thời kỳ.
- Tổ chức đào tạo nâng cao tay nghề, bậc thợ, nâng cao trình độ chuyên môn.
- Xây dựng Nội quy lao động, Quy chế lao động, thực hiện thỏa ước Lao động tập thể, an toàn lao động, khen thưởng kỷ luật.
- Tổ chức nghiên cứu xác định nhu cầu đào tạo làm cơ sở xây dựng kế hoạch phát triển đào tạo.
- Tổ chức thực hiện Quy chế, Quy định về đào tạo theo Qui định hiện hành.
- Phối hợp với các Phòng ban, nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. Đề xuất hướng giải quyết với Ban Giám đốc nhằm không ngừng hoàn thiện hiệu quả công tác đào tạo.
- Xây dựng chương trình đào tạo (tài liệu phù hợp từng giai đoạn phát triển của Công ty), thời gian đào tạo phù hợp cho từng phần Đào tạo trình Tổng giám đốc phê duyệt thực hiện.
- Liên hệ với các trường Đại học, Tổ chức, Công ty ... để Hợp đồng đào tạo giới người.
- Quản lý học viên trong suốt thời gian đào tạo.
- Đề xuất trang bị công cụ giảng dạy, trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo.
- Quản lý trang thiết bị và dụng cụ phục cho công tác đào tạo và học tập.
- Hoạch định chiến lược đào tạo.
- Đánh giá chất lượng đào tạo của học viên từng khóa.
- Chịu trách nhiệm trước Ban lãnh đạo Công ty về kết quả hoạt động của phòng đào tạo.

- Đề xuất khen thưởng, kỷ luật...
- Thực hiện công tác đào tạo theo chỉ đạo của Tổng giám đốc.
- Quản lý giám sát, kiểm tra toàn bộ hoạt động của phòng đào tạo.
- Lập kế hoạch đào tạo hàng tháng, quý trình Tổng giám đốc và thực hiện tốt.
- Xây dựng giáo trình đào tạo, đề kiểm tra, biểu mẫu, bảng biểu quản lý đào tạo.
- Tổ chức đào tạo (bố trí địa điểm, người đào tạo, tài liệu....), tổ chức các sự kiện hỗ trợ công tác đào tạo.
- Nghiên cứu các giải pháp nhằm đạt hiệu quả cao trong đào tạo.
- Kiểm soát và xử lý các thông tin phát sinh trong quá trình tổ chức đào tạo.
- Xây dựng Nội quy, Quy định trong đào tạo.
- Chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo.
- Kết hợp các Phòng ban sắp xếp tổ chức đào tạo theo kế hoạch Tổng giám đốc chỉ đạo thực hiện.
- Phối hợp các Phòng ban theo dõi năng lực của các Công nhân viên để đào tạo lại nếu cần.
- Trực tiếp đào tạo các nội dung có khả năng, liên kết mời thỉnh giảng từ bên ngoài về Công ty
- Đào tạo hoặc cử gởi người ra bên ngoài đào tạo những học phần phòng đào tạo Công ty không thể đảm trách.
- Chịu trách nhiệm chấm điểm, thống kê tỷ lệ đạt yêu cầu, không đạt yêu cầu.
- Chuẩn bị nội dung hàng tháng họp và báo cáo với Tổng giám đốc về công việc đào tạo.
- Thực hiện các công việc khác theo chỉ đạo của Tổng giám đốc.

Phòng dự án TQM (Quản lý chất lượng toàn diện)

- Là phòng chịu trách nhiệm lên kế hoạch, xây dựng chương trình hoạt động, triển khai, duy trì và phát triển dự án TQM.
- Lập kế hoạch triển khai dự án, đào tạo nhận thức, kỹ năng xây dựng và áp dụng hệ thống TQM cho các cấp từ lãnh đạo đến cán bộ công nhân viên trong công ty.

- Xây dựng chương trình TQM, hoạch định tổng thể chương trình triển khai TQM với nhiều giai đoạn, bước đi thích hợp, phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
 - Xây dựng chiến lược đào tạo, tự chủ, liên tục, đủ kỹ năng cho các cấp và phương thức đào tạo theo công việc. Từng bước xây dựng và phát triển ý thức chất lượng: thấu hiểu về khách hàng, chất lượng. Phải xây dựng được được ý thức-trách nhiệm chất lượng phù hợp cho các cấp, trước tiên là lãnh đạo, quản lý, các chức năng khách hàng, thiết kế, huấn luyện, đo lường, kiểm soát thực hiện.
 - Phát động chương trình và kế hoạch thực hiện TQM, hình thành văn hóa chất lượng và động viên, thu hút toàn bộ tổ chức tham gia để thực hiện thành công chương trình.
 - Đánh giá chất lượng: Đo lường chi phí hiện tại của doanh nghiệp; xác định các vấn đề chất lượng; và hiệu quả của các nỗ lực chất lượng và các giai đoạn của Chương trình TQM.
 - Cần xác định các chi phí ẩn và các chi phí khác; đánh giá hiệu quả kinh tế của TQM và đề xuất kế hoạch hành động.
 - Hoạch định chất lượng: Chi tiết hóa chính sách, mục tiêu, chiến lược, chương trình tổng thể TQM, kế hoạch hành động cho toàn bộ hệ thống doanh nghiệp phù hợp chính sách, chiến lược chung của doanh nghiệp.
 - Tái cấu trúc hệ thống: Đề xuất thay đổi cơ cấu tổ chức phù hợp theo mô hình TQM.
 - Đề xuất phương án xây dựng hệ thống chất lượng, duy trì và hoàn thiện hệ thống chất lượng theo mô hình TQM.
 - Phát triển hệ thống chất lượng TQM, đảm bảo hệ thống chất lượng thực hiện đúng chiến lược, chính sách, mục tiêu chất lượng toàn diện đã đề ra.
 - Duy trì hệ thống chất lượng đã xây dựng được đồng thời lên kế hoạch, phương án hoàn thiện hệ thống theo các triết lý, quan điểm và nguyên tắc TQM.
- 5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông**

BẢN CÁO BẠCH CTCP SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Bảng số 2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 06/02/2015

| STT | Cổ đông | Số CMND | Địa chỉ | Cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
|------------------|------------------|-----------|---|------------------|---------------|
| 1 | Đỗ Hùng | 023626255 | Số 456/66 Cao Thắng – Phường 12 – Quận 10 – TP. Hồ Chí Minh | 2.200.000 | 13,33% |
| 2 | Lê Thị Hồng Hạnh | 023240334 | Số 456/66 Cao Thắng – Phường 12 – Quận 10 – TP. Hồ Chí Minh | 1.000.000 | 6,06% |
| Tổng cộng | | | | 3.200.000 | 19,39% |

(nguồn: CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ)

Bảng số 3 Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty tại ngày 06/02/2015

| STT | Cổ đông | Số CMND | Địa chỉ | Cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
|------------------|------------------|-----------|---|------------------|---------------|
| 1 | Đỗ Hùng | 023626255 | Số 456/66 Cao Thắng – Phường 12 – Quận 10 – TP. Hồ Chí Minh | 2.200.000 | 13,33% |
| 2 | Đỗ Hòa | 024031574 | 22/48 Cư xá Lữ Gia- Phường 15 – Quận 11- TP. Hồ Chí Minh | 800.000 | 4,85% |
| 3 | Đỗ Thị Thu Trang | 025469530 | 46 Bà Cát 1 – Phường 14 – Quận Tân Bình – TP. Hồ Chí Minh | 400.000 | 2,42% |
| Tổng cộng | | | | 3.400.000 | 20,60% |

(nguồn: CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ)

Căn cứ khoản 5 Điều 84 Luật Doanh nghiệp, Sau thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần vào ngày 22 tháng 08 năm 2015, như vậy, tính đến thời điểm hiện tại, cổ phiếu của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

Bảng số 4 Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 06/02/2015

| TT | Cổ đông | Số lượng | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ |
|-------------------------------|------------------|------------|-------------------|-------------|
| I. Cổ đông trong nước | | | | |
| 1. | Tổ chức | 0 | 0 | 0 |
| 2. | Cá nhân | 114 | 16.500.000 | 100% |
| II. Cổ đông nước ngoài | | | | |
| 1. | Tổ chức | 0 | 0 | 0 |
| 2. | Cá nhân | 0 | 0 | 0 |
| | Tổng cộng | 114 | 16.500.000 | 100% |

(nguồn: CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ)

6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết.

- Danh sách công ty mẹ của Công ty CP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ: không có
- Danh sách công ty con của Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ: không có
- Danh sách công ty liên kết của Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ: không có

7. Hoạt động kinh doanh

Thép không gỉ - Inox là một hợp kim thép, tổng hợp của các kim loại màu, có khả năng chịu mài mòn, chống oxy hóa, không nhiễm từ, mềm dẻo, dễ uốn và dễ gia công. Hơn nữa, Inox còn đảm bảo được tính mỹ thuật và sự sang trọng tinh tế. Chính vì thế, Inox được sử dụng rộng rãi trong ngành dân dụng và công nghiệp.

Hình ảnh mô tả ứng dụng của Inox trong đời sống



Hình 1: Công nghiệp hóa dầu



Hình 2: Công nghiệp đóng tàu



Hình 3: Công nghiệp chế tạo ô tô



Hình 4: Xây dựng- Kiến trúc



Hình 5: Công nghiệp hóa chất



Hình 6: Máy nước nóng năng lượng mặt trời



Hình 7: Phụ tùng xe máy, xe đạp



Hình 8: Công nghiệp thực phẩm



Hình 9: Bồn nước inox



Hình 10: Trang thiết bị y tế



Hình 11: Mặt hàng gia dụng

Là doanh nghiệp thuộc lĩnh vực sản xuất thép không gỉ, hoạt động chính của Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ là:

- Cán Luyện Cuộn Inox (Thép không gỉ - cuộn cán nóng No1);
- Sản xuất ống Inox (Thép không gỉ);
- Gia công các phần hành, công đoạn liên quan đến cuộn, ống Thép Không Gi;
- Xuất nhập khẩu tất cả các sản phẩm vật tư, phụ tùng liên quan đến ngành Thép Không Gi

Sản phẩm chính của Công ty là các sản phẩm thép không gỉ dạng Ống, cuộn, tấm, thanh, dây các chủng loại mac 201, 304, 430 với nhiều quy cách và tham số kỹ thuật khác nhau phù hợp với nhu cầu của thị trường.

Một số hình ảnh sản phẩm của Công ty



Hình 1: Thành phẩm inox –Cuộn 2B



Hình 2: Thành phẩm ống tròn 201



Hình 3: Thành phẩm ống vuông-hộp



Hình 4: Thành phẩm ống xoắn

a. Hoạt động Cán Luyện Cuộn Inox

Thép không gỉ dạng cuộn được ứng dụng trong các lĩnh vực công nghiệp thực phẩm, dược phẩm, xây dựng và đặc biệt được sử dụng rộng rãi trong ngành hàng gia dụng như tủ bếp, bồn nước, đồ dùng nhà bếp...



Một số chủng loại thép cuộn cán nguội do Kim Vĩ sản xuất:

| Chủng loại (Mac) | Khổ (Width)(mm) | Độ dày (Thickness) (mm) | Độ bóng |
|-------------------------|------------------------|-------------------------------------|----------------|
| 201 | 600 trở xuống | 0.35-3.0 Chi tiết: | 2B, BA, HL |
| 304 | 620 trở xuống | 0.35-0.43 0.44-0.53 0.54-0.63 | 2B, BA, HL |
| 430 | 600 trở xuống | 0.64-0.73 0.74 up) | 2B, BA |

b. Hoạt động sản xuất ống Inox

Thép không gỉ dạng ống được sử dụng trong các lĩnh vực kiến trúc, xây dựng, hóa dầu như làm tay vịn, đường ống dẫn và sử dụng làm các đồ nội thất như giường, bàn, ghế, xe đẩy hàng siêu thị...



Kim Vĩ sản xuất ống inox các chủng loại 201, 304 với độ dày dao động từ 0.4 - 2.5 gồm các dạng ống tròn, ống vuông và hộp inox.

Ống tròn có các đường kính: 9.5, 12.7, 15.9, 22.2, 25.4, 27.1, 31.8, 38.1, 42.7, 50.8, 60.5, 76.2

Ống vuông, hộp inox có các kích thước: 10x10, 12x12, 15x15, 18x18, 25x25, 30x30, 38x38, 42x42 trở lên, 10x20, 10x40, 13x26, 15x30, 20x40, 20x60, 25x30, 25x50, 30x60, 35 trở lên x60 trở lên.

c. Thương mại và gia công

Tận dụng nguồn nguyên liệu đầu vào rẻ và chất lượng, Công ty còn thực hiện hoạt động thương mại bên cạnh việc kinh doanh những sản phẩm do chính Công ty sản xuất. Nhờ công nghệ có thể thực hiện sản xuất thép cuộn cán nguội từ cán nóng, Công ty cũng nhận gia công cho các doanh nghiệp khác.



BẢN CÁO BẠCH CTCP SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Ngoài ra, theo tình hình thực tế và các cơ hội kinh doanh, công ty có tham gia hoạt động kinh doanh bất động sản mua – bán nhà ở. Tuy nhiên, kinh doanh bất động sản không nằm trong định hướng phát triển dài hạn của doanh nghiệp.

7.1. Sản lượng, giá trị sản phẩm qua các năm:

Doanh thu và lợi nhuận gộp năm 2014 của Công ty được đóng góp từ các hoạt động chính như sau:

Bảng số 5: Cơ cấu Doanh thu theo sản phẩm

(Đơn vị: Nghìn đồng)

| Mặt hàng | Năm 2013 | | Năm 2014 | | Tăng trưởng năm 2014 so với 2013 |
|-------------------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|----------------------------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | |
| Kinh doanh thương mại | 26.798.677 | 7,20% | 1.657.581 | 0,46% | - 93,81% |
| Sản xuất cuộn | 214.136.837 | 57,52% | 184.541.360 | 50,87% | - 13,82% |
| Sản xuất ống | 128.829.655 | 34,61% | 166.337.030 | 45,85% | 29,11% |
| Gia công | 2.493.913 | 0,67% | 2.210.843 | 0,61% | - 11,35% |
| Kinh doanh bất động sản | - | - | 8.000.000 | 2,21% | - |
| Tổng | 372.259.082 | 100% | 362.746.814 | 100% | - 2,56% |

(Nguồn: CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ)

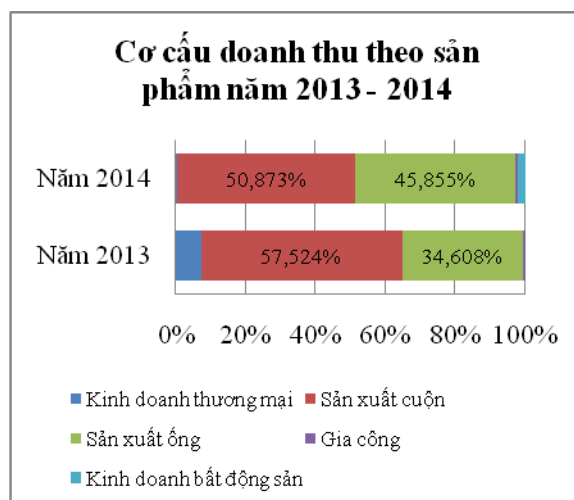
Bảng số 6: Cơ cấu Lợi nhuận gộp theo sản phẩm

(Đơn vị: Nghìn đồng)

| Mặt hàng | Năm 2013 | Tỷ suất LNG năm 2013 | Năm 2014 | Tỷ suất LNG năm 2014 |
|-------------------------|-------------------|----------------------|-------------------|----------------------|
| Kinh doanh thương mại | 1.356.479 | 5,06% | 157.024 | 9,47% |
| Sản xuất cuộn | 21.119.169 | 9,86% | 26.779.105 | 14,51% |
| Sản xuất ống | 15.580.591 | 12,09% | 29.272.273 | 17,60% |
| Gia công | 1.275.217 | 51,13% | 1.217.568 | 55,07% |
| Kinh doanh bất động sản | - | - | 7.000.000 | 87,50% |
| Tổng | 39.331.456 | 10,57% | 64.425.970 | 17,76% |

(Nguồn: CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ)

Sản xuất thép không gỉ dạng cuộn và dạng ống là hai sản phẩm đóng góp tỷ trọng doanh thu chính cho Kim Vĩ (chiếm trên 90% tổng doanh thu). Theo định hướng của công ty là tập trung vào hoạt động sản xuất các sản phẩm thép không gỉ - là mảng hoạt động có giá trị gia tăng cao hơn, trong năm 2014, Kim Vĩ chủ động tiết giảm hoạt động gia công và giảm sản lượng thép thương mại, doanh thu từ sản xuất thép không gỉ dạng cuộn và dạng ống chiếm 96% doanh thu công ty.



So với hoạt động thương mại sắt thép thì sản xuất thép không gỉ dạng cuộn và dạng ống có tỷ suất lợi nhuận gộp tốt hơn. Năm 2013, tỷ suất lợi nhuận gộp của hoạt động thương mại sắt thép chỉ đạt 5% trong khi đó, hoạt động sản xuất thép không gỉ dạng ống và dạng cuộn do giá trị gia tăng cao hơn nên có tỷ suất lợi nhuận gộp cao hơn khoảng gấp đôi tỷ suất lợi nhuận của hoạt động thương mại. Đây cũng là nhóm sản phẩm mà công ty định hướng tập trung phát triển để gia tăng lợi nhuận trong những năm tới. Năm 2014, tỷ suất lợi nhuận gộp của tất cả các sản phẩm của công ty đều có sự cải thiện đáng kể. Nguyên nhân công ty có chiến lược nhập hàng tồn kho phù hợp kéo theo chi phí giá vốn vốn. Bên cạnh đó, Công ty cũng áp dụng quy trình kiểm soát chặt chẽ và hiệu quả hơn giúp giảm chi phí nguyên vật liệu phụ, giảm tiêu hao khiến biên lợi nhuận gộp tăng.

Nhờ những chuyển biến tích cực này mà mặc dù doanh thu năm 2014 giảm nhẹ (giảm 2,56% so với năm 2013) nhưng lợi nhuận gộp năm 2014 lại tăng 63,8% so với năm 2013.

Trong năm 2014, công ty có cơ hội ngắn hạn kinh doanh bất động sản giá tương đối thấp nên Ban giám đốc công ty quyết mua và chuyển nhượng ngay trong năm tạo ra lợi nhuận từ kinh doanh bất động sản là 7 tỷ đồng. Trong những năm tới, công ty chưa có định hướng kinh doanh bất động sản trở thành lĩnh vực chính của công ty.

7.2. Nguyên vật liệu và các yếu tố đầu vào

a) Nguồn nguyên liệu

Nguyên vật liệu đầu vào của Kim Vĩ là cuộn cán nóng thép không gỉ (cuộn No1) chủng loại 201, 304, 430, độ dày dao động từ 0.4mm-3.0mm, khổ 500-1200mm. Hiện nay, Kim Vĩ nhập khẩu nguyên liệu thép không gỉ từ các nước Ấn Độ, Đài Loan, Trung Quốc, Asean. Các sản phẩm được sản xuất tại các nhà máy lớn, có uy tín trên thế giới như JINDAL STAINLESS STEEL Ltd (nhà sản xuất hàng đầu Ấn Độ), FUJIAN WUHANG STAINLESS STEEL (nhà sản

xuất hàng đầu Trung Quốc), ACERINOX (nhà sản xuất đứng thứ 4 toàn thế giới), POSCO VST (thuộc Posco Hàn Quốc, nhà sản xuất đứng thứ 5 toàn thế giới)

b) Sự ổn định của các nguồn cung cấp này

Để chủ động về nguồn nguyên liệu, công ty đã xây dựng mối quan hệ với khá nhiều nhà cung cấp có uy tín trên thế giới. ... Kim Vĩ luôn vận dụng lợi thế nguồn tích lũy từ nghiệp vụ xuất nhập khẩu, kinh nghiệm ngoại thương quốc tế hơn 25 năm để chọn các nhà cung cấp nguyên vật liệu có uy tín quốc tế lâu năm – có tính ổn định về chất lượng và giá tốt nhất.

Bảng số 7: Danh sách một số nhà cung cấp lớn của Công ty

| STT | Tên nhà cung cấp | Sản phẩm |
|-----|---|---------------|
| 1 | FUJIAN WUHANG STAINLESS STEEL | Thép không gỉ |
| 2 | JINDAL STAINLESS STEEL Ltd | Thép không gỉ |
| 3 | SHANDONG MENGYIN HUARUN IMP.EXP.CO.LTD | Thép không gỉ |
| 4 | NINGBO YAOYI INTERNATIONAL TRADING CO.LTD | Thép không gỉ |
| 5 | WELL SEA INTERNATIONAL LIMITED | Thép không gỉ |
| 6 | NINGBO TIERSLIA IMP, EXP.CO.,LTD | Thép không gỉ |
| 7 | BAOSTEEL SINGAPORE PTE LTD | Thép không gỉ |

(Nguồn: CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ)

c) Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Là doanh nghiệp sản xuất, chi phí nguyên liệu của Công ty là chi phí lớn nhất, chiếm trên 80% giá vốn hàng bán của công ty. Nhờ có nguồn cung cấp nguyên vật liệu ổn định dựa trên mối quan hệ làm ăn lâu dài với các đối tác nên tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ bị ảnh hưởng khi có sự thay đổi giá cả, thường là do giá vật tư nguyên liệu đầu vào như: nikel, crom, mangan, đồng biến động bất thường ảnh hưởng tới doanh thu, lợi nhuận của Công ty. Một lợi thế về nguyên vật liệu khác của Kim Vĩ là trong khi các doanh nghiệp cùng ngành khác phải nhập cuộn cán nguội về sản xuất ra thành phẩm (cuộn cán nguội → thành phẩm) thì Kim Vĩ lại nhập khẩu cuộn cán nóng (cuộn cán nóng → cuộn cán nguội → thành phẩm). Lợi thế công nghệ quy trình sản xuất khép kín thực hiện cán ra cuộn cán nguội từ cuộn cán nóng inox giúp Kim Vĩ

có giá trị gia tăng cao hơn các doanh nghiệp khác. Hơn thế nữa vì nhập khẩu nguyên liệu là cuộn cán nóng nên Kim Vĩ không chịu mức thuế chống bán phá giá mà Bộ Công Thương mới quy định áp dụng từ 05/09/2014. (Theo Quyết định số 7896/QĐ-BCT của Bộ Công Thương)

7.3. Cơ cấu chi phí:

Bảng số 8: Cơ cấu chi phí của công ty

(Đơn vị: Nghìn đồng)

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2013 | | Năm 2014 | |
|-----|------------------------------|--------------------|----------------------------|--------------------|----------------------------|
| | | Giá trị | Tỷ lệ trên Doanh thu thuần | Giá trị | Tỷ lệ trên Doanh thu thuần |
| 1 | Giá vốn hàng bán | 332.927.626 | 89,4% | 298.320.844 | 82,2% |
| 2 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 11.629.652 | 3,1% | 12.613.988 | 3,5% |
| 3 | Chi phí bán hàng | 8.146.669 | 2,2% | 4.918.035 | 1,4% |
| 4 | Chi phí tài chính | 16.705.590 | 4,5% | 23.015.327 | 6,3% |
| | Tổng chi phí | 369.409.537 | 99,2% | 338.868.194 | 93,4% |

(Nguồn: BCTC Kiểm toán CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ)

Do đặc thù kinh doanh của Công ty là hoạt động sản xuất, vì vậy, giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng cao trên Doanh thu thuần của Kim Vĩ (trên 80%). Nhu cầu vốn lưu động và với tình hình sử dụng đòn bẩy tài chính cao nên chi phí tài chính của công ty cũng chiếm tới 5% - 6% doanh thu thuần và là loại chi phí chiếm tỷ trọng lớn thứ hai của công ty. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp của Công ty duy trì tương đối ổn định qua các năm, hai chi phí này thường chiếm khoảng 5% trên doanh thu thuần.

Bảng số 9: Biến động chi phí qua các năm

(Đơn vị: Nghìn đồng)

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | +/- 2014 so với 2013 (số tuyệt đối) | +/- 2014 so với 2013 (số tương đối) |
|-----|------------------------------|--------------------|--------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
| 1 | Giá vốn hàng bán | 332.927.626 | 298.320.844 | -34.606.782 | -10,4% |
| 2 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 11.629.652 | 12.613.988 | 984.336 | 8,5% |
| 3 | Chi phí bán hàng | 8.146.669 | 4.918.035 | -3.228.634 | -39,6% |
| 4 | Chi phí tài chính | 16.705.590 | 23.015.327 | 6.309.737 | 37,8% |
| | Tổng chi phí | 369.409.537 | 338.868.194 | -30.541.343 | -8,3% |

(Nguồn: BCTC Kiểm toán CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ)

Năm 2014, Tổng chi phí giảm 30,5 tỷ đồng (tương đương giảm 8,3%) so với năm 2013. Trong đó, Giá vốn hàng bán năm 2014 giảm 34,6 tỷ đồng (tương ứng giảm 10,4%), chi phí bán hàng giảm mạnh với mức giảm 39,6% so với năm 2013. Tuy nhiên, Chi phí quản lý doanh nghiệp lại tăng 8,5% và chi phí lãi vay tăng 37,8%.

Nguyên nhân là do trong năm 2014, công ty có chiến lược nhập nguyên vật liệu đầu vào hợp lý và tiêu hao phụ liệu giảm đã giúp giảm đáng kể giá vốn hàng bán. Do nhà sản xuất nickel Trung Quốc đã dùng nguyên liệu giá rẻ để thay thế cho nickel tinh khiết nên trong suốt năm 2013, giá nickel liên tục giảm và từng chạm mức giá đáy vào đầu năm 2014. Trên sàn LME, nickel hiện là kim loại cơ bản giảm giá lớn nhất trong năm 2013 với mức giảm là 18%. Tuy nhiên sau khi Indonesia, nhà sản xuất lớn nhất từ các mỏ, cấm vận xuất khẩu quặng chưa tinh chế trong tháng 1 năm 2014, Giá nikel, được sử dụng trong thép không gỉ, đã tăng khoảng 40% trong năm 2014. Dự báo trước tình hình giá Nickel tăng mạnh, công ty đã tích trữ tại kho một lượng lớn nguyên vật liệu và các thành phẩm vào đầu năm 2014. Giá nickel liên tục tăng mạnh trong năm đã giúp Kim Vĩ được hưởng lợi, giúp tỷ suất lợi nhuận của công ty theo đó được cải thiện đáng kể (tỷ suất lợi nhuận gộp tăng từ mức 10,57% trong năm 2013 lên mức 17,76% năm 2014). Cũng trong năm 2014, Công ty chủ trương giảm tỷ trọng hoạt động thương mại, tăng tỷ trọng hoạt động sản xuất – là hoạt động có tỷ suất lợi nhuận gộp cao hơn trong cơ cấu doanh thu, vì vậy, vừa giúp doanh nghiệp tăng hiệu quả hoạt động (tăng tỷ suất lợi nhuận gộp tổng thể) vừa làm chi phí bán hàng giảm mạnh - giảm 39,6% so với năm 2013.

Tập đoàn khai khoáng nikel lớn thứ hai thế giới Vale SA cho biết lệnh cấm xuất khẩu quặng của Indonesia có hiệu lực kể từ tháng 1/2014 sẽ không có khả năng được nới lỏng và giá niken sẽ tăng lên đáng kể trong năm 2015. Vì thế trong năm, công ty dự kiến tận dụng thời điểm giá nguyên liệu đầu vào không cao, Công ty tăng cường vay vốn lưu động ngân hàng để nhập nguyên liệu dự trữ cho kỳ sản xuất tiếp theo. Điều này khiến cho chi phí tài chính năm 2014, trong đó chủ yếu là chi phí lãi vay tăng 37,8% so với năm 2013.

Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 8,5% tương ứng tăng 984 triệu đồng do trong năm Kim Vĩ tiến hành đầu tư thêm nhà xưởng mở rộng sản xuất, kéo theo chi phí cho bộ máy quản lý tăng.

7.4. Trình độ công nghệ

7.4.1. Công nghệ phục vụ quản lý:

Nhận thức được tầm quan trọng mang ý nghĩa sống còn của vấn đề công nghệ đối với doanh nghiệp sản xuất, đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp nặng, Kim Vĩ đã đưa ra mục tiêu quản trị chuyên nghiệp thông qua đầu tư công nghệ, đầu tư các công cụ quản lý như sau:

a) **Hệ thống ERP (Enterprise Resource Planning):**

Kim Vĩ đã và đang xây dựng hệ thống phần mềm quản lý Doanh Nghiệp ERP (Enterprise Resource Planning): ứng dụng tích hợp tất cả các chức năng kinh doanh cốt lõi trên toàn bộ công ty - bao gồm cả tài chính, bán hàng, quản lý quan hệ khách hàng, hàng tồn kho, và các hoạt động. Không giống như các giải pháp kinh doanh khác nhỏ trên thị trường hiện nay, ERP là một ứng dụng duy nhất, loại bỏ sự cần thiết cho việc cài đặt riêng và tập trung phức tạp của nhiều phân hệ khác nhau. Phân hệ phần mềm ERP đang áp dụng tại Công ty bao gồm:

- **Quản lý tài chính:** Tự động hóa, tích hợp, và quản lý tất cả quy trình tài chính và kế toán.
- **Quản lý kho hàng :** Quản lý hàng tồn kho trên nhiều kho hàng, theo dõi tồn kho thực tế.
- **Quản lý sản xuất :** Quản lý các lệnh sản xuất dựa trên kế hoạch yêu cầu về nguyên vật liệu.
- **Quản lý quan hệ khách hàng** – Nâng cao lợi nhuận và gia tăng sự hài lòng của khách hàng chịu tác động từ việc quản lý các cơ hội kinh doanh và dịch vụ sau bán hàng.
- **Quản lý Mua hàng** – Tự động hóa toàn bộ quá trình mua sắm từ khi lập đơn đặt hàng đến khi thanh toán cho nhà cung cấp.
- **Quản lý nhân sự** - Kiểm tra, đánh giá, tuyển dụng, đào tạo nhân sự.
- **Quản lý tài sản** – Kiểm tra tài sản, khấu hao tài sản, công cụ dụng cụ.
- **Quản lý giao hàng** – Kiểm soát thời gian giao hàng, tuyến đường vận tải.
- **Báo cáo – Thông tin toàn diện và theo thời gian thực.**

Lợi ích:

- Cải thiện hiệu quả các hoạt động nền tảng của doanh nghiệp một cách mạnh mẽ – tập trung và tích hợp toàn bộ việc kinh doanh– thông qua việc bán hàng, hàng tồn kho, mua bán, vận hành, và tài chính - trong một hệ thống, loại bỏ dữ liệu dư thừa, sai sót, và chi phí trong quá trình vận hành.
- Tập trung để phát triển doanh nghiệp – Dễ dàng bao quát từ đầu đến cuối các hoạt động của doanh nghiệp, có thời gian tập trung vào việc kinh doanh có lợi nhuận cao hơn.
- Hệ thống thông minh hơn, quyết định nhanh hơn – Đưa thông tin doanh nghiệp thành một nguồn dữ liệu duy nhất. Do đó, có thể truy xuất thông tin tức thời, nhân viên có thể đáp ứng một cách nhanh chóng nhu cầu của khách hàng nhằm giúp Ban giám đốc Công ty có những quyết định chính xác kịp thời.

- Kết nối trụ sở chính, các công ty con, và các đối tác kinh doanh trong cùng mạng lưới - phục vụ khách hàng tốt hơn và đạt được hiệu quả hoạt động, giúp quản lý các luồng thông tin và thống nhất các quy trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Hệ thống quản lý mã vạch Barcode

Giúp hoạt động quản lý hàng hóa dễ dàng, nhanh chóng, chính xác, tiết kiệm thời gian và mang lại hiệu quả cao, hiện nay công ty đã cho in trên hàng hoá một loại mã hiệu đặc biệt gọi là mã số-mã vạch của hàng hoá.

Lợi ích của việc áp dụng mã vạch trong quản lý kho:

- Giảm chi phí hoạt động của doanh nghiệp, tăng lợi nhuận
- Tăng tính cạnh tranh trên thị trường nhờ đáp ứng nhanh yêu cầu của khách hàng & giá thành sản phẩm thấp.
- Chủ động được nguồn vốn nhờ tồn kho thấp.
- Với sự tích hợp và hỗ trợ chặt chẽ trong hệ thống quản lý nghiệp vụ, mã vạch cho phép giảm các thao tác nhập số liệu, hạn chế tối đa nhầm lẫn trong các hoạt động nghiệp vụ
- Nắm rõ tồn kho, tuổi hàng tồn kho quyết định kinh doanh phù hợp.
- Giảm được 90 % thiệt hại do hàng tồn quá lâu, hàng bị giảm giá.
- Trợ giúp quyết định nhập hàng / sản xuất mới.
- Đáp ứng nhanh chóng đơn đặt hàng của khách hàng.
- Giảm 100 % xuất nhập nhầm hàng nhờ tính chính xác của mã vạch.
- Giảm 50 % thời gian thao tác và nhập số liệu tại kho.

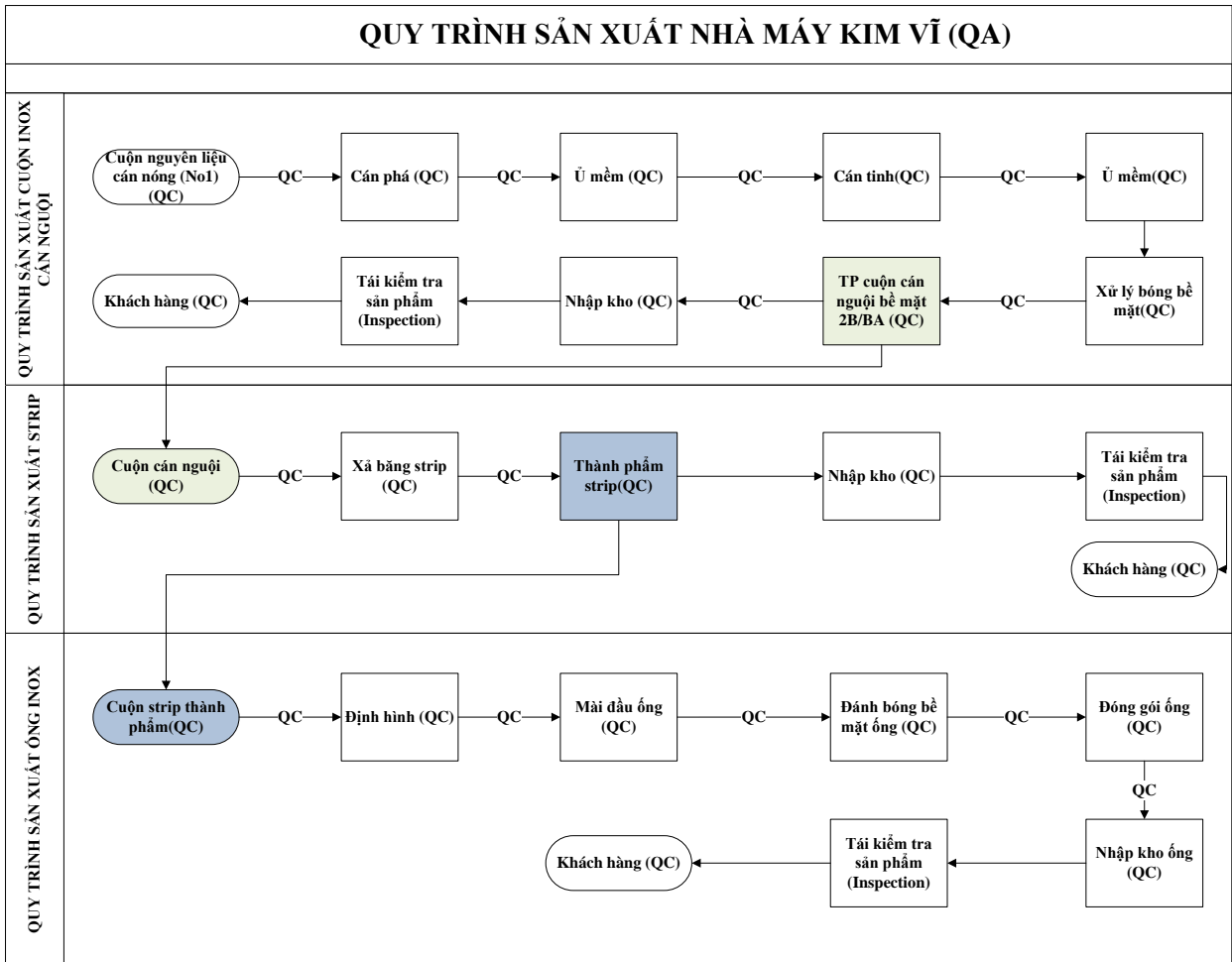
c) Hệ thống quản lý chất lượng TQM

Thay vì chỉ quản lý QA/QC ở công đoạn sản xuất như trước đây thì dự án TQM đã huy động ứng dụng các nguồn lực quản trị tối ưu nhất cho hoạt động sản xuất: từ trước sản xuất đến khâu sản xuất và sau sản xuất. Điều đó có nghĩa là cho phép quản lý chất lượng từ giai đoạn Marketing, nghiên cứu – tìm kiếm nhà cung cấp nguyên vật liệu (nước ngoài) – nhập nguyên vật liệu – cán - ủ - ống – thành phẩm (inspection “các phương pháp tái kiểm tra”) – vận chuyển – khách hàng – tư vấn – hậu mãi.

7.4.2. Quy trình công nghệ sản xuất

Kim Vĩ luôn đề cao tầm quan trọng của công nghệ máy móc thiết bị, vì vậy, công nghệ và máy móc thiết bị của Công ty phần lớn là kế thừa công nghệ Châu Âu, Nhật Bản và được gia công ở Trung Quốc. Định kỳ hàng quý, hàng năm, Kim Vĩ luôn đặt ra các mục tiêu để nâng cấp, cải tiến, cập nhật công nghệ mới nhất từ bộ phận cải tiến thuộc phòng kỹ thuật và trên thế giới.

Quy trình sản xuất chi tiết:



Một số hình ảnh quy trình sản xuất của công ty

Hình hoạt động cán luyện Inox



Hình 1: Dây chuyền cán thép không gỉ



Hình 2: Dây chuyền ủ thép không gỉ



Hình 3: Thân gia nhiệt lò ủ



Hình 4: Bộ làm mát tole



Hình 5: Bộ giải nhiệt nước



Hình 6: Dây chuyền đánh bóng cuộn

Hình hoạt động xả băng



Hình 1: Hệ thống dao xả strip



Hình 2: Bộ phận chia băng và ép lực căng

Hình hoạt động cuộn ống inox



Hình 1: Bung thả Strip cuộn ống



Hình 2: Dàn định hình ống



Hình 3: Công nhân mài đầu ống



Hình 4: Thành phẩm ống đã vô bao bì

7.5. Tình hình nghiên cứu đầu tư phát triển sản phẩm mới

Kim Vĩ là nhà sản xuất mà sản phẩm chủ lực là cuộn - ống Inox, là nguyên vật liệu đầu vào cho các nhà sản xuất ứng dụng ra sản phẩm tiêu dùng cuối cùng. Trong các ngành công nghiệp mà sản phẩm Kim Vĩ tiêu thụ chiếm tỷ trọng cao là công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng thiết yếu, nên ít chịu ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế chung. Hơn nữa, nhờ tính chất chống gỉ dễ uốn, dập, vuốt, cán mỏng, siêu mỏng mà vẫn đảm bảo độ bền cao nhất và tính thẩm mỹ cao, dễ vệ sinh, thích hợp và chịu đựng được mọi điều kiện nhiệt độ và môi trường khác nhau, đồng thời có giá thành thấp hơn các vật liệu khác. Chính vì vậy, các sản phẩm có nguồn gốc từ nguyên vật liệu cuộn, ống Inox được chấp nhận ở mọi đẳng cấp, mọi tầng lớp người tiêu dùng.

Chính các ưu điểm nổi bật kể trên, ngày nay nguyên vật liệu Inox (Thép không gỉ) dần thay thế các vật liệu khác như: Nhôm, nhựa, gỗ, sắt, thủy tinh, đồng... Tuy nhiên, việc nghiên cứu phát triển sản phẩm mới vẫn là chìa khóa mở đường, tiên phong đột phá để đón lấy lợi nhuận tối ưu từ thị trường và đối thủ cạnh tranh.

Xác định được tầm quan trọng của việc nghiên cứu đầu tư phát triển sản phẩm mới, Kim Vĩ đặt ra 2 mục tiêu chính, đó là:

- Phát triển sản phẩm ưu thế truyền thống đến các phân khúc thị trường còn bỏ ngõ tại Thành Phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành khác trong nước và nước ngoài.
- Phát triển các sản phẩm: Cuộn - Ống Inox kỹ thuật cao, mỹ thuật cao; và Cuộn Inox Mác 410 – 430, là dòng sản phẩm đòi hỏi kinh nghiệm dày dặn và am hiểu sâu về kỹ thuật ngành.

Để tăng sản lượng thép cuộn cán nguội đáp ứng nhu cầu của thị trường, đặc biệt sau Quyết định về áp thuế chống bán phá giá của Nhà nước đối với thép cuộn cán nguội nhập khẩu, Kim Vĩ đang thực hiện Dự án đầu tư máy cán với công suất 7.000 tấn/năm và trong tương lai, Công ty tiếp tục đầu tư dây chuyền tăng công suất.

Dự án có tổng mức đầu tư gần 20 tỷ đồng, máy móc thiết bị đã được nhập về và hoàn tất công tác lắp đặt trong tháng 12/2014. Dự kiến dây chuyền sẽ chính thức vận hành đầu quý 2/2015. Sản phẩm chính mà máy cán mới cho ra thị trường là thép không gỉ dạng cuộn chủng loại 201/304/430 (các chủng loại 201/304/430 được quy định phụ thuộc vào tỉ lệ phần trăm Niken trong hợp kim thép không gỉ).

Dự án đầu tư có những ưu điểm:

- Tăng công suất sản xuất ra thép cán nguội 2B, giảm hoàn toàn việc nhập cuộn cán nguội thành phẩm (do trước đây công suất của máy cán chưa đáp ứng được nhu cầu sản lượng nên Công ty vẫn phải nhập một phần cán nguội thành phẩm).
- Công ty đã có đội ngũ kỹ sư, công nhân lành nghề ổn định và được đào tạo kỹ thuật tiên tiến triển khai vận hành máy móc thiết bị.
- Thị trường đầu ra cho sản phẩm đã có sẵn với hệ khách hàng lâu năm của Công ty.
- Không phải đầu tư thêm thiết bị đi kèm (lò ủ điện) do hệ thống lò ủ điện hiện có của Công ty vào cuối năm 2013 và đầu năm 2014 đã được cải tiến và tăng công suất.

7.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ:

Trong xu thế toàn cầu, các công ty thuộc mọi quốc gia trên toàn thế giới muốn tồn tại, phát triển và để thu hút khách hàng thì sản phẩm của họ phải đòi hỏi cao về chất lượng và đảm bảo chất lượng. Chính vì thế các doanh nghiệp phải chấp nhận cạnh tranh lẫn nhau và đưa chất lượng vào nội dung quản lý hàng đầu.

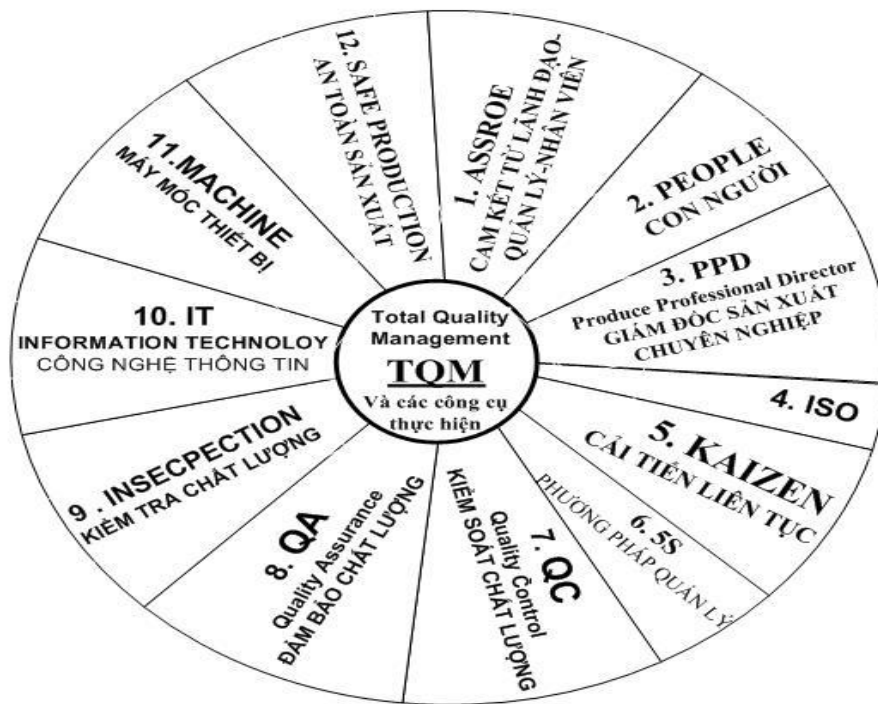
Tư duy cạnh tranh về giá thành sản phẩm dần trở nên lạc hậu, không còn là vấn đề then chốt dẫn tới thành công của doanh nghiệp. Việc sản xuất ra sản phẩm có chất lượng, định hướng vào sự hài lòng của khách hàng và mong muốn của thị trường, cùng với dịch vụ hậu mãi, văn hóa doanh nghiệp, ở đó có những nhà quản lý và công nhân viên tinh nhuệ mới thực sự là điều kiện cần và đủ để mở cửa thành công.

Vấn đề chất lượng sản phẩm dịch vụ vừa là bài toán khó, một thách thức, vừa là một cơ hội đối với Kim Vĩ. Thách thức ở chỗ làm sao để cho ra sản phẩm chất lượng mà đầu tư tài lực, nhân lực, chất xám ở mức thấp nhất, năng suất cao như kế hoạch, đồng thời vẫn giữ được định mức chi phí, đảm bảo tính thẩm mỹ của sản phẩm, tính ổn định về chất lượng, không có phế phẩm và giá thành cạnh tranh. Tuy nhiên, nếu giải được bài toán khó, ý thức sự sống còn về chất lượng, đồng thời có được sự cam kết từ nhân sự cấp cơ sở đến cấp cao, vận dụng các lợi thế doanh nghiệp để vượt qua các thách thức, khó khăn để cho ra sản phẩm có chất lượng cao ổn định thì đó chính là một cơ hội tuyệt vời để tăng doanh thu, chiếm lĩnh thị phần->gia tăng tỷ suất sinh lợi, giá trị doanh nghiệp, thương hiệu. Đó là nền tảng cho sự phát triển trường tồn của một doanh nghiệp.

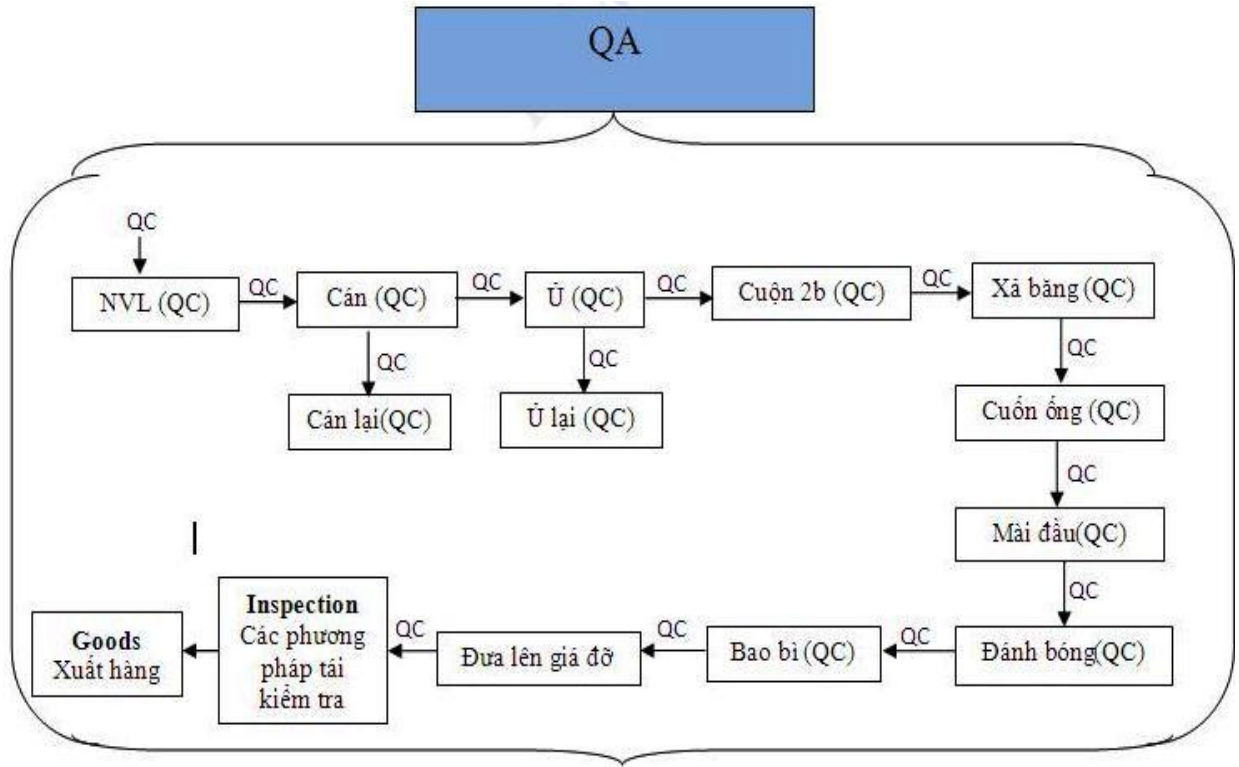
Hiểu được tầm quan trọng của chất lượng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp, nhất là khi thị trường ngày càng cạnh tranh khốc liệt đã thúc đẩy Kim Vĩ khởi động dự án “TQM” (Quản trị chất lượng toàn diện/Total Quality Management). Dự án TQM được minh họa và tóm tắt như sau:

BẢN CÁO BẠCH CTCP SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VÍ

- TQM: là một phương pháp quản lý của một tổ chức, định hướng vào chất lượng, dựa trên sự tham gia của mọi thành viên nhằm đem lại sự thành công dài hạn thông qua sự thỏa mãn của khách hàng và lợi ích của mọi thành viên trong công ty và của xã hội.
- Vai trò lãnh đạo của cấp quản lý cao nhất và sự đào tạo huấn luyện cho mọi thành viên trong công ty là điều cốt yếu cho sự thành công.
- Trong TQM khái niệm chất lượng liên quan đến việc đạt được mọi mục tiêu quản lý.
- Lợi ích xã hội có nghĩa là thực hiện hiện các yêu cầu mà xã hội đặt ra.
- Đặc điểm nổi bật của TQM so với các phương thức quản lý chất lượng trước đây là nó cung cấp mọi hệ thống toàn diện cho công thức quản lý và cải tiến mọi khía cạnh có liên quan đến chất lượng và huy động sự tham gia của mọi bộ phận, mọi cá nhân để đạt được mục tiêu chất lượng đã đặt ra.
- Thời kỳ quản lý QA/QC, chỉ ở giai đoạn sản xuất là thời kỳ đã qua rồi và nhường chỗ lại cho mô hình mới “Quản lý chất lượng toàn diện_TQM”: từ trước sản xuất + sản xuất và sau sản xuất.
- Sau đây là các công cụ để thực hiện dự án TQM:



- Lưu đồ và vai trò của QA-QC trong quy trình sản xuất của Kim Vĩ:



Chất lượng sản phẩm, dịch vụ luôn được Kim Vĩ quan tâm hàng đầu nhằm tạo uy tín và niềm tin lâu dài đối với khách hàng, là sự sống còn của Doanh nghiệp. Sau khi đạt chuẩn ISO 9001:2008 Kim Vĩ đã và đang triển khai dự án TQM nhằm chuyên nghiệp hóa quy trình quản lý chất lượng, đảm bảo đúng triết lý của Công ty: **“Buôn chữ tín – Bán chữ tin”**.

Biểu tượng cam kết của Kim Vĩ



7.7. Hoạt động marketing

Hoạt động marketing là cầu nối doanh nghiệp với thị trường và khách hàng, giúp doanh nghiệp thích ứng với những thay đổi, nhu cầu, xu hướng, mong muốn của thị trường, đồng thời

chuyển tải thông tin sản phẩm và bức tranh doanh nghiệp hoạt động đầu tư đến với thị trường khách hàng.

Thị trường luôn có tính quy luật khi khách hàng luôn thay đổi giữa tỷ lệ tăng khách hàng mới và mất đi khách hàng cũ. Trong bối cảnh ấy, vai trò của hoạt động marketing được xem như một trong những hoạt động trọng yếu, có sức ảnh hưởng trực tiếp đến gia tăng giá trị lợi nhuận của doanh nghiệp.

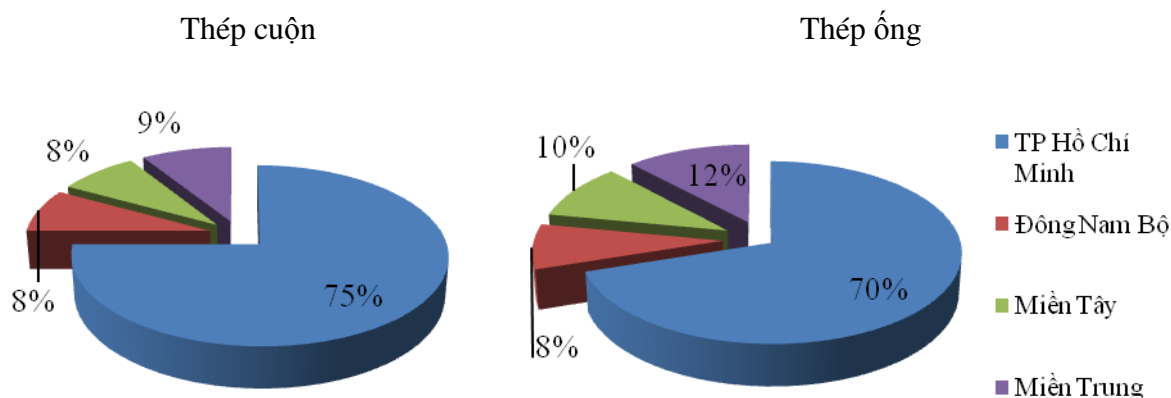
Để thỏa mãn định hướng đến “sự hài lòng” thị trường và khách hàng, Kim Vĩ đã cơ cấu bộ phận Marketing là một bộ phận tách biệt khỏi phòng kinh doanh và văn phòng hoạt động tại Q10, Trung Tâm Tp.HCM.

Với sứ mệnh nêu trên, hoạt động Marketing của Kim Vĩ thực hiện thông qua các chương trình quảng bá thương hiệu sản phẩm dưới các hình thức: viết bài PR, truyền thông trên website, sản phẩm, ấn phẩm, hội chợ triển lãm trong và ngoài nước, các chứng nhận các tổ chức về thương hiệu, chất lượng như: ISO 9001:2008, Bằng Khen của UBND Tp.HCM và liên kết tổ chức nhiều sự kiện thể thao, bóng đá giữa công ty và các ngân hàng, đối tác và hàng loạt công cụ khác,...

Song song với hoạt động quảng bá thương hiệu, công ty không ngừng tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện. “Quỹ thiện nguyện Kim Vĩ” không chỉ giúp đỡ các CBCNV Kim Vĩ có hoàn cảnh khó khăn, tai nạn, bệnh tật mà còn thường xuyên thực hiện công tác từ thiện đến các huyện đảo vùng sâu vùng xa, thăm hỏi tặng quà các cho các bà mẹ Việt Nam anh hùng, hỗ trợ cho các em nhỏ bị khuyết tật,...

Với bề dày 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất và phân phối thép không gỉ, Kim Vĩ đã xây dựng được mạng lưới khách hàng trên toàn quốc trong đó nhà sản xuất chiếm tỷ trọng 70% trong cơ cấu Doanh thu và các khách lẻ, đại lý chiếm 30%. Điều này giúp doanh thu của Công ty luôn duy trì ổn định và không ngừng tăng trưởng qua các năm.

Cơ cấu doanh thu theo khu vực của Công ty



(Nguồn: CTCP Sản xuất xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ)

Bên cạnh việc cung cấp cho các khách hàng trong nước, Kim Vĩ còn xuất khẩu sản phẩm ra một số thị trường quốc tế như Hàn Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ, Singapore...

Quy trình bán hàng khoa học, phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận kinh doanh, kế toán, kiểm soát cùng chính sách hậu mãi hấp dẫn và thế mạnh về công tác chăm sóc khách hàng đã giúp Kim Vĩ trở thành nhà cung cấp lâu năm của nhiều doanh nghiệp tên tuổi trong các lĩnh vực cơ khí, hàng gia dụng cả trong nước và quốc tế.

Danh sách một số khách hàng tiêu biểu của Công ty

| STT | Khách hàng | Quốc gia |
|-----|--|-----------|
| 1 | Công Ty TNHH Happy Cook | Việt Nam |
| 2 | Tập Đoàn Tân Á Đại Thành | Việt Nam |
| 3 | Công ty Toàn Mỹ | Việt Nam |
| 4 | Công ty TNHH Đầu Tư Duy Phương | Việt Nam |
| 5 | Công ty TNHH Inox Thành Phát | Việt Nam |
| 6 | Công ty TNHH Sản Xuất - Thương Mại Dịch Vụ Qui Phúc | Việt Nam |
| 7 | Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Và Dịch Vụ Hải Long Xiêm | Việt Nam |
| 8 | Công Ty TNHH Sản Xuất Duy Lợi | Việt Nam |
| 9 | Công ty TNHH Thương Mại Sản Xuất Xuất Nhập Khẩu Tiến Thành | Việt Nam |
| 10 | Công ty TNHH HWATA Việt Nam | Việt Nam |
| 11 | Công ty TNHH XD - SX và TM Phước An | Việt Nam |
| 12 | STEMCOR | Singapore |
| 13 | E-GLOBAL | Nhật Bản |

BẢN CÁO BẠCH CTCP SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

| STT | Khách hàng | Quốc gia |
|-----|------------|------------|
| 14 | DAI-I CHI | HongKong |
| 15 | TRADINOX | Thổ Nhĩ Kỳ |
| 16 | FERRA | Thổ Nhĩ Kỳ |
| 17 | KUMKAK | Hàn Quốc |

(Nguồn: CTCP Sản xuất xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ)

7.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh và sáng chế bản quyền



KIMVICO
Since 1989
Thép mà không gỉ

Triết lý văn hóa:
“Buôn chữ tín- Bán chữ tin”
Biểu tượng cam kết của Kim Vĩ



Thương hiệu và logo của Kim Vĩ đã được đăng ký bản quyền, và được cấp giấy chứng nhận tương ứng số: 109839, 109840 theo quyết định số 19304/QĐ-SHTT, 19305/QĐ-SHTT do Cục Sở Hữu Trí Tuệ thuộc Bộ Khoa Học và Công nghệ cấp ngày 25/09/2008.

7.9. Một số hợp đồng tiêu biểu

Bảng số 10 Một số hợp đồng lớn Công ty đã thực hiện

| STT | Đối tác | Nội dung | Trị giá (nghìn đồng) | Thời gian |
|-----|-------------------|-------------------|----------------------|------------|
| 1 | CƠ SỞ XE ĐẠP INOX | Thép không gỉ 201 | 1.168.100.000 | 17/02/2014 |

BẢN CÁO BẠCH CTCP SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

| STT | Đối tác | Nội dung | Trị giá (nghìn đồng) | Thời gian |
|------------|--|-------------------|-----------------------------|------------------|
| | HÙNG KÝ | | | |
| 2 | CÔNG TY TNHH AN TOÀN THẮNG | Thép không gỉ 201 | 655.650.000 | 24/02/2014 |
| 3 | CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN | Thép không gỉ 201 | 2.024.000.000 | 14/06/2014 |
| 4 | CÔNG TY TNHH MTV SX TM NHÔM INOX PHƯƠNG VY | Thép không gỉ 201 | 1.194.000.000 | 20/06/2014 |
| 5 | CÔNG TY TNHH TM –SX-DV QUI PHÚC | Thép không gỉ 201 | 1.609.650.000 | 01/07/2014 |
| 6 | CÔNG TY CP HUY THÀNH ĐẠT | Thép không gỉ 201 | 2.458.422.900 | 01/07/2014 |
| 7 | CÔNG TY TNHH SX TM NAM ĐẠI THÀNH | Thép không gỉ 201 | 4.050.000.000 | 05/06/2014 |
| 8 | CÔNG TY CP SX KINH DOANH TOÀN MỸ | Thép không gỉ 201 | 4.290.000.000 | 23/04/2014 |
| 9 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÂN Á | Thép không gỉ 201 | 2.220.000.000 | 18/09/2013 |
| 10 | CÔNG TY TNHH SX TM NAM ĐẠI THÀNH | Thép không gỉ 201 | 4.045.000.000 | 19/03/2013 |
| 11 | CÔNG TY CP SX KINH DOANH TOÀN MỸ | Thép không gỉ 201 | 3.620.000.000 | 08/07/2013 |

(Nguồn: CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ)

Bảng số 11 Một số hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện

| STT | Đối tác | Nội dung | Trị giá (nghìn đồng) | Thời gian |
|-----|---|------------------------------|----------------------|------------|
| 1 | CÔNG TY TNHH CHẾ TẠO CƠ KHÍ HOÀNG LÂM | Thép không gỉ 201 | 428.494.200 | 15/12/2014 |
| 2 | CÔNG TY HUY THÀNH ĐẠT | Thép không gỉ 201 | 635.824.000 | 02/01/2015 |
| 3 | CÔNG TY CP SẢN XUẤT KINH DOANH TOÀN MỸ | Thép không gỉ 201 | 5.250.000.000 | 09/01/2015 |
| 4 | CÔNG TY CỔ PHẦN SA TRUNG KIÊN | Thép không gỉ 201 | 7.000.000.000 | 10/1/2015 |
| 5 | CT NHHH SẢN XUẤT TM VÀ DV HẢI LONG XIÊM | Thép không gỉ 201 | 2.000.000.000 | 20/01/2015 |
| 6 | CÔNG TY CP SX TM PHƯỚC THẮNG | Thép không gỉ 201, 304 , 430 | 10.000.000.000 | 04/02/2015 |

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất:

8.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh :

Bảng số 12: Kết quả hoạt động kinh doanh

(Đơn vị: Nghìn đồng)

| ST T | Chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | Tăng trưởng năm 2014 so với 2013 |
|------|-----------------------------------|-------------|-------------|----------------------------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 288.854.543 | 421.747.451 | 46,01% |
| 2 | Vốn chủ sở hữu | 42.879.151 | 165.328.352 | 285,57% |
| 3 | Doanh thu thuần | 372.259.082 | 362.746.814 | -2,56% |
| 4 | Lợi nhuận từ Hoạt động kinh doanh | 2.954.895 | 23.982.509 | 711,62% |
| 5 | Lợi nhuận khác | (928.249) | 406.109 | na |
| 6 | Lợi nhuận trước thuế | 2.026.646 | 24.338.618 | 1.100,93% |

BẢN CÁO BẠCH CTCP SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

| | | | | |
|----|--|-----------|------------|-----------|
| 7 | Lợi nhuận sau thuế | 1.519.985 | 22.336.940 | 1.369,55% |
| 8 | Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | 0,41% | 6,16% | |
| 9 | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 0% | 0% | |
| 10 | Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân | 5,49% | 21,46% | |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 CTCP Sản xuất xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ)

Tính tới thời điểm 31/12/2013, công ty lỗ lũy kế là 22.008.588.078 đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do khoản lỗ do chuyển nhượng tài sản và bất động sản trong năm 2012 để di dời nhà máy về trụ sở hiện tại. Số lỗ từ thanh lý tài sản và bất động sản trong năm 2012 là 15.062.809.246 đồng.

Doanh thu năm 2014 của Công ty được đóng góp từ các hoạt động sản xuất cuộn, sản xuất ống và bất động sản. Theo định hướng phát triển tập trung vào các hoạt động sản xuất chiếm tỷ trọng doanh thu lớn, trong năm, Kim Vĩ không nhận gia công bên ngoài và giảm tỷ lệ hoạt động thương mại, vì vậy, doanh thu giảm nhẹ 3% so với năm 2013. Ngoài doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính, năm 2014, Công ty còn ghi nhận đóng góp 8 tỷ đồng doanh thu từ bán bất động sản.

Doanh thu giảm 3%, tuy nhiên lợi nhuận gộp của Công ty tăng 64% so với năm trước, đạt 64,4 tỷ đồng. Loại trừ 7 tỷ đồng lợi nhuận từ bất động sản, hoạt động sản xuất cuộn và ống đem lại lợi nhuận gộp 57,4 tỷ, tăng 46% so với năm trước. Nguyên nhân là do dự báo trước tình hình giá Nickel tăng mạnh, công ty đã tích trữ tại kho một lượng lớn nguyên vật liệu và các thành phẩm vào đầu năm 2014. Nhờ vậy giá vốn hàng bán giảm kéo theo biên lợi nhuận gộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty tăng từ 10,57% lên 17,76%. Việc tăng cường vay ngắn hạn nhập nguyên liệu khi giá giảm khiến chi phí lãi vay của Kim Vĩ tăng 6 tỷ đồng, tỷ trọng Chi phí tài chính/Doanh thu thuần tăng từ 4% lên 6%.

Chi phí tài chính tăng, chi phí bán hàng giảm (do hoạt động thương mại giảm) và chi phí quản lý doanh nghiệp giữ ổn định, vì vậy, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty tăng từ 2,9 tỷ đồng năm 2013 lên 24,5 tỷ năm 2014 và Lợi nhuận sau thuế tăng mạnh từ 1,5 tỷ đồng lên 22,4 tỷ đồng, tương ứng tăng 14,7 lần.

8.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Những nhân tố ảnh hưởng tới ngành thép nói chung và lĩnh vực thép không gỉ nói riêng chính là những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

Những nhân tố khó khăn

Bên cạnh những dấu hiệu tích cực của nền kinh tế so với năm 2013 như: giá xăng dầu giảm, chỉ số lạm phát tốt hơn, lãi suất giảm, dòng tiền lưu chuyển trong nền kinh tế tốt hơn thì vẫn còn những tồn tại từ hệ lụy của khủng hoảng kinh tế kéo dài từ nhiều năm trước tác động ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất của Kim Vĩ.

Tuy dòng tiền lưu thông trong nền kinh tế có tốt hơn nhưng nguồn vốn tài trợ không dễ dàng tiếp cận, đặc biệt là nguồn vốn trung – dài hạn, để mở rộng sản xuất, thay đổi công nghệ. Mặc dù Kim Vĩ có cơ hội mở rộng quy mô sản xuất nhưng hiện chủ yếu là sử dụng nguồn đầu tư chủ yếu lấy từ lợi nhuận, khấu hao, vốn tự có cho đầu tư trung-dài hạn.

Đồng hành với khó khăn trên là sự bất ổn của tỷ giá hối đoái, Kim Vĩ là doanh nghiệp sản xuất nguồn phôi nguyên vật liệu chính chủ yếu là nhập ở nước ngoài nên rủi ro về tỷ giá là một trong những khó khăn đáng kể, ảnh hưởng đến chi phí tài chính. Kế đến là hàng loạt khó khăn khác như: phí vận chuyển tăng mạnh, là doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nặng phí cảng-thông quan, loại chi phí này chiếm tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu giá thành.

Giá điện tăng cũng làm tăng giá thành đáng kể cho Kim Vĩ vì công nghệ cán luyện, ủ sử dụng điện rất lớn, nạn cúp điện bất thường liên tục. Giá nhân công trực tiếp cũng tăng đáng kể hơn năm 2013, tuy Việt Nam nằm ở khu vực có giá nhân công thấp, như so với các năm trước 2014 giá nhân công ngành thép không gì tăng gần 15% (Theo nghiên cứu của Kim Vĩ).

Điềm qua hàng loạt khó khăn mang tính khách quan từ nền kinh tế, nhưng với thực lực, sự lãnh đạo sáng suốt của Hội đồng quản trị và ban Tổng Giám Đốc, sự trải nghiệm hơn 25 năm ứng phó các tình huống khó khăn nhất qua nhiều thời kỳ, giai đoạn Kim Vĩ đã vượt qua khó khăn và có những tăng trưởng ấn tượng trong năm 2014.

Những nhân tố thuận lợi

- **Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam:** Tỷ lệ tăng trưởng GDP năm 2014 đạt 5,98% (tăng 5,25% so với năm 2012 và 5,42% so với năm 2013). (Nguồn: *Cổng Thông Tin Điện Tử Bộ Tài Chính*). Kinh tế phục hồi kéo theo nhu cầu tiêu dùng tăng hơn những năm trước, nhu cầu sử dụng thép không gỉ từ đó cũng tăng theo.

- **Về thị trường tiêu thụ:**

Khủng hoảng kinh tế kéo dài những năm qua gây bao khó khăn cho các doanh nghiệp. Một số doanh nghiệp sản xuất thép không gỉ do sản phẩm làm ra phục vụ cho các ngành chịu ảnh hưởng của khủng hoảng nên dễ bị mất khách hàng, thị trường tiêu thụ cũng bị sụt giảm. Tuy nhiên do đối tượng khách hàng của Kim Vĩ chủ yếu là các doanh nghiệp sản xuất mặt hàng gia

dụng, lĩnh vực ít chịu ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế và cũng phục hồi nhanh theo đà hồi phục của nền kinh tế nên khách hàng và thị trường của Công ty không bị biến động sụt giảm mạnh như các doanh nghiệp cùng ngành khác.

- **Lãi suất cho vay và giá xăng dầu:** giảm mạnh trong năm 2014 phần nào giúp Kim Vĩ giảm được chi phí tài chính và chi phí logistics.

- **Ban hành quyết định thuế chống bán phá giá:**

Sau Quyết định số 7896/QĐ-BCT ngày 5/9/2014 của Bộ Công Thương quy định áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm thép không gỉ cán nguội nhập khẩu, nhu cầu các sản phẩm thép không gỉ cán nguội trong nước tăng cao, trong đó có các sản phẩm thép cán nguội của Kim Vĩ, số lượng đơn hàng của Công ty tăng mạnh trong những tháng cuối năm. Tận dụng lợi thế này, để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, cuối năm 2014 công ty đã quyết định đầu tư thêm máy cán mới, nâng công suất lên khoảng 35%, tăng sản lượng thép cán nguội đưa ra thị trường.

- **Thông tư liên tịch số:** 44/2013/TTLT-BTC-BKHCN của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học công nghệ (*ban hành ngày 31/12/2013, có hiệu lực từ 01/06/2014*) về kiểm tra chất lượng thép sản xuất trong nước và thép nhập khẩu mục đích nâng cao chất lượng sản phẩm, tránh hàng kém chất lượng, tránh gian lận trong thương mại. Thông tư 44 bảo vệ nhà sản xuất chân chính, tạo ra môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp trong nước. Từ khi áp dụng thông tư, nhiều doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, nhập khẩu sản phẩm kém chất lượng gặp nhiều khó khăn, đó cũng là cơ hội cho sản phẩm chất lượng của Kim Vĩ chiếm lĩnh thị trường.

9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Vị thế của Công ty trong ngành:

a) Lợi thế về thương hiệu lâu năm

- Lịch sử phát triển:

1898 – 2000: Cơ Sở KIM VĨ

2000 – 2008: Công ty TNHH KIM VĨ

Từ tháng 5/2008– 2014: Công Ty Cổ Phần KIM VĨ

Từ năm 2014 – nay: Công Ty Cổ Phần Đại Chúng

- Tồn tại và phát triển hơn 25 năm so với một doanh nghiệp trên thị trường chứng khoán niêm yết không phải là thời gian quá dài, tuy nhiên chặng đường đó “có đủ” để chứng tỏ sức sống mãnh liệt của một doanh nghiệp để vượt qua mọi thử thách, thăng trầm trong giai đoạn được cho là có nhiều biến động khó khăn nhất của nền kinh tế và xã hội.

b) Lợi thế về con người:

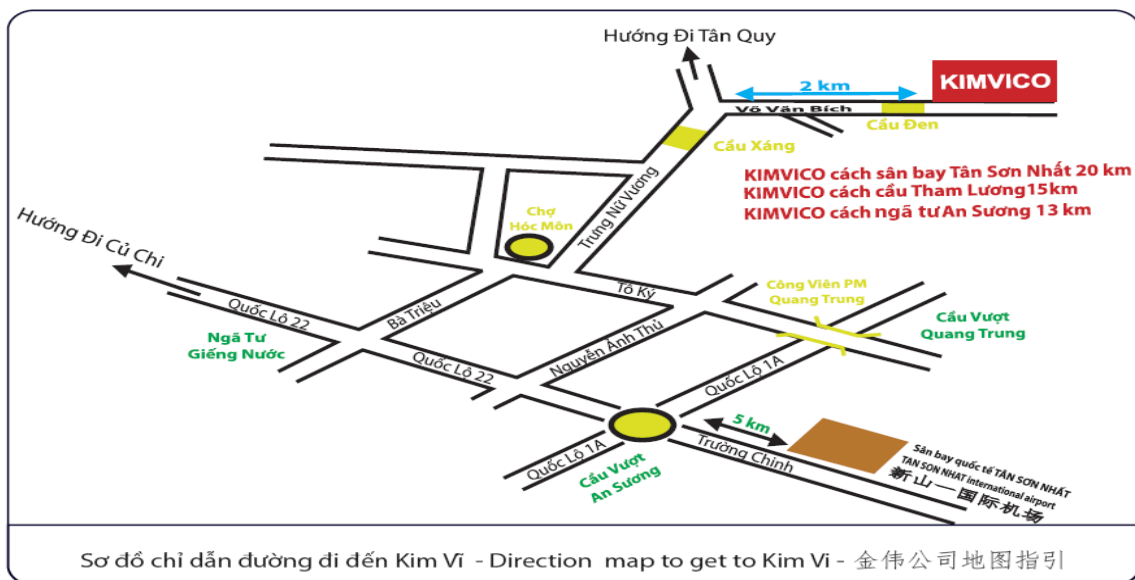
- Đây là lợi thế mang tính nền tảng vững chắc. Kim Vĩ kế thừa tích lũy từ nhiều năm nay một lực lượng lao động tuyệt vời với các quản lý đầy kinh nghiệm, có đào tạo chuyên nghiệp, cùng với việc tập huấn đào tạo nâng cao liên tục về chuyên môn, quản trị quản lý và hàng loạt chuyên đề khác từ phòng đào tạo và ban giảng huấn của Kim Vĩ.

BẢN CÁO BẠCH CTCP SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

- Lực lượng công nhân viên thạo nghề, được huấn luyện đào tạo thường xuyên và kiểm tra, cấp chứng nhận về chuyên môn, tác nghiệp vận hành, thao tác, ý thức, nội quy quy chế an toàn lao động, Phòng cháy chữa cháy ...

c) Lợi thế về vị trí địa lý, cơ sở sản xuất:

- Yếu tố con người là quan trọng và mang tính quyết định của doanh nghiệp.
- Nhưng “NHÂN HÒA” mà thiếu “ĐỊA LỢI” thì khó cất cánh lên tầm cao. Mong muốn, triết lý và quan điểm này là động lực để Kim Vĩ đầu tư trụ sở chính và nhà máy tọa lạc tại Tp.HCM (giáp ranh Q12, Hóc Môn, Củ Chi). Đặc biệt, diện tích đất trên Công ty đều có quyền sử dụng tới năm 2056, điều này tạo nên một sự ổn định để Kim Vĩ phát triển vững chắc.



Sơ đồ chỉ dẫn nhà máy Kim Vĩ



Hình ảnh tổng quan công ty Kim Vĩ

- Đầu tư cho hạ tầng cơ sở vật chất trong sản xuất thuộc công nghiệp nặng được xem là “phần cứng nền tảng cho sự phát triển bền vững, lâu dài”. Các công trình như: hệ thống nhà xưởng, nhà văn phòng các cấp, nhà nghỉ, hội trường, công viên, canteen, bếp tập thể, hệ thống giao thông nội bộ, hệ thống thoát nước, tường rào bao quanh, và nhiều công trình phụ trợ khác.
- Thành Phố Hồ Chí Minh là đầu tàu kinh tế của cả nước, khu vực Đông Nam Á, là đại diện cho thị trường Việt Nam có dân số gần 100 triệu dân. Hơn nữa Thành Phố Hồ Chí Minh là trung tâm phân phối thương mại sản xuất có truyền thống lâu đời;
- Đạt danh hiệu thành phố năng động thứ 6 Thế Giới (Do Tập đoàn quản lý bất động sản Jones Lang LaSalle (Mỹ) công bố cuối tháng 01/2015).
- Với những lợi thế và ưu điểm trên Thành Phố Hồ Chí Minh được ví như kho báu ẩn chứa nhiều cơ hội tiềm năng và đây chính là “ĐỊA LỢI” mà Kim Vĩ đã đầu tư và xác định khai thác lợi thế.

d) Lợi thế về quản trị:

• Hệ thống quản trị chất lượng toàn diện:

- Kim Vĩ đang đầu tư và triển khai dự án TQM_Quản trị chất lượng toàn diện mà mục tiêu là “Định hướng vào sự hài lòng khách hàng và thị trường” Mà công cụ sử dụng của nó tích hợp và cộng hưởng từ 12 công cụ như : 1) Assroce (cam kết từ lãnh đạo_quản lý_nhân viên), 2) People (con người), 3) PPD (Giám đốc sản xuất chuyên nghiệp), 4) Iso 9001, 5) Kaizen (cải tiến liên tục), 6) 5S (các phương pháp quản lý), 7) QC (kiểm soát chất lượng), 8) QA (đảm bảo chất lượng), 9) Insecpection (kiểm tra chất lượng), 10) IT (công nghệ thông tin), 11) Machine (máy móc thiết bị), 12) Safe Production (an toàn sản xuất).
- Dự án cho phép Kim Vĩ kiểm soát được toàn bộ quá trình từ Quản trị Marketing - nghiên cứu - thiết kế sản phẩm – xuất nhập khẩu – nguyên vật liệu chính phụ - công đoạn sản xuất, thành phẩm – inspection (các phương pháp tái kiểm tra) - vận chuyển đến khách hàng - dịch vụ hậu mãi – tư vấn khách hàng.

• ERP-Barcode:

- Từ năm 2008 Kim Vĩ đã đầu tư hệ thống, phần mềm tích hợp quản trị doanh nghiệp (ERP), điều hành trên mọi phần hành phân hệ quản trị và các hệ thống Barcode tích hợp từ ERP, cho phép Kim Vĩ kiểm soát chặt chẽ và nhanh nhất các phần hành tác nghiệp trực tiếp trong hoạt động của Kim Vĩ (hiện các nhà sản xuất thép không gỉ trong nước chưa áp dụng được).

• Hệ thống qui chế mô tả công việc:

- Cho phép Kim Vĩ kiểm soát được các phần hành “gần 25 phần hành” tác nghiệp tương tác, phối hợp giữa các phòng ban/bộ phận và Ban Tổng Giám Đốc.

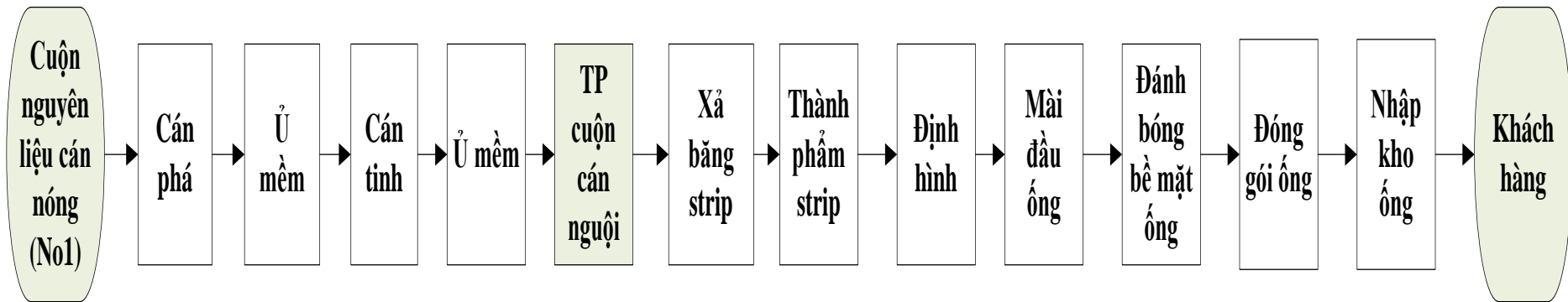
- Hệ thống văn bản, biểu mẫu, qui trình, lưu đồ tác nghiệp cho từng phần hành, mô tả công việc từng vị trí từ cấp cơ sở đến các vị trí quản lý cao nhất trong công ty được thiết lập và xây dựng chặt chẽ qua nhiều thời kỳ.
- Hệ thống quy chế này giúp cho Kim Vĩ có thể chủ động ứng phó kiểm soát các tình huống, các biến động nhân sự từ cấp cơ sở đến cấp quản lý cao nhất
- Đồng thời cho phép Kim Vĩ có thể xác định đo lường tỷ trọng (trong ngày, tuần, tháng, năm) các công việc, tác nghiệp chuyên môn, từ vị trí nhân viên đến quản lý cấp cao nhất.
- Đây là một trong những lợi thế về quản trị, mang tính chiến lược và văn hóa, sắc thái “KIM VĨ”

e) Về thị trường tiêu thụ:

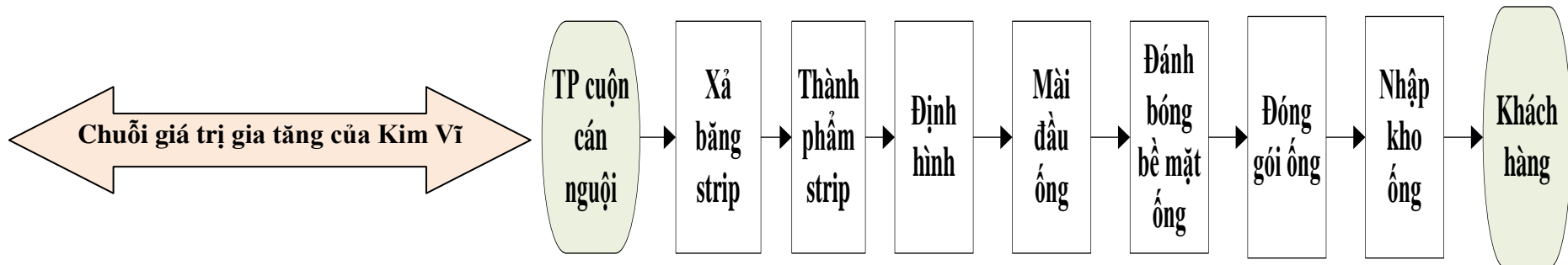
- Thị trường tiêu thụ sản phẩm chính của Công ty là TP. Hồ Chí Minh, Miền Tây và Miền Trung trong đó tại TP. Hồ Chí Minh, số lượng doanh nghiệp có thể thực hiện cán ra thép cán nguội từ thép cán nóng không nhiều, điều này đem lại cho Kim Vĩ lợi thế cạnh tranh lớn. Thị trường tiêu thụ lớn nằm ngay chính tại địa bàn sản xuất cũng giúp các chi phí logistics của công ty giảm đáng kể và giá thành sản phẩm tương đối thấp hơn so với các doanh nghiệp sản xuất tại các địa bàn khác.

f) Lợi thế quy trình sản xuất khép kín:

- Trong khi các doanh nghiệp khác chỉ có thể sản xuất từ *cuộn cán nguội* → *thành phẩm ống* → *khách hàng* thì Kim Vĩ đã đầu tư được quy trình khép kín xuyên suốt từ *cuộn nguyên liệu cán nóng No1* → *thành phẩm cuộn cán nguội* → *thành phẩm ống* → *khách hàng*.
- Xem minh họa quy trình bên dưới:



Hình a: Minh họa quy trình khép kín của Kim Vĩ



Hình b: Minh họa quy trình của đối thủ cạnh tranh

Thành phẩm cuộn cán nguội của Kim Vĩ được tiêu thụ qua hai hướng:

- + 50%: Bán cho các ứng dụng công nghiệp khác
 - + 50%: Sản xuất ống inox
- Trong khi các doanh nghiệp khác muốn sản xuất ống inox phải nhập cuộn cán nguội từ nước ngoài (bị áp thuế) hoặc phải mua từ doanh nghiệp trong nước (như mua của Kim Vĩ) sẽ phải chịu giá cao thì Kim Vĩ lại tự sản xuất ra nguyên liệu để làm ống. Như vậy chuỗi quy trình khép kín giúp Kim Vĩ có nguồn nguyên liệu ổn định để sản xuất ống inox, gia tăng giá trị lợi nhuận cho công ty.
 - Hiện nay, Kim Vĩ là công ty đầu tiên và duy nhất ở miền Nam đầu tư khép kín quy trình sản xuất, riêng khu vực phía Bắc thì chỉ có một ít doanh nghiệp có đầu tư khép kín như Kim Vĩ.

g) Lợi thế công nghệ máy móc thiết bị:

- Hệ thống máy móc thiết bị được đầu tư hiện đại, khép kín, đội ngũ nhân viên kỹ thuật giàu kinh nghiệm.
- Chất lượng sản phẩm được quản lý, kiểm soát bởi các chuyên gia kỹ thuật thuộc phòng kỹ thuật của công ty Kim Vĩ. Ngoài ra Kim Vĩ mời chuyên gia nước ngoài kiểm soát phản biện chất lượng sản phẩm thường kỳ.
- Kim Vĩ thường xuyên tổ chức cho cán bộ kỹ thuật đi nước ngoài học tập trao đổi kinh nghiệm và cập nhật những tiến bộ ở các nước, để từ đó có những sáng kiến nâng cấp cải tiến máy móc thiết bị trong công ty, giảm chi phí sản xuất, nâng cao tuổi thọ máy -> làm tăng giá trị doanh nghiệp.

h) Vận chuyển, hậu cần - dịch vụ:

Kim Vĩ đã đầu tư đội xe tải, cầu, nâng, hàng chục chiếc tự vận chuyển hàng hóa cho hoạt động Kim Vĩ và giao hàng trực tiếp đến kho của khách hàng.

i) Về hệ thống đào tạo

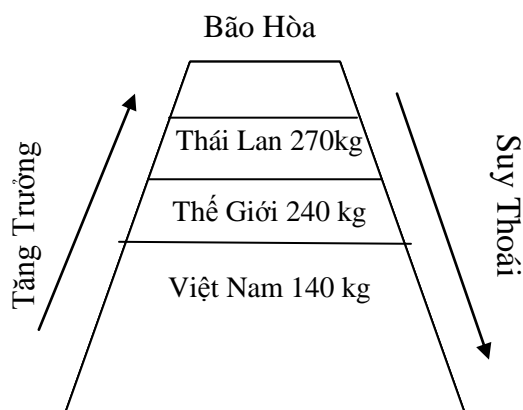
- **Bộ phận đào tạo: Phòng đào tạo – Ban giảng huấn**
- **Tài liệu giáo trình đào tạo:**
 - Do Kim Vĩ tự nghiên cứu; tổng hợp từ các nguồn tài liệu trong nước và quốc tế khác nhau.
 - Đối tượng đào tạo: Công nhân viên từ cấp cơ sở đến các cấp quản lý cao nhất.
 - Vui lòng tham khảo chi tiết chương trình đào tạo ở mục “*Chính sách đào tạo*”.

9.2. Triển vọng phát triển của ngành

Về triển vọng trung và dài hạn, ngành thép không gì còn nhiều tiềm năng tăng trưởng do tốc độ đô thị hóa ngày càng tăng dẫn tới nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm thép tăng. Hiện tại, mức tiêu thụ thép tính trên đầu người của Việt Nam mới chỉ là 140 kg/đầu người, thấp hơn nhiều so với mức bình quân của thế giới là 240 kg/đầu người, và so với một nước trong khu vực ASEAN là Thái Lan có mức tiêu thụ bình quân thép là 270 kg/đầu người. Như vậy, có thể thấy ngành thép vẫn còn nhiều dư địa cho tăng trưởng.

Tháp nhu cầu sử dụng inox của Việt Nam và thế giới.

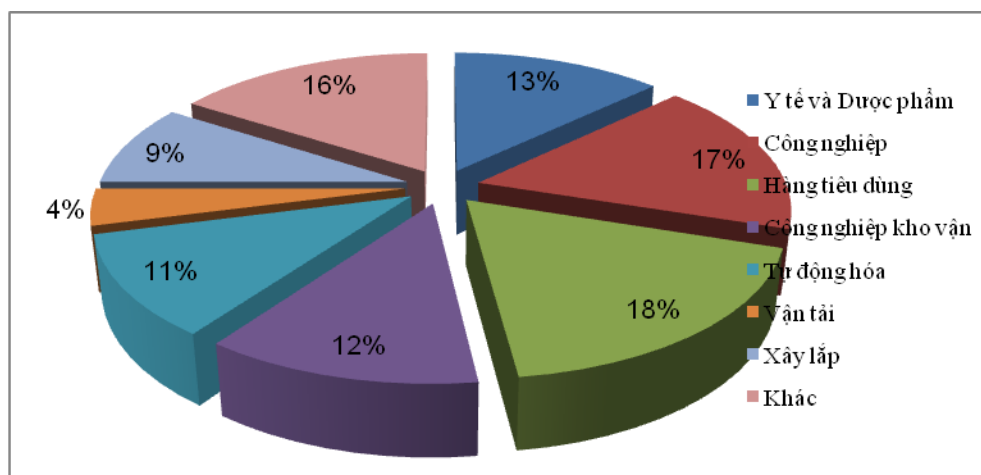
TĂNG TRƯỞNG – BẢO HÒA – SUY THOÁI



Minh họa cho chúng ta thấy ngành thép không gì Việt Nam đang ở giữa chu kỳ tăng trưởng, mở ra một tiềm năng rộng lớn và dài hạn, bền vững và cơ hội đầu tư phát triển lâu dài.

Mặt khác, so với lĩnh vực thép sản xuất, lĩnh vực thép không gì có rất nhiều lợi thế về thị trường do được ứng dụng trong các ngành hàng thiết yếu và nhiều tiềm năng tăng trưởng như Y tế, công nghiệp thực phẩm và đặc biệt là ngành hàng tiêu dùng. Nền kinh tế Việt Nam đang bước vào giai đoạn hồi phục với GDP dự báo năm 2014 đạt 5,6% và năm 2015 đạt 5,8%. Nhu cầu tiêu dùng sẽ tăng theo tốc độ hồi phục của nền kinh tế. Như vậy, năm 2014 – 2015 là năm bản lề cho chu kỳ tăng của nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm gia dụng. Tiêu dùng các sản phẩm gia dụng Việt Nam sẽ còn tiếp tục tăng trưởng do nhu cầu đầu tư, mua sắm các mặt hàng gia dụng tăng theo quy mô dân số và nhu cầu nhà ở.

Những ngành ứng dụng sản phẩm thép không gỉ



(Nguồn: CTCP Sản xuất xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ tổng hợp)

Không chỉ được hưởng lợi nhờ sự tăng trưởng của ngành hàng gia dụng, lĩnh vực thép không gỉ Việt Nam còn được hưởng lợi từ chính sách của Nhà nước nhằm bảo hộ sản xuất trong nước. Ngày 5/9/2014, Bộ Công Thương đã có Quyết định số 7896/QĐ-BC áp dụng biện pháp chống bán phá giá với mức thuế từ 3,07% - 37,29% đối với một số sản phẩm thép không gỉ nhập khẩu từ Trung Quốc, Indonesia, Malaysia, Đài Loan. Cụ thể, thép không gỉ cán nguội nhập khẩu từ Trung Quốc sẽ chịu mức thuế chống bán phá giá từ 4,64 đến 6,87%; từ Malaysia là 10,71%; nhập từ Đài Loan từ 13,79 đến 37,29%, từ Indonesia là 3,07%. Đây là một thuận lợi lớn giúp các sản phẩm thép không gỉ Việt Nam tăng tính cạnh tranh so với các sản phẩm nhập khẩu.

Các doanh nghiệp Việt Nam bước đầu sẽ được bảo hộ bởi hàng rào thuế quan. Thị trường thép không gỉ tại Việt Nam vẫn là thị trường tiềm năng cho các công ty sản xuất thép nói chung và các nhà đầu tư nước ngoài nói riêng do được hưởng nhiều ưu đãi của Nhà nước, nhân công giá rẻ và mức cạnh tranh giữa các doanh nghiệp sản xuất trong nước chưa cao.

Tuy nhiên, thách thức đặt ra cho các doanh nghiệp là phải tự hoàn thiện hơn về chất lượng, công nghệ, quản trị, chú trọng hơn về việc đào tạo con người và môi trường, tăng được công suất và sản lượng, giảm được giá thành để có sức cạnh tranh về lâu dài với các nước xuất khẩu thép không gỉ khác, đóng góp vào giá trị gia tăng cho nền kinh tế, ngân sách nước nhà.

9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành

Căn cứ vào các thống kê, nghiên cứu, đặc điểm của các ngành thép không gỉ trên thế giới và Việt Nam, cũng như các dấu hiệu phục hồi tích cực của nền kinh tế trong nước, hơn nữa lợi thế ngành trong đầu tư của Công ty, Kim Vĩ đã đặt ra chiến lược phát triển theo hướng chú trọng về chiều sâu, tập trung vào các mảng sản phẩm đem lại giá trị gia tăng cao, đặc biệt là các sản phẩm thép cán nguội phục vụ cho lĩnh vực sản xuất hàng gia dụng thiết yếu, phù hợp với lợi thế ngành và lợi thế Công ty.

Với tiềm năng phát triển của lĩnh vực hàng gia dụng, đặc biệt với các chính sách bảo hộ việc sản xuất thép không gỉ cán nguội của Nhà nước, định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành, tận dụng được những lợi thế chủ quan của doanh nghiệp và những lợi thế khách quan do nhu cầu thị trường và chính sách Nhà nước đem lại.

10. Chính sách với người lao động

Số lượng người lao động trong công ty: 293 người trong đó bao gồm:

10.1. Tình hình lao động của Công ty

| | |
|--|------------|
| Tổng số lao động có tên trong doanh nghiệp | 293 |
| Trong đó: | |
| • Số lao động có trình độ Đại học, trên Đại học | 22 |
| Bao gồm: + Lao động nam | 13 |
| + Lao động nữ | 09 |
| • Số lao động có trình độ Trung học, Cao đẳng | 62 |
| Bao gồm: + Lao động nam | 32 |
| + Lao động nữ | 30 |
| • Số lượng công nhân đã qua đào tạo | 209 |
| Bao gồm: + Lao động nam | 194 |
| + Lao động nữ | 15 |

(nguồn: CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ)

10.2. Chế độ làm việc:

a) Thời giờ làm việc:

Thời giờ làm việc của Người lao động là tám (08) giờ mỗi ngày, cụ thể như sau:

Bộ phận Văn phòng:

- Buổi sáng : Từ 07h45 đến 12h00 (từ thứ 2 đến thứ 7)
- Buổi chiều : Từ 13h00 đến 16h45 (từ thứ 2 đến thứ 7)

Sản xuất :

- Ca 1 : Từ 07 giờ 00 đến 15 giờ 00
- Ca 2 : Từ 15 giờ 00 đến 23 giờ 00
- Ca 3: Từ 23 giờ 00 đến 07 giờ 00 hôm sau.

Công ty có quyền điều chỉnh giờ giấc làm việc của người lao động tùy theo từng thời điểm để phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhưng luôn đảm bảo không quá 8 giờ làm việc trong một ngày.

b) Nghỉ phép lễ tết:

Được nghỉ lễ tết theo quy định của bộ luật lao động, nhân viên làm việc mười hai (12) tháng được hưởng mười hai (12) ngày phép năm. Đặc biệt số ngày nghỉ phép hàng năm sẽ tăng theo thâm niên làm việc, cứ mỗi năm (05) năm làm việc tại Công ty sẽ được cộng thêm một (01) ngày phép.

c) Nghỉ ốm đau thai sản:

Theo quy định của bộ luật lao động. Ngoài ra công ty có chế độ làm việc đối với lao động nữ ...

10.3. Chính sách đào tạo

Mỗi công nhân viên khi mới vào làm trong công ty đều được trải qua các khóa đào tạo. Nhằm hướng tới sự chuyên môn hóa trong các bộ phận hoạt động của Công ty, Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất .

Công ty có chính sách đào tạo cán bộ trẻ và bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn cho đội ngũ CBCNV. Hàng năm công ty phối hợp với các đơn vị đào tạo bên ngoài để mở các lớp đào tạo kỹ năng mềm, kỹ năng đàm phán, kỹ năng bán hàng cho CBCNV, đặc biệt là nhân viên kinh doanh, marketing.

Chương trình và chế độ đào tạo gồm 2 phần: *Đào tạo chung* và *đào tạo riêng* theo phòng ban.

a) Đào tạo chung:

- Nội quy lao động
- Kiến thức chung về Inox
- Các quy định về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp
- Quy chế chung của từng bộ phận
- Kỹ năng giao tiếp

b) Đào tạo riêng:

| | |
|--------------------|--|
| XUỞNG ỚNG | <p>Cấp quản lý</p> <ul style="list-style-type: none"> – Kỹ năng sử dụng các tính năng word, excel, bảng tính,... – Kiến thức về sản phẩm đạt và lỗi từ xả băng đến đóng gói – ERP liên quan công việc – Kỹ năng sử dụng cần trục Palang – Kỹ năng quản lý, giám sát nhân viên |
| | <p>Cấp nhân viên</p> <ul style="list-style-type: none"> – Kỹ năng sử dụng hệ thống máy và nút chỉnh xả băng – Kỹ năng vận hành máy xả băng – Kỹ năng sử dụng hệ thống máy cuốn ống (máy hàn, máy mài, máy cắt, ben hơi) – Kỹ năng sử dụng máy mài tay, sửa chữa đơn giản máy mài tay – Kỹ năng sử dụng máy đánh bóng, thay thế bánh bố theo quy định, kiểm tra và thay đường băng – Kỹ năng thoa lợ, đánh bóng ống – Kiến thức về vận hành máy đóng gói – Kiến thức quy định về tem, số lượng ống theo từng size của hàng ống |
| XUỞNG CÁN Ủ | <p>Quản lý và Trưởng ca</p> |
| | <ul style="list-style-type: none"> – Kỹ năng đàm phán và hòa giải – Kỹ năng sắp xếp, điều động, bố trí nhân sự – Quy trình sản xuất – Quy trình Cán Ủ Mài – Quy trình vận hành máy – Các định mức sản xuất/nguyên vật liệu phụ – Sắp xếp bố trí hàng hóa sản xuất – Sản xuất hiệu quả, tiết kiệm thời gian và điện năng tiêu thụ – Kiến thức về hàng hóa (hàng hư, hàng lỗi,...) |
| KS 01 | <ul style="list-style-type: none"> – Các sản phẩm công ty – Kỹ năng ERP và Barcode liên quan công việc – Hệ thống tài khoản – Quy định tuyển dụng, bảo hiểm – Lấy dữ liệu Chấm công, điện thoại – Quy định bảo trì, bảo hành camera – Kỹ năng xử lý tình huống – Kỹ năng quan sát, nhạy bén – Quy trình xuất nhập hàng |
| KS02 | <ul style="list-style-type: none"> – Nguyên lý hoạt động cơ bản của máy cán và lò ủ – Cấu tạo, chức năng từng bộ phận của máy cán và lò ủ |

BẢN CÁO BẠCH CTCP SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VÍ

| | |
|-----------------------|--|
| | <ul style="list-style-type: none"> – Phương pháp kiểm soát cán ủ – Các lỗi hư hỏng máy móc cơ bản – Các qui định, qui trình thao tác máy móc cơ bản – Kiến thức về ERP và barcode liên quan công việc |
| KS03 | <ul style="list-style-type: none"> – Nguyên lý hoạt động cơ bản của các máy sx ống – Phương pháp kiểm soát ống – Kiến thức về tiêu chuẩn ống (kỹ năng kiểm tra, nhận biết, phân biệt hàng đạt và lỗi) – Kiến thức về ERP và barcode liên quan công việc – Các lỗi hư hỏng máy móc cơ bản |
| KHO ÓNG | <ul style="list-style-type: none"> – Kỹ năng sử dụng Palang – Sắp xếp hàng hóa – Cân soạn hàng hóa |
| KHO THƯƠNG MẠI | <ul style="list-style-type: none"> – Kỹ thuật vận hành Palang – Quy trình cầu hàng – Kiến thức cơ bản về Barcode – Quy trình quét Barcode – Quy trình giao hàng – Quy trình cất hàng – Kỹ năng vận hành máy đánh bong – Kỹ năng vận hành xe nâng |
| ĐIỀU VẬN | <ul style="list-style-type: none"> – Bảo mật qui chế, thông tin hàng hóa, khách hàng – Qui trình vận chuyển, giao nhận hàng |
| KỸ THUẬT | <ul style="list-style-type: none"> – Các sản phẩm công ty – Quy trình sản xuất cơ bản (cán ủ ống) – ERP liên quan công việc (xuất tiêu hao nguyên vật liệu phụ, nhập đơn hàng vật tư) – Kỹ năng quản lý sản xuất, nhân sự – Kỹ năng xử lý, quan sát công việc – Tin học chuyên ngành: auto cad 2D, 3D. Autodesk inventor. Sap 2000 (cấu tạo thép) – Kỹ năng tiện – Kỹ năng hàn – Kỹ năng đọc hiểu và bóc tách bản vẽ – Kỹ năng xây dựng và thiết kế bản vẽ – Kỹ năng phán đoán và xác định hư hỏng máy – Kỹ năng xây dựng file chương trình quản lý công nghiệp – Các phần mềm vẽ kỹ thuật cơ bản |

| | |
|-------------------------------|--|
| NHÂN VIÊN KẾ HOẠCH | <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng xử lý, quan sát công việc - Quy trình sản xuất cán ủ, sản xuất ống - Quy trình nhập kho - ERP liên quan công việc |
| KINH DOANH | <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng giải quyết tình huống, đàm phán - Kỹ năng tìm hiểu thông tin (khách hàng, thị trường,...) - Kỹ năng chịu áp lực công việc - Các sản phẩm công ty - Quy trình bán hàng - Quy trình sản xuất cơ bản - Quy trình xuất kho - Quy trình thanh toán - Các kiến thức cơ bản về nghiệp vụ Kế Toán - Kỹ năng sử dụng ERP liên quan công việc <ul style="list-style-type: none"> + Phân hệ kho vận: tra mã hàng, xem nhập-xuất-tồn kho,...) + Phân hệ Bán hàng: làm đơn hàng bán và trả + Phân hệ Tài chính: thu - chi tiền khách hàng - Barcode liên quan công việc - Kỹ năng lưu trữ khác,... |
| MARKETING | <ul style="list-style-type: none"> - Giao tiếp khách hàng qua điện thoại - Kỹ năng thuyết trình và đàm phán - Kỹ năng tìm hiểu thông tin (khách hàng, thị trường,...) - Kỹ năng làm việc nhóm - Kỹ năng phân tích dữ liệu - Khả năng làm việc áp lực - Khả năng viết bài truyền thông - Kiến thức về Marketing, đặc biệt là B2B - Biết cơ bản về phần mềm Adobe Illustrator(thiết kế cơ bản) - Các sản phẩm công ty - Quy trình bán hàng - Quy trình khiếu nại |
| CHUYÊN NGÂN | <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng giao tiếp với khách hàng - Kỹ năng xử lý các tình huống nguy hiểm - Khả năng tìm hiểu thông tin khách hàng - Khả năng chịu áp lực công việc - Quy trình thu tiền - Khả năng thận trọng trong công việc - Khả năng tự vệ |
| TÀI CHÍNH | <ul style="list-style-type: none"> - Thành thạo vi tính văn phòng - Kỹ năng tổng hợp báo cáo, phân tích số liệu |

| | |
|-----------------------|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng tổ chức, quản lý nhân sự - Kỹ năng làm thông báo, trả lời công văn hay viết bài giới thiệu tổng quan về công ty. - Nắm vững hệ thống tài khoản công ty - Các Báo cáo trên ERP - Quy trình sản xuất - Kỹ năng xử lý và quan sát nhạy bén công việc - Bảo mật thông tin về hoạt động kinh doanh công ty |
| KẾ TOÁN | <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống tài khoản - Quản lý và vận hành Barcode - Quy trình sản xuất _ Giá thành - Kỹ năng sử dụng ERP liên quan công việc |
| XUẤT NHẬP KHẨU | <ul style="list-style-type: none"> - Các kỹ năng ERP liên quan công việc - Nguyên liệu Inox - Nghiệp vụ XNK - Ngoại ngữ |
| HCNS | <ul style="list-style-type: none"> - Quy trình tuyển dụng - Các kiến thức về chăm công - Quy trình tham gia BHXH - Kiến thức về Iso - Quy trình sản xuất cơ bản - Kỹ năng quản lý, điều động nhân sự - Kỹ năng xử lý tình huống, quan sát sự việc |
| IT | <p>Nhân viên IT hệ thống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng xử lý các sự cố thiết bị phần cứng - Cách diệt virus máy tính cơ bản - Cài đặt phần mềm - Quản trị website kimvico - Quản trị website thi nội quy lao động - Chia sẻ tập tin thư mục qua hệ thống mạng - Cấu hình modem, wireless <p>Nhân viên phần mềm ERP</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy trình sản xuất - Quy trình bán hàng - Quy trình quản lý kho: xuất/nhập - Quy trình mua hàng |

10.4. Chính sách lương thưởng, trợ cấp

Được chi trả căn cứ thực tế đóng góp của từng người cho hiệu quả chung của Công ty theo quy chế cụ thể được công bố tới từng người lao động. Chế độ trả lương dựa trên kết quả sản xuất kinh doanh có tác dụng động viên người lao động thêm gắn bó với doanh nghiệp.

10.5. Nghỉ mát, du lịch

Hàng năm công ty sẽ tổ chức cho cán bộ công nhân viên đi nghỉ mát trong hoặc ngoài nước tùy kết quả kinh doanh của công ty.

11. Chính sách cổ tức

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng Cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Quản trị, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tiếp theo. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Khi cổ tức được chi trả theo quy định, Công ty vẫn phải đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ khác khi đến hạn và một phần nguồn tiền cho tái đầu tư vào công nghệ sản xuất và chế biến.

Bảng số 13 Tình hình cổ tức từ năm 2012 – 2014

| Tiêu chí | Năm 2012 | Năm 2013 | Năm 2014 |
|------------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| Tỷ lệ cổ tức (%) | 0% | 0% | 0% |

(Nguồn: CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ)

Năm 2012 và năm 2013, công ty vẫn còn lỗ lũy kế nên chưa thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông. Năm 2014, mặc dù đã khắc phục được lỗ lũy kế các năm trước nhưng lãi chưa lớn nên Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đã thông qua việc chưa trả cổ tức năm 2014.

12. Tình hình tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính của Công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành của Việt Nam.

12.1 Trích khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá và phương pháp khấu hao đường thẳng. Việc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán

BẢN CÁO BẠCH CTCP SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Việt Nam và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.

| Nhóm tài sản cố định | Số năm khấu hao |
|-----------------------------|------------------------|
| Nhà cửa vật kiến trúc | 05-50 năm |
| Phương tiện vận tải | 05-06 năm |
| Máy móc thiết bị | 03-08 năm |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 03-05 năm |

(Nguồn: CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ)

12.2 Mức lương bình quân

- Lương bình quân năm 2014 của công nhân sản xuất tại nhà máy: 4.000.000 đồng/ tháng
- Lương bình quân năm 2014 của khối hành chính: 6.000.000 đồng/ tháng

12.3 Các khoản nợ phải nộp theo quy định

Công ty luôn thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ. Tính tới thời điểm hiện tại, Công ty không có khoản nợ quá hạn.

Tình hình các khoản phải nộp theo quy định như sau:

(Đơn vị: Nghìn đồng)

| STT | Chỉ tiêu | Tại 31/12/2013 | Tại 31/12/2014 |
|------------|--|-----------------------|-----------------------|
| 1 | Thuế giá trị gia tăng | - | 835.231 |
| 2 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 506.662 | 2.558.340 |
| 1 | Thuế thu nhập cá nhân | 1.416 | 1.139 |
| 2 | Các khoản phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác | 651.546 | |
| | Tổng cộng | 1.159.624 | 3.394.710 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 của Công ty)

12.4 Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm do ĐHĐCĐ quyết định.

BẢN CÁO BẠCH CTCP SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Đơn vị: nghìn đồng

| STT | Chỉ tiêu | Tại 31/12/2013 | Tại 31/12/2014 |
|-----|------------------------|----------------|----------------|
| 1 | Quỹ đầu tư phát triển | - | - |
| 2 | Quỹ dự phòng tài chính | - | - |

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 của Công ty)

Năm 2012 và năm 2013, công ty vẫn còn lỗ lũy kế nên chưa thực hiện trích lập các quỹ. Năm 2014, lợi nhuận trong năm đã bù được lỗ lũy kế các năm trước nhưng lãi chưa lớn nên Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đã thông qua việc chuyển toàn bộ lợi nhuận vào lợi nhuận chưa phân phối.

12.5 Dư nợ vay

Tình hình nợ vay của công ty như sau:

(Đơn vị: Nghìn đồng)

| STT | Chỉ tiêu | Tại 31/12/2013 | Tại 31/12/2014 |
|-----|--------------------|--------------------|--------------------|
| 1 | Vay và nợ ngắn hạn | 209.502.822 | 213.397.938 |
| 2 | Vay và nợ dài hạn | 28.930.866 | 34.942.666 |
| | Tổng cộng | 238.433.688 | 248.340.604 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 của Công ty)

Một số khoản vay lớn tại thời điểm 31/12/2014 như sau:

| STT | Ngân hàng cho vay | Dư nợ tại 31/12/2014 | Lãi suất |
|-----------|-----------------------|----------------------|----------|
| I | Vay ngắn hạn | 213.397.938 | |
| 1 | Ngân hàng NN & PTNN | 85.000.000 | 7%-8% |
| 2 | Ngân hàng ACB | 8.422.000 | 7,5%-10% |
| 3 | Ngân hàng Bản Việt | 9.993.000 | 9,50% |
| 4 | Ngân hàng Vietcombank | 109.982.938 | 7% - 8% |
| II | Vay dài hạn | 34.942.666 | |
| 1 | Ngân hàng NN & PTNN | 22.579.240 | 15% |
| 2 | Ngân hàng Eximbank | 7.296.000 | 10% |
| 3 | Thuê tài chính | 5.067.426 | |

BẢN CÁO BẠCH CTCP SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VÍ

12.6 Tình hình công nợ hiện tại

- Tình hình các khoản phải thu

(Đơn vị: Nghìn đồng)

| STT | Chỉ tiêu | Tại 31/12/2013 | Tại 31/12/2014 |
|-----|-------------------------|-------------------|-------------------|
| 1 | Phải thu khách hàng | 20.268.799 | 30.337.191 |
| 2 | Trả trước người bán | 5.370.067 | 14.995.439 |
| 3 | Các khoản phải thu khác | 36.455.577 | 455.566 |
| | Tổng cộng | 62.094.443 | 45.788.196 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 của Công ty)

Một số khoản phải thu khách hàng lớn tại thời điểm 31/12/2014 như sau:

(Đơn vị: đồng)

| TÊN KHÁCH HÀNG | Dư Nợ 31/12/14 | Dư Nợ 28/02/15 | Thời hạn thanh toán |
|--|-----------------------|----------------------|---------------------|
| Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Chế Tạo Cơ Khí Hoàng Lâm | 2.069.940.950 | - | |
| Công Ty Cổ Phần Huy Thành Đạt | 752.313.250 | 537.968.090 | 15/3/2015 |
| Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nam Đại Thành | 782.143.462 | - | |
| Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Phước Thắng | 14.096.944.232 | 1.501.765 | 5/3/2015 |
| Công Ty TNHH Sản Xuất - Thương Mại Dịch Vụ Qui Phúc | 1.011.576.701 | - | |
| Công ty TNHH Inox Thành Phát | 1.009.914.800 | 410.431.356 | 15/3/2015 |
| Công Ty Cổ Phần Sản Xuất - Kinh Doanh Toàn Mỹ | 898.274.273 | 1.835.327.273 | 31/3/2015 |
| Công Ty TNHH Đầu Tư Duy Phương | 3.247.211.507 | 3.004.218.749 | 31/3/2015 |
| Tổng cộng | 23.868.319.175 | 5.789.447.233 | |

Tất cả các khách hàng này đều là đối tác truyền thống của doanh nghiệp nên khoản phải thu đều sẽ được thu hồi khi đến hạn hoặc được xem xét gia hạn. Công ty không có nợ khó đòi.

BẢN CÁO BẠCH CTCP SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Khoản phải thu khác tại 31/12/2013 giá trị 36 tỷ đồng là khoản phải thu của ông Đỗ Hùng. Năm 2013, trong bối cảnh kinh tế khó khăn lãi suất cho vay của các ngân hàng cao hơn kế hoạch tài chính của công ty đề ra. Để đảm bảo kế hoạch tài chính của công ty, Ông Đỗ Hùng chịu trách nhiệm cá nhân với các khoản vay có lãi suất cao hơn so với kế hoạch tài chính của công ty để hỗ trợ cùng công ty trong giai đoạn kinh tế khó khăn. Trong năm 2014, Công ty đã thu được toàn bộ khoản hỗ trợ này.

- Tình hình các khoản phải trả

(Đơn vị: Nghìn đồng)

| STT | Chỉ tiêu | Tại 31/12/2013 | Tại 31/12/2014 |
|-----|-------------------------------------|------------------|------------------|
| 1 | Phải trả người bán | 2.752.109 | 1.894.243 |
| 2 | Người mua trả tiền trước | 212.755 | 990.761 |
| 3 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 1.159.624 | 3.394.710 |
| 4 | Phải trả người lao động | 1.359.217 | 1.452.831 |
| 5 | Chi phí phải trả | - | 345.950 |
| 6 | Các khoản phải trả, phải nộp khác | 2.057.999 | - |
| | Tổng cộng | 7.541.704 | 8.078.495 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 của Công ty)

- Tình hình các khoản đầu tư tài chính

(Đơn vị: Nghìn đồng)

| STT | Chỉ tiêu | Tại 31/12/2013 | Tại 31/12/2014 |
|-----|---------------------------|----------------|----------------|
| 1 | Đầu tư tài chính ngắn hạn | - | - |
| 2 | Đầu tư tài chính dài hạn | - | - |
| | Tổng cộng | - | - |

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 của Công ty)

12.7 Hàng tồn kho

(Đơn vị: Nghìn đồng)

| STT | Chỉ tiêu | Tại 31/12/2013 | Tại 31/12/2014 |
|-----|-------------------------------------|--------------------|--------------------|
| 1 | Nguyên vật liệu | 18.271.446 | 33.681.892 |
| 2 | Công cụ, dụng cụ | 12.362.014 | 8.378.668 |
| 3 | Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 10.041.648 | 10.170.107 |
| 4 | Thành phẩm | 50.685.013 | 74.811.411 |
| 5 | Hàng hóa | 37.505.399 | 42.593.468 |
| | Tổng cộng | 128.865.520 | 169.635.546 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 của Công ty)

Biến động giá Nickel có ảnh hưởng lớn tới chi phí giá vốn của công ty. Vì thế, Kim Vĩ có bộ phận theo dõi và nghiên cứu diễn biến giá Nickel phục vụ cho công tác dự trữ nguyên liệu của công ty. Cuối năm 2013, dự báo trước tình hình giá Nickel tăng mạnh, công ty đã tích trữ tại kho một lượng lớn nguyên vật liệu và các thành phẩm vào đầu năm 2014. Kết quả, trong năm 2014, Giá nickel liên tục tăng mạnh trong năm đã giúp Kim Vĩ được hưởng lợi, giúp tỷ suất lợi nhuận của công ty theo đó được cải thiện đáng kể.

Sang tới năm 2015, Tập đoàn khai khoáng nikel lớn thứ hai thế giới Vale SA cho biết lệnh cấm xuất khẩu quặng của Indonesia có hiệu lực kể từ tháng 1/2014 sẽ không có khả năng được nới lỏng và giá niken sẽ tăng lên đáng kể trong năm 2015. Vì thế, cuối năm 2014, công ty tận dụng những thời điểm giá Nickel giảm để nhập thêm nguyên liệu phục vụ cho kỳ sản xuất 2015. Thêm vào đó, cuối năm 2014, công ty cũng nhập thêm một số máy móc để tăng công suất, do đó, nhu cầu nguyên vật liệu cũng tăng lên khiến tồn kho cuối năm 2014 tăng 32% so với 2013.

13. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 |
|---------------------------------|----------|----------|
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: | 0,90 | 1,03 |
| + Hệ số thanh toán nhanh: | 0,31 | 0,26 |
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | |

BẢN CÁO BẠCH CTCP SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

| | | |
|---|-------|--------|
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0,85 | 0,61 |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 5,74 | 1,55 |
| + Vòng quay hàng tồn kho: | 2,88 | 2,00 |
| + Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân | 1,36 | 1,02 |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 0,41% | 6,16% |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | 5,49% | 21,46% |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân | 0,56% | 6,29% |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 0,79% | 6,61% |

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 của Công ty)

14. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

14.1 Hội đồng quản trị

Bảng số 14 Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|------------------|------------------------------|
| 1 | Đỗ Hùng | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| 2 | Đỗ Hòa | Thành viên Hội đồng quản trị |
| 3 | Đỗ Thị Thu Trang | Thành viên Hội đồng quản trị |
| 4 | Lưu Xuân | Thành viên Hội đồng quản trị |
| 5 | Lê Trần Vũ Đạt | Thành viên Hội đồng quản trị |

(Nguồn: CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ)

Sơ yếu lý lịch

a. Ông Đỗ Hùng – Chủ tịch Hội đồng quản trị

| | | |
|----------------------|---|----------------|
| Ông | : | ĐỖ HÙNG |
| Giới tính | : | Nam |
| Ngày tháng năm sinh: | : | 08/02/1968 |

BẢN CÁO BẠCH CTCP SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

| | | |
|---|---|---|
| Nơi sinh | : | Nha Trang |
| Số CMND | : | 023626255 cấp ngày 19/9/2014 tại CA TP. Hồ Chí Minh |
| Quốc tịch | : | Việt Nam |
| Dân tộc | : | Kinh |
| Địa chỉ thường trú | : | Số 456/66 Cao Thắng – Phường 12 – Quận 10 – TP. Hồ Chí Minh |
| Điện thoại | : | 08. 37979009 |
| Trình độ chuyên môn | : | Cử nhân kinh tế |
| Quá trình công tác | : | |
| - Từ năm 2000 tới năm 2008 | : | Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Kim Vĩ |
| - Từ 2009 tới nay | : | Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ |
| Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty | : | Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | : | Không có |
| Số lượng cổ phần nắm giữ | : | 2.200.000 Cổ phần chiếm 13,3% vốn điều lệ |
| Trong đó: | | |
| Sở hữu cá nhân | : | 2.200.000 Cổ phần chiếm 13,3% vốn điều lệ |
| Sở đại diện | : | 0 |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty | : | Không |
| Thù lao và các khoản lợi ích khác | : | Không |

BẢN CÁO BẠCH CTCP SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

| | | |
|---|---|---|
| Lợi ích liên quan đối với Công ty | : | Không |
| Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu | : | |
| Tên người có liên quan | : | Đỗ Hòa |
| Mối quan hệ | : | Em |
| Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ | : | 800.000 Cổ phần chiếm 4,8 % vốn điều lệ |
| Tên người có liên quan | : | Đỗ Thị Thu Trang |
| Mối quan hệ | : | Em |
| Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ | : | 400.000 Cổ phần chiếm 2,4% vốn điều lệ |
| Tên người có liên quan | : | Lê Thị Hồng Hạnh |
| Mối quan hệ | : | Vợ |
| Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ | : | 1.000.000 Cổ phần chiếm 6,06% vốn điều lệ |

b. Ông Đỗ Hòa – Thành viên Hội đồng quản trị

| | | |
|----------------------|---|---|
| Ông | : | ĐỖ HÒA |
| Giới tính | : | Nam |
| Ngày tháng năm sinh: | : | 01/10/1972 |
| Nơi sinh | : | Khánh Hòa |
| Số CMND | : | 024031574 cấp ngày 30/1/2008 tại CA TP. Hồ Chí Minh |
| Quốc tịch | : | Việt Nam |
| Dân tộc | : | Kinh |
| Địa chỉ thường trú | : | Số 22/48 Cư xá Lữ Gia – Phường 15 – Quận 11 – TP. Hồ Chí Minh |

BẢN CÁO BẠCH CTCP SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

| | | |
|---|---|---|
| Điện thoại | : | 08. 37979009 |
| Trình độ chuyên môn | : | Cử nhân kinh tế |
| Quá trình công tác | : | |
| - Từ năm 2000 tới 2008 | : | Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH Kim Vĩ |
| - Từ năm 2009 tới nay | : | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | : | Không có |
| Số lượng cổ phần nắm giữ | : | 800.000 Cổ phần chiếm 4,8 % vốn điều lệ |
| Trong đó: | | |
| Sở hữu cá nhân | : | 800.000 Cổ phần chiếm 4,8 % vốn điều lệ |
| Sở đại diện | : | 0 |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty | : | Không |
| Thù lao và các khoản lợi ích khác | : | Không |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty | : | Không |
| Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu | : | |
| Tên người có liên quan | : | Đỗ Hùng |
| Mối quan hệ | : | Anh |
| Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ | : | 2.200.000 Cổ phần chiếm 13,3 % vốn điều lệ |
| Tên người có liên quan | : | Đỗ Thị Thu Trang |
| Mối quan hệ | : | Em |

BẢN CÁO BẠCH CTCP SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

| | | |
|---|---|---|
| Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ | : | 400.000 Cổ phần chiếm 2,4 % vốn điều lệ |
| Tên người có liên quan | : | Nguyễn Lê Trâm Thu |
| Mối quan hệ | : | Vợ |
| Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ | : | 1.000 Cổ phần chiếm 0,01% vốn điều lệ |

c. Bà Đỗ Thị Thu Trang – Thành viên Hội đồng quản trị

| | | |
|---|---|--|
| Bà | : | ĐỖ THỊ THU TRANG |
| Giới tính | : | Nữ |
| Ngày tháng năm sinh: | : | 25/12/1976 |
| Nơi sinh | : | Khánh Hòa |
| Số CMND | : | 025469530 cấp ngày 04/04/2011 tại CA TP. Hồ Chí Minh |
| Quốc tịch | : | Việt Nam |
| Dân tộc | : | Kinh |
| Địa chỉ thường trú | : | Số 46 Bàu Cát 1- Phường 14 – Quận.Tân Bình – TP. Hồ Chí Minh |
| Điện thoại | : | 08. 37979009 |
| Trình độ chuyên môn | : | Cử nhân kinh tế |
| Quá trình công tác | : | |
| - Từ năm 2000 tới năm 2008 | : | Nhân viên phòng XNK Công ty TNHH Kim Vĩ |
| - Từ 2009 tới nay | : | Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ |
| Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty | : | Thành viên Hội đồng quản trị |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | : | Không có |

BẢN CÁO BẠCH CTCP SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

| | | |
|---|---|---|
| Số lượng cổ phần nắm giữ | : | 400.000 Cổ phần chiếm 2,4% vốn điều lệ |
| Trong đó: | | |
| Sở hữu cá nhân | : | 400.000 Cổ phần chiếm 2,4% vốn điều lệ |
| Sở đại diện | : | 0 |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty | : | Không |
| Thù lao và các khoản lợi ích khác | : | Không |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty | : | Không |
| Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu | : | |
| Tên người có liên quan | : | Đỗ Hùng |
| Mối quan hệ | : | Anh |
| Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ | : | 2.200.000 Cổ phần chiếm 13,3% vốn điều lệ |
| Tên người có liên quan | : | Đỗ Hòa |
| Mối quan hệ | : | Anh |
| Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ | : | 800.000 Cổ phần chiếm 4,8% vốn điều lệ |
| Tên người có liên quan | : | Võ Đình Phú |
| Mối quan hệ | : | Chồng |
| Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ | : | 16.000 Cổ phần chiếm 0,097% vốn điều lệ |

d. Ông Lưu Xuân – Thành viên Hội đồng quản trị

| | | |
|------------|---|-----------------|
| Ông | : | LƯU XUÂN |
|------------|---|-----------------|

BẢN CÁO BẠCH CTCP SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

| | | |
|---|---|--|
| Giới tính | : | Nam |
| Ngày tháng năm sinh: | : | 27/01/1765 |
| Nơi sinh | : | TP. Hồ Chí Minh |
| Số CMND | : | 022637175 cấp ngày 08/12/2012 tại CA TP. Hồ Chí Minh |
| Quốc tịch | : | Việt Nam |
| Dân tộc | : | Kinh |
| Địa chỉ thường trú | : | Số 31 Lương Minh Nguyệt, Tân Thới Hòa, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh |
| Điện thoại | : | 08. 37979009 |
| Trình độ chuyên môn | : | Cử nhân kinh tế |
| Quá trình công tác | : | |
| - Từ năm 1991 tới năm 1992 | : | Hướng dẫn viên Công ty du lịch Festival |
| - Từ năm 1999 tới năm 2000 | : | Phiên dịch viên Công ty nông lâm Đài Loan |
| - Từ năm 2000 tới năm 2002 | : | Phiên dịch viên Công ty Wei Chien Đài Loan |
| - Từ năm 2002 tới năm 2006 | : | Trưởng phòng kinh doanh Công ty Tân Hoa Thịnh |
| - Từ năm 2007 tới năm 2014 | : | Phó phòng Xuất nhập khẩu Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ |
| - Từ 2015 tới nay | : | Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ |
| Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty | : | Thành viên Hội đồng quản trị |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | : | Không có |
| Số lượng cổ phần nắm giữ | : | 5.000 Cổ phần chiếm 0,03% vốn điều lệ |
| Trong đó: | | |
| Sở hữu cá nhân | : | 5.000 Cổ phần chiếm 0,03% vốn điều lệ |

BẢN CÁO BẠCH CTCP SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

| | | |
|-------------------------------------|---|----------|
| Sở đại diện | : | 0 |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty | : | Không |
| Thù lao và các khoản lợi ích khác | : | Không |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty | : | Không |
| Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu | : | Không có |

e. Ông Lê Trần Vũ Đạt – Thành viên Hội đồng quản trị

| | | |
|----------------------------------|---|--|
| Ông | : | LÊ TRẦN VŨ ĐẠT |
| Giới tính | : | Nam |
| Ngày tháng năm sinh: | : | 23/05/1978 |
| Nơi sinh | : | Xuân Đông, Diên Xuân, Diên Khánh, Khánh Hòa |
| Số CMND | : | 225046228 cấp ngày 12/04/2012 CA.Khánh Hòa |
| Quốc tịch | : | Việt Nam |
| Dân tộc | : | Kinh |
| Địa chỉ thường trú | : | Xuân Đông, Diên Xuân, Diên Khánh, Khánh Hòa |
| Điện thoại | : | 08. 37979009 |
| Trình độ chuyên môn | : | Cử nhân kinh tế |
| Quá trình công tác | : | |
| - Từ năm 2000 tới năm 2014 | : | Nhân viên chuyển ngân Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ |
| - Từ năm 2015 tới nay | : | Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ |
| Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty | : | Thành viên Hội đồng quản trị |

BẢN CÁO BẠCH CTCP SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

| | | |
|---|---|---------------------------------------|
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | : | Không có |
| Số lượng cổ phần nắm giữ | : | 100 Cổ phần chiếm 0,0006% vốn điều lệ |
| Trong đó: | | |
| Sở hữu cá nhân | : | 100 Cổ phần chiếm 0,0006% vốn điều lệ |
| Sở đại diện | : | 0 |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty | : | Không |
| Thù lao và các khoản lợi ích khác | : | Không |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty | : | Không |
| Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu | : | Không có |

14.2 Ban kiểm soát

Bảng số 15 Danh sách thành viên Ban kiểm soát

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|----------------------|--------------------------|
| 1 | Nguyễn Thị Kim Chi | Trưởng Ban kiểm soát |
| 2 | Nguyễn Đài Trang | Thành viên Ban kiểm soát |
| 3 | Nguyễn Tăng Minh Đức | Thành viên Ban kiểm soát |

(nguồn: CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ)

Sơ yếu lý lịch

a. Bà Nguyễn Thị Kim Chi – Trưởng ban kiểm soát

| | | |
|----------------------|---|--|
| Bà | : | NGUYỄN THỊ KIM CHI |
| Giới tính | : | Nữ |
| Ngày tháng năm sinh: | : | 28/07/1977 |
| Nơi sinh | : | Thừa Thiên Huế |
| Số CMND | : | 025181095 cấp ngày 26/08/2009 tại CA TP. Hồ Chí Minh |
| Quốc tịch | : | Việt Nam |

BẢN CÁO BẠCH CTCP SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

| | | |
|---|---|---|
| Dân tộc | : | Kinh |
| Địa chỉ thường trú | : | Số 45/59/6 Khu phố 3 - TCH 25 - Phường Tân Chánh Hiệp – Quận 12 – TP. Hồ Chí Minh |
| Điện thoại | : | 08. 37979009 |
| Trình độ chuyên môn | : | Cử nhân kinh tế |
| Quá trình công tác | : | |
| - Từ năm 2000 – 2006 | : | Nhân viên kế toán Công ty TNHH Kim Vĩ |
| - Từ năm 2007 – 2008 | : | Kế toán trưởng Công ty TNHH Kim Vĩ |
| - Từ năm 2008 – 2011 | : | Kế toán trưởng Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ |
| - Từ năm 2012 - nay | : | Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ |
| Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty | : | Trưởng ban kiểm soát |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | : | Không có |
| Số lượng cổ phần nắm giữ | : | 10.000 Cổ phần chiếm 0,06% vốn điều lệ |
| Trong đó: | | |
| Sở hữu cá nhân | : | 10.000 Cổ phần chiếm 0,06% vốn điều lệ |
| Sở đại diện | : | 0 |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty | : | Không |
| Thù lao và các khoản lợi ích khác | : | Không |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty | : | Không |
| Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu | : | Không có |

b. Bà Nguyễn Đài Trang – Thành viên Ban kiểm soát

| | | |
|-----------|---|-------------------------|
| Bà | : | NGUYỄN ĐÀI TRANG |
| Giới tính | : | Nữ |

BẢN CÁO BẠCH CTCP SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

| | | |
|---|---|--|
| Ngày tháng năm sinh: | : | 21/03/1978 |
| Nơi sinh | : | TP. Hồ Chí Minh |
| Số CMND | : | 023464570 cấp ngày 14/01/2010 tại CA TP. Hồ Chí Minh |
| Quốc tịch | : | Việt Nam |
| Dân tộc | : | Kinh |
| Địa chỉ thường trú | : | Số 468/32/3 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh |
| Điện thoại | : | 08. 37979009 |
| Trình độ chuyên môn | : | Trung cấp kinh tế |
| Quá trình công tác | : | |
| - Từ năm 2007 - 2014 | : | Nhân viên kinh doanh Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ |
| - Từ năm 2013 – nay | : | Kế toán viên Công ty TNHH Công nghệ Kim Long |
| - Từ 2009 tới nay | : | Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ |
| Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty | : | Thành viên ban kiểm soát |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | : | Kế toán viên Công ty TNHH Công nghệ Kim Long |
| Số lượng cổ phần nắm giữ | : | 1.000 Cổ phần chiếm 0,006% vốn điều lệ |
| Trong đó: | | |
| Sở hữu cá nhân | : | 1.000 Cổ phần chiếm 0,006% vốn điều lệ |
| Sở đại diện | : | 0 |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty | : | Không |
| Thù lao và các khoản lợi ích khác | : | Không |

BẢN CÁO BẠCH CTCP SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

| | | |
|---|---|--|
| Lợi ích liên quan đối với Công ty | : | Không |
| Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu | : | |
| Tên người có liên quan | : | Nguyễn Tăng Minh Đức |
| Mối quan hệ | : | Chồng |
| Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ | : | 1.000 Cổ phần chiếm 0,006% vốn điều lệ |

c. Ông Nguyễn Tăng Minh Đức – Thành viên Ban kiểm soát

| | | |
|----------------------|---|--|
| Ông | : | NGUYỄN TĂNG MINH ĐỨC |
| Giới tính | : | Nam |
| Ngày tháng năm sinh: | : | 19/02/1975 |
| Nơi sinh | : | Thừa Thiên Huế |
| Số CMND | : | 024474821 cấp ngày 07/12/2005 tại CA TP. Hồ Chí Minh |
| Quốc tịch | : | Việt Nam |
| Dân tộc | : | Kinh |
| Địa chỉ thường trú | : | Số 468/32/3 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh |
| Điện thoại | : | 08. 37979009 |
| Trình độ chuyên môn | : | Cử nhân kinh tế |
| Quá trình công tác | : | |
| - Từ năm 2001 - 2009 | : | Chuyển ngân Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ |
| - Từ 2009 tới nay | : | Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ |

BẢN CÁO BẠCH CTCP SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

| | | |
|---|---|--|
| Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty | : | Thành viên ban kiểm soát |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | : | Không có |
| Số lượng cổ phần nắm giữ Trong đó: Sở hữu cá nhân | : | 1.000 Cổ phần chiếm 0,006% vốn điều lệ 1.000 Cổ phần chiếm 0,006% vốn điều lệ |
| Sở đại diện | : | 0 |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty | : | Không |
| Thù lao và các khoản lợi ích khác | : | Không |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty | : | Không |
| Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu | : | |
| Tên người có liên quan | : | Nguyễn Đài Trang |
| Mối quan hệ | : | Vợ |
| Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ | : | 1.000 Cổ phần chiếm 0,006% vốn điều lệ |

14.3 Ban giám đốc

Danh sách thành viên Ban giám đốc

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|------------------|-------------------|
| 1 | Đỗ Hùng | Tổng giám đốc |
| 2 | Đỗ Hòa | Phó Tổng giám đốc |
| 3 | Lê Thị Hồng Hạnh | Phó Tổng giám đốc |

(nguồn: CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ)

Sơ yếu lý lịch

- a. Sơ yếu lý lịch của Ông Đỗ Hùng được trình bày chi tiết tại mục Ông Đỗ Hùng – Chủ tịch Hội đồng quản trị

b. Sơ yếu lý lịch của Ông Đỗ Hòa được trình bày chi tiết tại mục Ông Đỗ Hòa – Thành viên Hội đồng quản trị

c. Bà Lê Thị Hồng Hạnh – Phó Tổng giám đốc

| | | |
|---|----------|---|
| Bà | : | LÊ THỊ HỒNG HẠNH |
| Giới tính | : | Nữ |
| Ngày tháng năm sinh: | : | 18/07/1978 |
| Nơi sinh | : | TP. Hồ Chí Minh |
| Số CMND | : | 023240334 cấp ngày 21/02/2014 tại CA Hồ Chí Minh |
| Quốc tịch | : | Việt Nam |
| Dân tộc | : | Kinh |
| Địa chỉ thường trú | : | Số 456/66 Cao Thắng – Phường 12 – Quận 10 – TP. Hồ Chí Minh |
| Trình độ văn hóa | : | Thạc sỹ kinh tế |
| Quá trình công tác | : | |
| - Từ năm 2002 tới năm 2010 | : | Giảng viên trường Cao đẳng Kinh tế |
| - Từ năm 2011 tới năm nay | : | Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ |
| Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty | : | Phó Tổng giám đốc |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | : | Không có |
| Số lượng cổ phần nắm giữ | : | 1.000.000 Cổ phần chiếm 6,06 % vốn điều lệ |
| Trong đó: | | |
| Sở hữu cá nhân | : | 1.000.000 Cổ phần chiếm 6,06 % vốn điều lệ |
| Sở đại diện | : | 0 |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : | Không |

BẢN CÁO BẠCH CTCP SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

| | | |
|---|---|---|
| Các khoản nợ đối với Công ty | : | Không |
| Thù lao và các khoản lợi ích khác | : | Không |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty | : | Không |
| Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu | : | |
| Tên người có liên quan | : | Lê Lam |
| Mối quan hệ | : | Cha |
| Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ | : | 400.000 Cổ phần chiếm 2,42% vốn điều lệ |
| Tên người có liên quan | : | Trần Thị Quỳnh Anh |
| Mối quan hệ | : | Mẹ |
| Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ | : | 380.000 Cổ phần chiếm 2,3% vốn điều lệ |
| Tên người có liên quan | : | Lê Thị Hồng Quý |
| Mối quan hệ | : | Chị |
| Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ | : | 200.000 Cổ phần chiếm 1,21% vốn điều lệ |
| Tên người có liên quan | : | Đỗ Hùng |
| Mối quan hệ | : | Chồng |
| Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ | : | 2.200.000 Cổ phần chiếm 13,3% vốn điều lệ |

14.4 Kế toán trưởng

| | | |
|----------------------|---|-------------------------|
| Ông | : | TRẦN TRUNG NGHĨA |
| Giới tính | : | Nam |
| Ngày tháng năm sinh: | : | 07/10/1984 |

BẢN CÁO BẠCH CTCP SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

| | | |
|---|---|---|
| Nơi sinh | : | Trà Bá – TP Plei ku – Gia Lai |
| Số CMND | : | 230610578 cấp ngày 01/10/2014 tại CA Gia Lai |
| Quốc tịch | : | Việt Nam |
| Dân tộc | : | Kinh |
| Địa chỉ thường trú | : | Trà Bá – TP Plei ku – Gia Lai |
| Trình độ văn hóa | : | 08. 37979009 |
| Trình độ chuyên môn | : | Cử nhân kinh tế |
| Quá trình công tác | : | |
| - Từ năm 2005 tới năm 2007 | : | Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Thịnh Minh Tiến |
| - Từ năm 2007 tới năm 2009 | : | Trưởng phòng tư vấn Tài chính – Kế toán Công ty cổ phần Tư Vấn Gia Long |
| - Từ năm 2009 tới tháng 9/2010 | : | Kế toán trưởng Hợp tác xã Vận Tài Và Xếp Dỡ Đại Thành |
| - Từ 10/2010 tới tháng 10/ 2011 | : | Phó phòng Kế toán Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ |
| - Từ năm 2011 tới năm nay | : | Kế toán trưởng Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ |
| - | : | |
| Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty | : | Kế toán trưởng |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | : | Không có |
| Số lượng cổ phần nắm giữ | : | 10.000 Cổ phần chiếm 0,06% vốn điều lệ |
| Trong đó: | : | |
| Sở hữu cá nhân | : | 10.000 Cổ phần chiếm 0,06% vốn điều lệ |
| Sở đại diện | : | 0 |

BẢN CÁO BẠCH CTCP SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

| | | |
|-------------------------------------|---|-------|
| Hành vi vi phạm pháp luật | : | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty | : | Không |
| Thù lao và các khoản lợi ích khác | : | Không |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty | : | Không |
| Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu | : | Không |

15. Tài sản**Một số tài sản chính của công ty tại thời điểm 31/12/2014***Đơn vị tính: nghìn đồng*

| Khoản mục | Nguyên giá | Hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|---------------------------------|-------------------|-----------------------|------------------------|
| Tài sản cố định hữu hình | 162.087.854 | (54.023.216) | 108.064.638 |
| Tài sản cố định thuê tài chính | 9.559.286 | (766.010) | 8.793.276 |
| Tài sản cố định vô hình | 45.808.473 | (579.720) | 45.228.753 |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | - | - | 28.205.597 |
| Tài sản cố định | | | 190.292.265 |

Chi tiết đất đai mà doanh nghiệp đang quản lý: doanh nghiệp hiện đang sử dụng 01 khu đất chi tiết như sau:

- Vị trí: số 117, đường Võ Văn Bích, Ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh,
- Diện tích: 18.943,4 m² đất cơ sở sản xuất kinh doanh
- Thời gian sử dụng: 18/04/2056

Chi tiết chi phí xây dựng dở dang tại 31/12/2014

Đơn vị tính: nghìn đồng

| STT | Khoản mục | Tại 31/12/2014 | Chi tiết |
|------------|-------------------------|-----------------------|---|
| 1 | Xây dựng cơ bản dở dang | 12.355.597 | Là chi phí xây dựng nhà xưởng, chi phí mua máy cán lạnh đảo chiều 04 trục nhưng đang trong giai đoạn lắp đặt và |

BẢN CÁO BẠCH CTCP SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

| | | | |
|---|-----------------------|-------------------|--|
| | | | chi phí bảo trì một số máy móc lớn. |
| 2 | Lò ủ, máy xả băng thô | 15.850.000 | Là các tài sản góp vốn trong năm 2014, đang trong giai đoạn nâng cấp, lắp đặt để đưa vào hoạt động |
| | Tổng cộng | 28.205.597 | |

16. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức từ 2015 – 2016

(Đơn vị: Nghìn đồng)

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2014 | Năm 2015 | | Năm 2016 | |
|-----|------------------------------------|-------------|-------------|---------------------------|-------------|---------------------------|
| | | | Giá trị | % tăng (giảm) so với 2014 | Giá trị | % tăng (giảm) so với 2015 |
| 1 | Doanh thu thuần | 362.746.814 | 470.588.000 | 29,73% | 561.405.000 | 19,30% |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | 22.336.940 | 28.000.000 | 25,35% | 35.881.134 | 28,15% |
| 3 | Vốn điều lệ | 165.000.000 | 165.000.000 | 0,00% | 165.000.000 | 0,00% |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 6,16% | 5,95% | | 6,39% | |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ | 13,54% | 16,97% | | 21,75% | |
| 6 | EPS cơ bản (đồng/CP) | 2.945 | 1.697 | | 2.175 | |
| 7 | Tỷ lệ cổ tức (%) | - | 10% | Na | 10% | |

(nguồn: CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ)

So với kết quả kinh doanh năm 2014, kế hoạch kinh doanh đặt ra cho năm 2015 và 2016 của Công ty có sự tăng trưởng cả về Doanh thu và Lợi nhuận. Đặc biệt, Lợi nhuận các năm 2015 và 2016 dự kiến đạt được hoàn toàn từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty

là sản xuất và thương mại thép không gỉ Inox .

Doanh thu dự kiến 2015 tăng 29,7% so với 2014 do sản lượng hàng hóa sản xuất kinh doanh tăng ở tất cả các lĩnh vực của Công ty. Tổng sản lượng sản phẩm của Công ty năm 2015 dự kiến tăng 27,8% so với 2014 dựa trên một số cơ sở như sau:

- Công suất được mở rộng: Cuối năm 2014, Công ty đã bắt đầu thực hiện đầu tư máy cán công suất 7.000 tấn/ năm tăng sản lượng thép không gỉ cán nguội cung ứng ra thị trường. Dự án máy móc thiết bị đã được nhập về và hoàn tất công tác lắp đặt trong tháng 12/2014. Dự kiến dây chuyền sẽ chính thức vận hành đầu quý 2/2015. Sản phẩm chính mà máy cán mới cho ra thị trường là thép không gỉ dạng cuộn chủng loại 201/304/430. Trong đó, Inox 304 là loại Inox có hàm lượng Carbon thấp và được ưa chuộng nhất hiện nay trên thế giới. Inox 304 chiếm đến 50% lượng thép không gỉ được sản xuất trên toàn cầu.
- Cuối năm 2014, công ty đã đầu tư thêm 07 máy sản xuất ống với tổng công suất là 1.800 tấn/năm.

Tiếp nối đà tăng trưởng 2015, Doanh thu 2016 dự kiến tăng 19,3% so với 2015 với tổng sản lượng tăng 2,45 triệu kg cho các mảng thương mại, sản xuất cuộn và sản xuất ống.

Tốc độ tăng cụ thể cho từng lĩnh vực như sau:

(Đơn vị: Kg)

| Sản lượng | Năm 2014 | Năm 2015 | | Năm 2016 | |
|-----------------------|------------------|-------------------|--------------|-------------------|--------------|
| | | Sản lượng | % tăng/giảm | Sản lượng | % tăng/giảm |
| Kinh doanh thương mại | 252.681 | 360.000 | 42,5% | 430.000 | 19,4% |
| Sản xuất cuộn | 4.491.156 | 5.600.000 | 24,7% | 6.700.000 | 19,6% |
| Sản xuất ống | 5.175.722 | 6.720.000 | 29,8% | 8.000.000 | 19,0% |
| Tổng sản lượng | 9.919.559 | 12.680.000 | 27,8% | 15.130.000 | 19,3% |

(Nguồn: CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ)

Bên cạnh đó, quy mô vốn tăng vào cuối năm 2014 giúp Công ty giảm bớt sự phụ thuộc vào vốn vay, chi phí lãi vay giảm cùng với biên lợi nhuận gộp tăng kéo tổng chi phí cho sản xuất kinh doanh của Công ty giảm và làm tăng lợi nhuận. Như vậy, có thể thấy sự gia tăng về sản lượng hàng hóa cùng chi phí sản xuất giảm là nguyên nhân chính đem lại tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, các chỉ tiêu này được lên kế hoạch thận trọng dựa trên những căn cứ phù hợp về kinh tế, thị trường và mang tính khả thi cao.

BẢN CÁO BẠCH CTCP SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Kế hoạch Doanh thu năm 2015 và 2016 của Công ty được xây dựng chi tiết với từng mảng hoạt động cụ thể như sau:

| Hoạt động | Năm 2015 | | Năm 2016 | |
|-----------------------|-------------------|------------------------|-------------------|------------------------|
| | Sản lượng (Kg) | Doanh thu (Nghìn đồng) | Sản lượng (Kg) | Doanh thu (Nghìn đồng) |
| Kinh doanh thương mại | 360.000 | 12.060.000 | 430.000 | 14.405.000 |
| Sản xuất cuộn | 5.600.000 | 190.400.000 | 6.700.000 | 227.800.000 |
| Sản xuất ống | 6.720.000 | 268.128.000 | 8.000.000 | 319.200.000 |
| Tổng | 12.680.000 | 470.588.000 | 15.130.000 | 561.405.000 |

(Nguồn: CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ)

Do giá bán sản phẩm của Kim Vĩ phụ thuộc vào biến động giá nguyên vật liệu cũng như cung – cầu trong nước. Biến động giá nguyên vật liệu thay đổi khá nhiều trong các năm qua. Vì thế, ban lãnh đạo công ty trên quan điểm thận trọng đã xây dựng kế hoạch doanh thu không tính đến yếu tố tăng giá bán sản phẩm.

Lợi nhuận gộp tương ứng với Doanh thu từng mảng hoạt động:

(Đơn vị: Nghìn đồng)

| Hoạt động | Năm 2015 | | Năm 2016 | |
|-----------------------|--------------------|-------------------|--------------------|-------------------|
| | Doanh thu | Lợi nhuận gộp | Doanh thu | Lợi nhuận gộp |
| Kinh doanh thương mại | 12.060.000 | 1.206.000 | 14.405.000 | 1.440.500 |
| Sản xuất cuộn | 190.400.000 | 25.704.000 | 227.800.000 | 30.753.000 |
| Sản xuất ống | 268.128.000 | 45.581.760 | 319.200.000 | 54.264.000 |
| Tổng | 470.588.000 | 72.491.760 | 561.405.000 | 86.457.500 |

(Nguồn: CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ)

17. Định hướng phát triển chiến lược của Công ty

Phát huy những lợi thế sẵn có và kinh nghiệm tích lũy qua hơn 20 năm trong lĩnh vực thép không gỉ, Kim Vĩ đã đưa ra chiến lược kinh doanh để củng cố vị thế của mình trong việc sản xuất và phân phối các sản phẩm thép không gỉ, đồng thời nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường, đó là:

- ✚ Mở rộng hệ thống phân phối và giao hàng tại nhiều tỉnh, thành phố;
- ✚ Tăng cường tiềm lực tài chính của Công ty;

✚ Đầu tư xây dựng mở rộng nhà máy sản xuất thép không gỉ để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng trên thị trường;

✚ Tham gia thêm vào chuỗi giá trị ở khâu sản xuất ra sản phẩm cuối cùng, thông qua nghiên cứu đầu tư sản xuất những mặt hàng inox mang lại lợi nhuận cao, thanh khoản tốt.

Bên cạnh chiến lược kinh doanh, Công ty cũng xây dựng chiến lược phát triển nguồn lực con người thông qua chính sách tuyển dụng, đào tạo và chế độ đãi ngộ phù hợp, giúp thu hút nguồn nhân lực chất lượng và gắn kết người lao động với Công ty, tạo động lực cho phát triển bền vững.

18. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.

Là một tổ chức chuyên nghiệp, Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của KVC. Trên cơ sở thông tin thu thập được, sau khi nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của Công ty, chúng tôi cho rằng kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức của KVC dự kiến là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và tính toán chắc chắn của các số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào cổ phiếu của KVC.

19. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, và các thông tin liên quan đến cổ phiếu, trái phiếu...)

Không có

20. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu

3. Mã chứng khoán

Mã chứng khoán: KVC

4. Tổng số chứng khoán niêm yết:

Số lượng cổ phiếu niêm yết: 16.500.000 cổ phiếu

5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành

Theo quy định tại Nghị định 58/2012/NĐ-CP: “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.”

Tổng số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của công ty là **4.427.100 cổ phiếu** – chiếm **26,83%** tổng số cổ phiếu của công ty. Danh sách cụ thể như sau

| STT | Họ và tên | Chức vụ | SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết | SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 6 tháng tiếp theo |
|-----|------------------|--------------------------------|--|--|
| 1 | Đỗ Hùng | Chủ tịch HĐQT Tổng giám đốc | 2.200.000 | 1.100.000 |
| 2 | Đỗ Hòa | Thành viên HĐQT Phó Tổng GD | 800.000 | 400.000 |
| 3 | Đỗ Thị Thu Trang | Thành viên HĐQT | 400.000 | 200.000 |
| 4 | Lê Trần Vũ Đạt | Thành viên HĐQT | 100 | 50 |
| 5 | Lưu Xuân | Thành viên HĐQT | 5.000 | 2.500 |

| | | | | |
|----|----------------------|-------------------|-----------|-----------|
| 6 | Nguyễn Thị Kim Chi | Trưởng BKS | 10.000 | 5.000 |
| 7 | Nguyễn Đài Trang | Thành viên BKS | 1.000 | 500 |
| 8 | Nguyễn Tăng Minh Đức | Thành viên BKS | 1.000 | 500 |
| 9 | Lê Thị Hồng Hạnh | Phó Tổng giám đốc | 1.000.000 | 500.000 |
| 10 | Trần Trung Nghĩa | Kế toán trưởng | 10.000 | 5.000 |
| | Tổng cộng | | 4.427.100 | 2.213.550 |

6. Phương pháp tính giá

6.1 Giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị sổ sách (BVS)} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số cổ phiếu đang lưu hành}}$$


$$\text{Giá trị sổ sách năm 2013} = \frac{42.879.150.922}{6.488.773} = \mathbf{6.608 \text{ đồng/cổ phần}}$$

$$\text{Giá trị sổ sách năm 2014} = \frac{165.328.352.290}{16.500.000.000} = \mathbf{10.020 \text{ đồng/cổ phần.}}$$

6.2 Các phương pháp tính giá

Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu được xác định trên kết quả định giá cổ phiếu theo các phương pháp sau:


- Phương pháp chiết khấu dòng tiền
- Phương pháp thị trường (căn cứ chỉ số P/E, P/B)
- Phương pháp giá trị sổ sách

 Phương pháp chiết khấu dòng tiền:

Phương pháp chiết khấu dòng tiền xác định giá trị của doanh nghiệp dựa trên khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai. Nguyên lý chung của phương pháp chiết khấu dòng tiền là giá trị của doanh nghiệp được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền tự do mà

doanh nghiệp dự kiến thu được trong tương lai về thời điểm hiện tại theo tỷ lệ chiết khấu nhất định.

Lợi ích cổ đông thiểu số và số dư tiền mặt sau khi trừ đi số nợ vay tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp sẽ được cộng lại vào giá trị hiện tại của dòng tiền tự do, giá trị này chia cho số lượng cổ phần tại cùng thời điểm, từ đó xác định được giá trị mỗi cổ phần của doanh nghiệp. Thời điểm xác định giá trị cổ phiếu của Công ty là đầu năm 2015, kỳ dự báo được sử dụng là các năm 2015, 2016 và 2017.

 Phương pháp thị trường (P/E)

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:


$$P = EPS * P/E \text{ bình quân}$$

Để xác định giá trị cổ phiếu theo phương pháp P/E, chúng tôi lựa chọn ra nhóm các doanh nghiệp niêm yết có ngành nghề, hoạt động kinh doanh và quy mô tương tự như Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ, từ đó xác định P/E bình quân của nhóm cổ phiếu này.

Ngoài ra, để so sánh cổ phiếu với mặt bằng chung tất cả các doanh nghiệp đang niêm yết, chúng tôi kết hợp sử dụng P/E trung bình toàn thị trường tại thời điểm tính giá cổ phiếu của Công ty.

Trên cơ sở kết quả chỉ số P/E của nhóm cổ phiếu tương đồng và P/E toàn thị trường, chúng tôi có được mức P/E tham khảo cho cổ phiếu của Công ty.

Kết hợp P/E tham khảo, EPS cơ bản dự kiến năm 2015 của Công ty, chúng tôi xác định được giá trị cổ phiếu theo phương pháp thị trường.

 Phương pháp giá trị sổ sách (Book Value)

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:

$$P = BVS * P/B \text{ bình quân}$$

Trong đó:

P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/B)

BVS: Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu

P/B bình quân là giá chia cho giá trị sổ sách bình quân được tham chiếu từ các Công ty có ngành nghề, hoạt động kinh doanh và quy mô tương tự như Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ đang niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Thành phố HCM/Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ các phương pháp nêu trên, Hội đồng quản trị sẽ quyết định giá ngày giao dịch đầu tiên và báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài (theo quy định của pháp luật về chứng khoán và pháp luật chuyên ngành nếu có)

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không có quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài.

Khi cổ phiếu của Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ được niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quy định hiện hành là 49% theo 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tại thời nộp hồ sơ niêm yết, công ty không có cổ đông nước ngoài.

8. Các loại thuế có liên quan (thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến chứng khoán niêm yết)

Từ 01/01/2014, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế. Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện nghĩa vụ thuế khác như: thuế giá trị gia tăng, thuế sử dụng đất, thuế môn bài...

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

Tổ chức kiểm toán: Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn thuế AAT

✚ Văn phòng tại Hà Nội:

Địa chỉ: Phòng 1501, Nhà 17T5, Khu Đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính - đường Hoàng Đạo Thúy, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: +84-4.22210082 Fax: +84-4.22210084

Website: www.aat.com.vn

✚ Văn phòng tại TP. HCM:

Địa chỉ: Phòng 11.5, Block B, Tòa nhà Indochina Park Tower, số 4 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: +84-8. 3 9 118 839 Fax: +84-8. 3 9 118 939

Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Tầng 3 TT Hội Nghị Công Đoàn 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 84.4.38181888 Fax: 84.4.38181688

Website: www.shs.com.vn

Hồ Chí Minh, ngày ...2... tháng ...0... năm ...2015

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kiểm Tổng giám đốc



Đỗ Hùng

Phó Tổng giám đốc

Lê Thị Hồng Hạnh

Trưởng ban kiểm soát

Nguyễn Thị Kim Chi

Kế toán trưởng

Trần Trung Nghĩa

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Đức Tiên